

BỬU - CẦM
Giáo-sư Diễn-giảng
Đại-học Văn-khoa Sài-gòn



QUỐC HIỆU
★
NƯỚC TA
TỪ AN NAM ĐẾN ĐẠI NAM

TỪ SÁCH SỬ-HỌC
PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA XUẤT-BẢN
1969



QUỐC HIỆU NƯỚC TA
TỪ AN NAM ĐẾN ĐẠI NAM

BỬU - CÀM
Giáo-sư Diễn-giảng
Đại-học Văn-khoa Sài-gòn

**QUỐC HIỆU
★
NƯỚC TA
TỪ AN NAM ĐẾN ĐẠI NAM**

TỦ SÁCH SỬ-HỌC
PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC-TRẠCH VĂN-HÓA XUẤT-BẢN
— 1969 —

DS
557
.A5
B99
C17
Q9

TỰ A

Vấn-đề quốc-hiệu nước ta đã được nhiều người bàn tới.

Bởi vậy, đối với một vấn-đề quen thuộc như thế, nếu không tìm được điều gì mới lạ thì không nên viết.

Chúng tôi soạn thiên khảo-cứu này cũng chỉ nhằm mục-đích kiểm-điểm lại một vài niên-đại và sự-kiện lịch-sử còn ngờ từ khi nước ta có danh-xưng An-nam cho đến quốc-hiệu Đại Nam.

Thật vậy, có nhiều sự kiện quan-trọng xảy ra trong quá-trình tiến-hóa của dân-tộc ta mà những bộ sử Việt-nam và Trung-quốc đã chép khác nhau.

Điều đó đã làm nhiều người thắc-mắc.

Xin cử ra vài thí-dụ sau đây :

Về danh-xưng An-nam. Nhà Đường lập ra An-nam đô-hộ phủ nhưng hai chữ An-nam đã có từ đời Tam-quốc. Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục và Đại Việt sử-ký tiền-biên chép nhà Ngô phong cho Lữ Hưng làm An-nam tướng-quân vào năm 264. Cụ Nguyễn Văn-Tố cũng cho rằng danh-xưng An-nam bắt đầu có từ năm đó. Nhưng phần Ngô-chí trong Tam-quốc chí đã xác-định nhà Ngô phong Lữ Đại làm An-nam tướng-quân năm 220 và, đến năm 248, Lục Duệ cũng được phong chức ấy. Thế là hai chữ An-nam phải có từ năm 220.

Về thế-thứ của triều-đại nhà Ngô nước ta. Tân Ngũ-đại sử chép Ngô Xương-Tuấn là con của Ngô Quyền. An-nam chí-lược và An-nam chí-nguyên đều chép họ Ngô làm vua được bốn đời : Ngô Quyền, Ngô Xương-Ngập, Ngô Xương-Tuấn và Ngô Xương-Văn. Nhưng Đại Việt sử-ký toàn-thư, Đại Việt sử-ký tiền-hiên và Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục không chép Ngô Xương-Tuấn. Sử-gia Nhật-bản Naojiro Sugimoto đã viết thiên khảo-luận nhan-đề Quan ư Ngũ-đại Tổng sơ An-nam chí thồ-hào Ngô-thị đề khẳng-định Ngô Xương-Văn và Ngô Xương-Tuấn là một người.

Về quốc-hiệu Đại Nam. Giáo-sư M. Durand và học-giả Nguyễn Văn-Tổ đều cho quốc-hiệu Đại Nam bắt đầu có từ triều Minh-mệnh (1820-1840) nhưng không biết rõ năm nào. Phan Thúc-Trực, một sử-gia đời Nguyễn, làm chức khởi-cư-chủ Kinh-diên triều Tự-đức và là tác-giả sách Đỉnh-tập quốc-sử di-biên, đã có đủ tài-liệu chính-xác để chứng-minh rằng quốc-hiệu Đại Nam được đặt ra vào năm Minh-mệnh thứ 19 (1838).

Vẫn biết những điểm nêu trên chưa phải là những khám-phá tân-kỳ, nhưng đã được các sử-gia Việt-nam và ngoại-quốc chuyên khảo về lịch-sử Đông-Nam Á chú-ý và đem ra thảo-luận nhiều lần.

Ngoài ra, chúng tôi có đưa ra một số giả-thuyết để giải-thích các sự-kiện cho được hợp lý. Chúng tôi cũng biết rằng những giả-thuyết hôm nay, ngày mai sẽ bị lỗi thời. Đó là sự tiến-bộ của khoa-học. Mong rằng các sử-gia sẽ khám-phá được nhiều điều mới-mẻ để giải-quyết thỏa-đáng những nghi-vấn trong Việt-sử.

BỬU-CÀM

I.— AN-NAM VÀ TRẦN-NAM

Tháng 8 năm kỷ-mão (679) là năm thứ nhất hiệu Điều-lộ 調露 đời Đường Cao-tông 唐高宗, nhà Đường mới đặt An-nam đô-hộ phủ 安南都護府 (1), phủ-trị ở Giao-châu 交州,

(1) *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục* 欽定越史通鑑綱目 (tiền-biên, quyển 4, tờ 18a), *Cựu Đường-thư* 舊唐書 (*Địa-lý chí* 地理志, quyển 41, tờ 42a), *Tân Đường-thư* 新唐書 (*Địa-lý chí*, quyển 43 thượng, tờ 9b) và *Thái-bình hoàn-vũ ký* 太平寰宇記 (quyển 170, tờ 3a) đều chép nhà Đường bắt đầu đặt An-nam đô-hộ phủ vào tháng 8 năm Điều-lộ thứ nhất (679). *Cựu Đường-thư* và *Thái-bình hoàn-vũ ký* còn cho ta biết thêm một chi-tiết khá quan-trọng bởi câu này: «調露元年八月改交州都督府為安南都護府 = Điều-lộ nguyên niên bát nguyệt, cải Giao-châu đô-đốc phủ vi An-nam đô-hộ phủ = Hiệu Điều-lộ năm thứ nhất, tháng tám, đổi Giao-châu đô-đốc phủ làm An-nam đô-hộ phủ.» *Đại Việt sử-ký toàn-thư* 大越史記全書 (ngoại kỷ, quyển 5, tờ 3a) chép việc này vào năm 622 (hiệu Vũ-đức 武德 năm thứ 5 đời Đường Cao-tổ 唐高祖); *Đại Việt sử-ký tiền-biên* 大越史記前編 (ngoại-kỷ, quyển 6, tờ 4a) chép vào

thống cả mười hai châu là : Giao 交, Lục 陸, Phong 峯, Ái 愛, Hoan 驩, Trường 長, Phúc-lộc 福祿, Thang 湯, Chi 芝, Vũ-nga 武峨, Diễn 演 và Vũ-an 武安 (2).

năm 650 (hiệu Vinh-huy 永徽 năm thứ nhất đời Đường Cao-tông) ; *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biêu* 皇越甲子年表 (quyển thượng, tr. 260 và 270) chép vào cả hai năm 622 và 679 ; *Đường hội-yếu* 唐會要 (quyển 73, tờ 17a) cho việc đặt An-nam đô-hộ phủ do chiếu-chỉ ngày mồng 7 tháng 3 năm Điều-lộ thứ nhất (679) ; *Hoàng giản lục* 弘簡錄 (quyển 2, tờ 17b) ghi sự-kiện này vào tháng 8 năm 681 (hiệu Khai-diệu 開耀 năm thứ nhất đời Đường Cao-tông) ; H. MASPÉRO, trong bài *Le Protectorat général d'Annam sous les T'ang* (BEFEO, t. X [1910], p. 550), cho rằng An-nam đô-hộ phủ được đặt ra vào năm 679 hoặc 681. Chúng tôi theo thuyết của *Cựu Đường-thư*, *Tân Đường-thư* và *Thái-bình hoàn-vũ ký* ; chắc *Khâm-định Việt-sử* cũng chép theo các sách ấy.

(2) *Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, quyển 4, tờ 18a — 19a, có lời *căn-án* dẫn Ngô Sĩ sử như sau : « Nhà Đường đời Giao-chỉ làm An-nam đô-hộ phủ ; các châu Giao, Ái, Phúc-lộc, Hoan, Phong, Lục, Diễn và Trường, đều thuộc về quốc-giới nước ta ; còn như các châu Thang, Chi, Vũ-nga và Vũ-an, vị tất đều là đất An-nam, song vì cương-vực các châu ấy liên-lạc với đất Nam-giao, nên người ta cho thuộc về An-nam đô-hộ phủ. Nay khảo-cứu sách *Thái-bình hoàn-vũ ký* của Nhạc Sĩ đời Tống, thì thấy Trường-châu là đất Cửu-chân, tức là Thanh-hóa bây giờ, nhưng chưa rõ giới-hạn của châu ấy. Theo *Thanh nhất-thống chí*, Khâm-châu có 3 huyện là Ô-lôi, Hoa-thanh và Ninh-hải, như vậy thì Lục-châu thuộc Khâm-châu, bảo rằng Lục-châu thuộc địa-giới nước ta e lắm. Thiên *Địa-dư chí* trong bộ *Lịch-triều hiến-chương loạ-chí* của Phan Huy-Chú cho rằng Hưng-hóa là Chi-châu đời Đường,

Nhưng hai chữ An-nam đã có từ đời Tam-quốc.

Nguyễn Văn-Tổ có đề-cập vấn-đề này trong tuần-báo *Thanh-nghị*, số 68, ra ngày 3-6-1944. Nguyễn tiên-sinh đã căn-cứ vào *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục* và *Đại Việt sử-ký tiền-biên* (3) để quyết đoán rằng hai chữ An-nam đã có từ năm 264, vì năm đó nhà Ngụy cho Lữ Hưng 呂興 làm « An-nam tướng quân, Giao-chỉ thái-thú ».

Tuyên-quang là Thang-châu đời Đường, Thái-nguyên là Vũ-nga châu đời Đường, An-bang (tức Quảng-yên bảy giờ) là Vũ-an châu đời Đường ; chẳng biết thuyết đó đã căn cứ vào đâu. » *Giao-châu* có 8 huyện : Tống-bình 宋平, Nam-định 南定, Thái-bình 太平, Giao-chỉ 交趾, Chu-diên 朱鳶, Long-biên 龍編, Bình-đạo 平道 và Vũ-bình 武平 ; *Lục-châu* có 3 huyện : Ô-lôi 烏雷, Hoa-thanh 華清 và Ninh-hải 寧海 ; *Phong-châu* có 5 huyện : Gia-ninh 嘉寧, Thừa-hóa 承化, Tân-xương 新昌, Cao-son 高山 và Châu-lục 珠綠 ; *Ái-châu* có 6 huyện : Cửu-chân 九真, An-thuận 安順, Sùng-bình 崇平, Quân-ninh 軍寧, Nhật-nam 日南 và Trường-lâm 長林 ; *Hoan-châu* có 4 huyện : Cửu-đức 九德, Phố-dương 浦陽 (*Đại Nam nhất-thống chí*, quyển 14, tờ 2b, chép là Bồ-dương 蒲陽), Việt-thường 越裳 và Hoài-hoan 懷驩 (*Đại Nam nhất-thống chí*, quyển 14, tờ 2b, chép là Hàm-hoan 咸驩) ; *Trường-châu* có 4 huyện : Văn-dương 文陽, Đồng-thái 銅綦, Trường-son 長山 và Kỳ-thường 其常 ; *Phúc-lộc châu* có 3 huyện : Nhu-viễn 柔遠, Đường-lâm 唐林 và Phúc-lộc 福祿 ; *Thang-châu* có 3 huyện : Thang-tuyền 湯泉 (*Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, quyển 4, tờ 19b, chép là Dương-tuyền 陽泉), Lục-thủy 綠水 và La-thiều 羅韶 ; *Chi-châu* có 7 huyện : Hân-thành 忻城, Phú-xuyên 富川, Bình-tây 平西, Lạc-quang 樂

Nhưng theo sự khảo - cứu của chúng tôi, thì Lữ Đại 呂岱 (năm 220) và Lục Duệ 陸裔 tức Lục Dận 陸胤 (năm 248) đã được phong chức An - nam tướng-quân rồi. Việc này sử Trung-hoa chép rất rõ (4) nhưng sử ta không chép đến (5). Sử ta chép Lữ Hưng làm An-nam tướng-quân (6), nhưng sử Trung-hoa không chép như vậy (7).

光, Lạc-diễm 樂 勉, Đa-vân 多 雲 và Tư-long 思 龍 (*Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, quyển 4, tờ 19b, chép là Ân-long 恩 龍); Vũ-nga châu có 7 huyện: Vũ-nga 武 峩, Như-mã 如 馬, Vũ-nghĩa 武 義, Vũ-di 武 夷, Vũ-duyên 武 緣, Vũ-lao 武 勞 và Lương-son 梁 山; Diển-châu có 7 huyện: Trung-nghĩa 忠 義, Hoài-hoan 懷 驩, Long-tri 龍 池, Tư-nông 思 農, Vũ-lang 武 郎, Vũ-dung 武 容 và Vũ-kim 武 金; Vũ-an-châu có 2 huyện: Vũ-an 武 安 và Lâm-giang 臨 江 (*Tân Đường-thư*, quyển 43 thượng, tờ 9b-11a. Đối-chiếu với *Cựu Đường-thư*, quyển 41, tờ 42a-46b). Hoài-hoan nguyên thuộc Hoan-châu, đã được đổi tên là Diển-châu vào năm Trinh-quán 貞 觀 thứ nhất (627) đời Đường Thái-tông 唐 太 宗, sau đó lại bỏ đi, đến năm Quảng-đức 廣 德 thứ 2 (764) đời Đường Đại-tông 唐 代 宗, nhà Đường mới chia Hoan-châu và đặt lại Diển-châu (*Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, quyển 4, tờ 20b; *Đại Nam nhất-thống chí*, quyển 14, tờ 2ab). Giao-châu, do nhà Hán đặt ra, nguyên gồm có 7 quận: Nam-hải 南 海, Uất-lâm 鬱 林, Thương-ngô 蒼 梧, Giao-chỉ 交 趾, Hợp-phố 合 浦, Cửu-chân 九 真 và Nhật-nam 日 南; Phong-châu, nay là địa-hạt các phủ Vĩnh-tường và Lâm-thảo tỉnh Sơn-tây, chứ không phải chuyên chỉ một huyện Bạch-hạc [như *Đại Việt sử-ký toàn-thư* (ngoại-ký, quyển 1, tờ 3a) đã chép; *Ái-châu*, nguyên là quận

Về sự-kiện này, chúng ta nên tin theo sử ta hay sử Trung-hoa?

Tôi xin trả lời dứt khoát rằng : chúng ta nên theo sử Trung-hoa, nhất là liệt-truyện của Lữ Đại và Lục Dận trong *Ngô chí* là một bộ chính-sử chép về nước Ngô đời Tam-quốc (Lữ Đại và Lục Dận là người nước Ngô). Dù Lữ Hưng có làm An-nam tướng-quân năm 264, thì trước đó, Lữ Đại (năm 220) và Lục Dận (năm 248) đã giữ chức ấy rồi.

Cửu-chân, đến năm Phổ-thông 普通 thứ 4 (523) đời Lương Vũ-đế 梁武帝 mới đặt làm châu Ái, nay là địa-hạt tỉnh Thanh-hóa; Chi-châu, xưa là bộ Tân-hưng, nay là tỉnh Hưng-hóa; Diển-châu, xưa là bộ Việt-thường, nay là phủ thuộc tỉnh Nghệ-an; Phúc-lộc-châu thuộc địa-giới tỉnh Thanh-hóa ngày nay, nhưng chưa biết đích-xác chỗ nào; Trường-châu và Thang-châu, xưa thuộc bộ Vũ-định, nay là tỉnh Tuyên-quang; Vũ-nga châu, xưa thuộc bộ Vũ-định, nay là tỉnh Thái-nguyên (*Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, quyền 1, tờ 1b-2a; quyền 3, tờ 33a; quyền 4, tờ 20ab). Đời Đường, Giao-châu gồm cả Hà-nội, Bắc-ninh và Nam-định ngày nay; Phong-châu gồm đất hai tỉnh Sơn-tây, Vinh-yên ngày nay; Trường-châu là đất tỉnh Ninh-bình ngày nay; Ái-châu là tỉnh Thanh-hóa bây giờ; Hoan-châu là tỉnh Hà-tĩnh bây giờ; Diển-châu là đất Nghệ-an bây giờ; Phúc-lộc châu là phần đất Đông-Nam tỉnh Nghệ-an cho đến địa-giới tỉnh Hà-tĩnh ngày nay; Lục-châu là phần đất từ tỉnh Lạng-son đến tỉnh Quảng-yên ngày nay; Thang-châu nay là tỉnh Tuyên-quang; Chi-châu nay là tỉnh Hưng-hóa; Vũ-nga châu nay là tỉnh Thái-nguyên; Vũ-an châu thuộc tỉnh Quảng-yên ngày nay. (LỮ SĨ-BẰNG 呂士朋, *Bắc-thuộc thời-kỳ lịch Việt-nam* 北屬時期的越南, Hương-cảng, Trung-văn đại-học Tân-Á nghiên-cứu sở xuất-bản, 1964, tr. 123-124).

Có lẽ các sử-gia nước ta đã lầm lẫn chức An-nam tướng quân của Lữ Đại và Lục Dận với chức Nam-trung tướng-quân của Lữ Hưng chăng? Nam-trung tướng-quân nghĩa là « vị tướng-quân ở đất Giao-nam ». Nhà Ngụy đã phong cho Lữ Hưng chức đó thật hợp-lý, vì Lữ Hưng vốn là một viên quận-lai đã nổi lên làm phản, giết chủ-tướng là thái-thú Tôn Tư của

(3) *Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, quyển 3, tờ 10a-11a, chép: « 甲申 (吳孫皓元興元年魏咸熙元年) 秋七月吳復分交州之地置廣州是歲吳割南海蒼梧鬱林三郡立廣州治番禺交阯九真日南合浦為交州治龍編交廣之分始此 [...] 魏以呂興為安南將軍都督交州諸軍事以南中監軍霍弋遠領交州刺史得以便宜選用長吏戈表鑿谷 (一作樊谷) 為交阯太守率牙門董元王素等將兵助興未至興為功曹李統所殺谷亦死 = Giáp-thân (Ngô Tôn Hạo, Nguyên-hưng nguyên niên; Ngụy Hàm-hy nguyên niên), thu thất nguyệt, Ngô phục phân Giao-châu chi địa, trí Quảng-châu. Thị tuế Ngô cát Nam-hải, Thương-ngô, Uất-lâm tam quận, lập Quảng-châu, trí Phiên-ngung (ngu); Giao-chi, Cửu-chân, Nhật-nam, Hợp-phố vi Giao-châu, trí Long-biên. Giao Quảng chi phân thủy thứ [...] Ngụy dĩ Lữ Hưng vi An-nam tướng-quân, đô-đốc Giao-châu chư quân sự; dĩ Nam-trung giám-quân Hoắc Dực dao lĩnh Giao-châu thứ-sử, đốc dĩ tiện-nghi tuyên-dụng trưởng-lại; Dực biểu Thoán Cốc (nhất tác Phàn Cốc) vi Giao-chi thái-thú, suất nha-môn Đồng Nguyên, Vương Tổ đẳng, tướng binh trợ Hưng, vị chí, Hưng vi công-tào Lý Thống sở sát, Cốc diệt tử = Năm giáp-thân (hiệu Nguyên-hưng thứ nhất của Tôn Hạo nhà Ngô, hiệu Hàm-hy thứ nhất của nhà Ngụy), mùa thu, tháng 7, nhà Ngô lại chia đất châu Giao, đặt làm châu

Ngô, rồi quay sang hàng Ngụy và xin được thay Tôn Tư làm thái-thú Giao-chỉ, chứ Hưng không có công bình-dịnh Giao-châu (8). Khác với Lữ Hưng, Lữ Đại và Lục Dận đã đến Giao-châu trong lúc ở đây có biến-loạn và đã dẹp yên giặc-giã, đem lại sự thanh-bình trong châu quận. Bởi vậy, Lữ Đại và Lục Dận mới được phong chức An-nam tướng-quân, nghĩa là « vị tướng-

Quảng. Năm đó, nhà Ngô cắt ba quận Nam-hải, Thương-ngô và Uất-lâm, lập ra châu Quảng, đặt châu-trị tại Phiên-ngung ; các quận Giao-chỉ, Cửu-chân, Nhật-nam và Hợp-phố làm châu Giao, đặt châu-trị tại Long-biên. Sự phân chia giữa Giao và Quảng bắt đầu từ đây [...]. Nhà Ngụy dùng Lữ Hưng làm An-nam tướng-quân, coi hết mọi việc quân ở châu Giao ; cho chức Nam-trung giám-quân Hoắc Dực ở xa mà lĩnh thứ-sử châu Giao và được tiện-nghỉ tuyên-dụng các trưởng lại. Hoắc Dực dâng biểu xin cho Thoán Cốc (hoặc Phàn Cốc) làm thái-thú Giao-chỉ, cho bọn nha-tướng là Đồng Nguyên và Vương Tổ đem quân đến giúp Lữ Hưng, nhưng chưa đến nơi, Hưng đã bị công-tào Lý Thống giết, Thoán Cốc cũng chết. » *Đại Việt sử-ký tiền-biên*, ngoại-kỷ, quyển 4, tờ 7a, cũng chép như vậy. *Đại Việt sử-ký toàn-thư*, ngoại-kỷ, quyển 4, tờ 4b, chép có hơi khác bởi câu này : « 時吳已附于晉晉以呂興為安南將軍都督交州諸軍事 = Thời Ngô dĩ phụ vu Tấn, Tấn dĩ Lữ Hưng vi An-nam tướng-quân, đô-đốc Giao-châu chư quân sự = Lúc đó, nhà Ngô đã phụ-thuộc nhà Tấn, nhà Tấn dùng Lữ Hưng làm An-nam tướng-quân, coi cả các việc quân ở Giao-châu. » *Toàn-thư* đã chép sai, vì nhà Tấn kế nhà Ngụy từ năm 265, còn nhà Ngô đến năm 280 mới diệt-vong.

(4) *Tam-quốc chí* 三國志, *Ngô chí* 吳志, quyển 15, tờ 6b-7a,

quân của đất Giao-nam yên-ôn » hay là « vị tướng-quân, đã bình-định cõi Giao-nam ».

Nguyễn Văn-Tố, sau khi dựa vào những tài-liệu trong *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục*, *Đại Việt sử-ký tiền-biên* và *Đại Việt sử-ký toàn-thư* (đã dẫn ở trước) để chứng-minh danh-xưng An-nam có từ năm Lữ Hưng làm thái-thủ Giao-chỉ, đã

chép về Lữ Đại có đoạn như sau : « 延康元年代步騭為交州刺史到州高涼賊帥錢博乞降岱因承制以博為高涼西郡都尉又鬱林夷賊攻聞郡縣岱討破之是時桂陽滇陽賊王金合眾於南海界上首亂為害權又詔岱討之生縛金送詣都斬首獲生凡萬餘人遷安南將軍封都鄉侯 = Diên-khang nguyên niên, đại Bộ Chất vi Giao-châu thứ-sử. Đáo châu, Cao-lương tặc sứ Tiền Bác khát hàng. Đại nhân thừa chế dĩ Bác vi Cao-lương Tây-quận đô-úy. Hựu Uất-lâm di tặc công vi quận huyện, Đại thảo phá chi. Thị thời Quế-dương Trinh-dương tặc Vương Kim hợp chúng ư Nam-hải giới thượng thủ loạn vi hại. Quyền hựu chiếu Đại thảo chi, sinh phục Kim tổng nghệ đô trăm thủ, hoạch sinh phạm vạ dư nhân. Thiên An-nam tướng-quân, phong Đô-hương hầu = Năm Diên-khang thứ 1 (220) Lữ Đại thay Bộ Chất làm thứ-sử Giao-châu. Lúc Lữ Đại đến Giao-châu, thì người đầu sỏ bọn giặc Cao-lương là Tiền Bác xin hàng. Nhân đó, Lữ Đại thừa lệnh trên dùng Tiền Bác làm đô-úy Cao-lương Tây-quận. Lại bọn giặc rợ ở Uất-lâm vây đánh quận huyện ; Lữ Đại đánh phá được bọn ấy. Lúc bấy giờ tên giặc ở huyện Trinh-dương quận Quế-dương là Vương Kim tụ họp bọn nó ở biên giới Nam-hải làm loạn gây nên tai hại. Tôn Quyền ra lệnh cho Lữ Đại đến đánh bọn giặc ấy, bắt trói Vương Kim đưa về kinh-đô

kết-luận rằng : « Tuy hai chữ ấy là một tên quan, mà chức quan ấy chưa làm gì ở nước ta, nhưng tìm cội-gốc nên cho hai chữ « An-nam » có từ năm 264. » (9).

Nay theo liệt-truyện Lữ Đại và Lục Dận trong *Ngô chí*, chúng ta nên đính-chính lại thuyết của Nguyễn Văn-Tổ và cho hai chữ An-nam đã có trước thời Lữ Hưng.

chém đầu, và bắt sống được hơn một vạn người. Do đó, Lữ Đại được thiên chức An-nam tướng-quân và được phong tước Đô-hương hầu.» Đối-chiếu với LỮ SĨ-BẰNG 呂士朋, *Bắc-thuộc thời-kỳ địch Việt-nam* 北屬時期的越南, Hương-cảng, Trung-văn đại-học Tân-Á nghiên-cứu sở xuất-bản, 1964, tr. 59.— *Tam-quốc chí* 三國志, *Ngô chí* 吳志, quyển 16, tờ 10a, chép về Lục Dận có đoạn như sau : « 赤烏十一年交趾九真夷賊攻沒城邑交部騷(騷)動以胤爲交州刺史安南校尉胤入南界喻(諭)以恩信務崇招納 [...] 交域清泰就加安南將軍 = Xích-ô thập nhất niên, Giao-chỉ Cửu-chân di tặc công một thành ấp, Giao-bộ tao-động ; dĩ Dận vi Giao-châu thứ-sử, An-nam hiệu-úy ; Dận nhập Nam giới, dụ dĩ ân tín, vụ sùng chiêu nạp [...] Giao vực thanh thái, tựu gia An-nam tướng-quân = Năm Xích-ô thứ 11 (248), giặc rợ ở Giao-chỉ, Cửu-chân đánh lấy thành ấp, dân Giao-châu chấn-động. [Ngô chúa] dùng [Lục] Dận làm Giao-châu thứ-sử, An-nam hiệu-úy ; Dận vào đất Giao-nam, lấy điều ân-tín mà hiệu-dụ dân-chúng và chiêu-nạp những kẻ hiền tài [. . .] Khi cỡi-bò Giao-châu đã được yên-ôn, [nhà Ngô] bèn gia [cho Dận] chức An-nam tướng-quân.» Vậy là trước lúc được gia chức An-nam tướng-quân, Dận đã làm chức An-nam hiệu-úy ; hai chức ấy đều có chữ « An-nam ».

Nhưng danh-xưng An-nam không tốt đẹp gì đối với nước ta, vì nó đã ghi lại những sự-kiện lịch-sử nhục-nhã trong thời dân-tộc ta ở dưới ách đô-hộ của Trung-quốc.



Tháng 9 năm Chí-đức 至德 thứ 2 (đinh-dậu, 757)

An-nam chí-nguyên 安南志原, hiệu-bản của Pháp-quốc Viễn-Đông Học-viện, Hà-nội, IDEO, 1932, quyển 2, tr. 152, chép rằng: “陸裔名胤字恭宗 [...] 吳赤烏十一年交趾九真賊攻沒城邑以裔為交州刺史入界誘以恩信務崇招納遺以財物賊眾及民莫不稽顙交州清泰由安南將軍封都亭侯 = Lục Duệ, danh Dận, tự Cung-tông [...] Ngô Xích-ô thập nhất niên, Giao-chỉ Cửu-chân tặc công một thành ấp; dĩ Duệ vi Giao-châu thứ-sử; nhập giới, dụ dĩ ân tín, vụ sùng chiêu nạp, dị dĩ tài vật, tặc chúng cấp dân mạc bất khê tàng. Giao-châu thanh thái. Do An-nam tướng-quân phong Đô-đình-hầu = Lục Duệ, tên Dận, tên chữ là Cung-tông [...] Năm Xích-ô thứ 11 đời Ngô, giặc ở Giao-chỉ, Cửu-chân đánh lấy thành-ấp. [Nhà Ngô] dùng Duệ làm Giao-châu thứ-sử. Duệ đến nơi, lấy điều ân-tín mà dụ-dỗ dân-chúng và chiêu-nạp những người có tài-năng, lại đem của-cải cho họ; bọn giặc và nhân-dân đều cúi đầu phục mệnh. Giao-châu được thanh-bình. Duệ do chức An-nam tướng-quân được phong-tước Đô-đình-hầu.» *An-nam chí-lược* 安南志畧, hiệu-bản của Viện Đại-học Huế, 1961, phần chữ Hán, quyển 7, trang 90, cũng chép như thế.

(5) *Khâm-dịnh Việt-sử*, tiên-biên, quyển 3, tờ 8b-9a, chép: “戊辰 (吳赤烏十一年漢延熙十一年魏正始九年) 九真

đời Đường Túc-tông 唐肅宗, nhà Đường đổi An-nam đô-hộ phủ làm Trấn-nam đô-hộ phủ 鎮南都護府 (10).

Danh-xưng « Trấn-nam » đã có từ năm 226 (hiệu Hoàng-vũ 黃武 thứ 5 của Ngô Tôn Quyền). Năm đó, Ngô-chủ phong Lữ Đại 呂岱 làm Trấn-nam tướng-quân (11). Thế là các danh-

趙姬聚衆攻掠郡縣刺史陸胤擊平之 = Mậu-thìn (Ngô Xích-ô thập nhất niên, Hán Diên-hy thập nhất niên, Ngụy Chính-thủy cửu niên), Cửu-chân Triệu Âu tụ chúng công lược quận huyện ; thứ-sử Lục Dận kích bình chi = Năm mậu-thìn (hiệu Xích-ô thứ 11 của nhà Ngô, hiệu Diên-hy thứ 11 của nhà Hán, hiệu Chính-thủy thứ 9 của nhà Ngụy), Triệu Âu ở Cửu-chân họp nhiều người lại rồi kéo đi đánh cướp quận huyện ; thứ-sử Lục Dận đánh dẹp yên giặc ấy. » Đó là phần *ương*, còn đây là phần *mục* : « 九真復攻臨城邑州郡騷動吳主以衡陽督軍都尉陸胤爲刺史兼校尉胤入境諭以恩信降者三萬餘家州境復清九真郡女子趙姬聚衆攻掠郡縣胤擊平之 = Cửu-chân phục công hãm thành ấp ; châu quận tao động. Ngô chủ dĩ Hành-dương đốc-quân đô-úy Lục Dận vi thứ-sử kiêm hiệu-úy. Dận nhập cảnh, dụ dĩ ân-tín, hàng giả tam vạn dư gia, châu cảnh phục thanh. Cửu-chân quận nữ tử Triệu Âu, tụ chúng công lược quận huyện, Dận kích bình chi = Người Cửu-chân lại đánh phá thành-ấp, làm cho châu quận chấn-động. Ngô-chúa cho Hành-dương đốc-quân đô-úy Lục Dận làm thứ-sử kiêm hiệu-úy. Dận vào Giao-châu, lấy điều ân-nghĩa và thành-tín để hiệu-dụ dân-chúng, có hơn ba vạn nhà quy-hàng ; do đó, trong châu lại thanh-bình như cũ. Người con gái ở Cửu-chân là Triệu Âu tụ-hợp nhiều người kéo đi đánh phá quận huyện ; Dận đánh dẹp yên

xung « An-nam » và « Trấn-nam » đều bắt đầu xuất-hiện trong lúc Lữ Đại ở Giao-châu.

Trong thời nước ta còn là một châu của Trung-quốc, các triều-đại Trung-hoa đã dùng những chức Tuy-nam tướng-quân

giặc ấy. » *Đại Việt sử-ký toàn-thư* (ngoại-ký, quyển 4, tờ 3b-4a) và *Đại Việt sử-ký tiền-biên* (ngoại-ký, quyển 4, tờ 6 ab) cũng chép như vậy và tuyệt-nhiên không nói tới chức « An-nam tướng-quân » của Lục Dận.

(6) *Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, quyển 3, tờ 10a-11a; *Đại Việt sử-ký toàn-thư*, ngoại-ký, quyển 4, tờ 4b; *Đại Việt sử-ký tiền-biên*, ngoại-ký, quyển 4, tờ 7a.

(7) *Tam-quốc chí*, *Ngụy chí*, quyển 4, tờ 27b, đã ghi rõ chức tước của Lữ Hưng như thế này : « 都督交州諸軍事南中大將軍封定安縣侯 = Đô-đốc Giao-châu chư quân sự, Nam-trung đại tướng-quân, phong Định-an huyện-hầu. »

(8) *Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, quyển 3, tờ 9b : « 癸未 (吳永安六年漢炎興元年魏景元四年) 夏五月交趾郡吏呂興殺其太守孫請以郡降于魏 = Quý-vị (Ngô Vĩnh-an lục niên, Hán Viêm-hưng nguyên niên, Ngụy Cảnh-nguyên tứ niên), hạ ngũ nguyệt, Giao-chỉ quận-lại Lữ Hưng sát kỳ thái-thú Tôn Tư, dĩ quận hàng vu Ngụy = Năm quý-vị (263, hiệu Vĩnh-an thứ 6 của nhà Ngô, hiệu Viêm-hưng thứ nhất của nhà Hán, hiệu Cảnh-nguyên thứ 4 của nhà Ngụy), mùa hạ, tháng 5, viên quận-lại quận Giao-chỉ là Lữ Hưng giết thái-thú Tôn Tư rồi đem quận hàng nhà Ngụy. » *Đại Việt sử-ký tiền-biên* (ngoại-ký, quyển 4, tờ 6b) và *Hoàng-Việt giáp-tý niên-*

(12), Trấn-nam tướng-quân và An-nam tướng-quân, v. v..., đề phong cho các thái-thú và thứ-sứ có công dẹp yên giặc. giã ở Giao-châu. Sau đó, những chữ « An-nam » và « Trấn-nam » lại được dùng để đặt tên cho phủ đô-hộ.

biều (quyển thượng, trang 193) cũng chép như vậy. *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, ngoại ký, quyển 4, tờ 4a, chép có khác bởi câu này : « 呂興殺諱及詢 (荀) 而請太守於晉 = Lữ Hưng sát Tư cấp Tuân nhi thỉnh thái-thú ư Tấn = Lữ Hưng giết [Tôn] Tư và [Đặng] Tuân rồi xin chức thái-thú nơi nhà Tấn.» Như thế là lầm, vì *Tam-quốc chí*, *Ngô chí*, quyển 3, tờ 9a, đã chép khá rõ-ràng như sau : « 永安六年五月交趾郡吏呂興等反殺太守孫諱 [...] 呂興既殺孫諱使使如魏請太守 = Vĩnh-an lục niên ngũ nguyệt, Giao-chỉ quận lại Lữ Hưng đảng phản, sát thái-thú Tôn Tư [...] Lữ Hưng ký sát Tôn Tư, sử sử như Ngụy thỉnh thái-thú = Năm Vĩnh-an thứ 6, tháng 5, quận-lại quận Giao-chỉ là bọn Lữ Hưng làm phản, giết thái-thú Tôn Tư [...] Sau khi đã giết Tôn Tư, Lữ Hưng sai sứ sang nhà Ngụy bề xin lĩnh chức thái-thú.»

(9) NGUYỄN VĂN-TỐ, *Sử ta so với sử Tàu*, trong tuần-báo *Thanh-nghị*, năm thứ 3, số 68, ngày 3-6-1944, trang 17.

(10) *Cựu Đường-thư* (quyển 41, tờ 42 a), *Tân Đường-thư* (quyển 43 thượng, tờ 9b), *Thái-bình hoàn-vũ ký* (quyển 170, tờ 3a), *Nguyên-hòa quận huyện chí* (quyển 38, tờ 2b) và *Khâm-định việt-sử* (tiền-biên, quyển 4, tờ 23b) đều xét-đoán nhất-định việc nhà Đường đổi An-nam đô-hộ phủ làm Trấn-nam đô-hộ phủ vào năm 757. *Đại Việt sử-ký toàn-thư* (ngoại-ký, quyển 5, tờ 4b) và *Đại Việt sử-ký tiền-biên* (ngoại-ký,

Năm Đại lịch 大曆 thứ 3 (mậu-thân, 768) đời Đường Đại-tông 唐代宗, nhà Đường lại đổi Trấn-nam làm An-nam (13).

quyển 6, tờ 7a) đều chép vào năm 758 (mậu-tuất, Chí-đức thứ 3). *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biểu* (quyển thượng, trang 282) chép vào năm 756 (bính-thân, Chí-đức nguyên-niên).

(11) *Tam-quốc chí*, *Ngô-chí*, quyển 15, tờ 6b và 7a, chép Lữ Đại được thiên chức An-nam tướng-quân rồi lại được tấn-phong Trấn-nam tướng-quân. Cũng trong *Tam-quốc chí*, *Ngô chí*, quyển 2, tờ 24b, chép việc về năm Xích-ô thứ 9 (246) có câu: “鎮南呂岱為上大將軍 = Trấn-nam Lữ Đại vi thượng đại-tướng quân”. *An-nam chí-lược*, hiệu-bản của Viện Đại-học Huế, phần chữ Hán, trang 90, chép Lữ Đại được phong chức Trấn-nam tướng-quân 鎮南將軍 và tước Phiên-ngung hầu 番禺侯. *Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, quyển 3, tờ 5a, chép nhà Ngô tấn-phong Lữ Đại chức An-nam tướng-quân và cho làm Giao-châu mục vào năm 226 (bính-ngọ). *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biểu*, quyển thượng, trang 185, cũng chép Lữ Đại làm Giao-châu mục vào năm 226. *Đại Việt sử-ký toàn-thư* (ngoại-ký, quyển 4, tờ 3b) và *Đại Việt sử-ký tiền-biên* (ngoại-ký, quyển 4, tờ 4b và tờ 6a) đều chép Lữ Đại được nhà Ngô phong chức Trấn-nam tướng-quân và tước Phiên-ngung hầu vào năm 231 (tân-hợi).

(12) *An-nam chí-lược* (hiệu-bản của Viện Đại-học Huế, phần chữ Hán, trang 89) và *An-nam chí-nguyên* (hiệu-bản của PQVĐHV, quyển 3, trang 175) đều chép Sĩ Nhiếp 士變 đã được nhà Hán phong chức Tuy-nam tướng-quân 綏南將軍. *Tam-quốc chí*, *Ngô chí* (quyển 4, tờ 8a) và *Việt-sử lược* (bản chữ Hán chép tay của Viện Khảo-cò, số VS-

Tháng 2 năm Hàm-thông 咸通 thứ 3 (862) đời Đường Ý-tông 唐懿宗, quân Nam-chiếu (14) trên Văn-nam tràn xuống cướp phá phủ An-nam đô-hộ ; nhà Đường dùng Thái Tập 蔡襲 làm kinh-lược-sứ để chống với quân giặc (15).

39, tờ 9b-10a) đều chép Sĩ Nhiếp có được phong chức Tuy-nam trung-lang-tướng 按南中郎將. *Khâm-định Việt-sử* (tiền-biên, quyển 2, tờ 30a), *Đại Việt sử-ký toàn-thư* (ngoại kỳ, quyển 3, tờ 10b), *Đại Việt sử-ký tiền-biên* (ngoại kỳ, quyển 3, tờ 16b) và *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biêu* (quyển thượng, trang 181) đều chép Sĩ Nhiếp được nhà Hán phong chức Tuy-nam trung-lang-tướng vào năm 207 (đinh-hợi, hiệu Kiến-an 建安 năm thứ 12 đời Hán Hiến-đế 漢獻帝).

(13) *Thái-bình hoàn-vũ ký*, quyển 170, tờ 3a : « 大曆三年罷節度置經略仍改鎮南為安南 = Đại-lịch tam niên, bãi tiết độ, trí kinh-lược, nhưng cải Trấn-nam vi An-nam = Năm Đại-lịch thứ 3, [nhà Đường] bãi chức tiết-độ, đặt chức kinh-lược, đổi tên Trấn-nam làm An-nam như cũ.» *Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, quyển 4, tờ 25b : « 戊申唐大曆三年唐復改鎮南為安南都護府 = Mậu-thân, Đường Đại-lịch tam niên, Đường phục cải Trấn-nam vi An-nam đô-hộ phủ = Năm mậu-thân, hiệu Đại-lịch thứ 3, nhà Đường lại đổi Trấn-nam làm An-nam đô-hộ phủ.» *Tân Đường-thư* (quyển 43 thượng, tờ 9b), *Nguyên-hòa quận huyện chí* (quyển 38, tờ 3a), *Đại Việt sử-ký toàn-thư* (ngoại-kỳ, quyển 5, tờ 5a), *Đại Việt sử-ký tiền-biên* (ngoại-kỳ, quyển 6, tờ 7b) và *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biêu* (quyển thượng, trang 285) đều chép nhà Đường đổi lại Trấn-nam làm An-nam vào năm Đại-lịch thứ 3 (mậu-thân, 768).

Tháng 5 năm đó, nhà Đường chia Lĩnh-nam 嶺南 làm hai đạo Đông và Tây (16), cho Vi Trụ 韋宙 và Thái Kinh 泰京 làm tiết-độ-sứ (17). Nguyên lúc trước Lĩnh-nam chia làm năm là Quảng

(14) *Nam-chiếu* 南詔: vốn là giống Ai-lao-di 哀牢夷, và cũng là biệt chủng của Ô-man 烏蠻. Người ta cho rằng Nam-chiếu cùng một gốc với giống Thái. *Chiếu* (người Thái đọc là *châu*) có nghĩa là *chúa*. Vì vậy, tù-trưởng của một bộ-lạc hoặc vua một nước cũng gọi là *chiếu*. Nguyên có 6 *chiếu* là: Mông-xá 蒙舍, Mông-túy 蒙騫, Ma-ta 磨些 (hoặc Việt-tích 越析), Lãng-khung 浪穹, Đãng-thiền 濠州 và Thi-lãng 施浪. Về đời Đông-Hán, chủng-tộc này ở phía Đông quận Vĩnh-xương 永昌 (nay là huyện Bảo-sơn 保山 tỉnh Vân-nam 雲南) và sáu *chiếu* đều có binh-lực ngang nhau, nên không *chiếu* nào chịu phục *chiếu* nào; nhưng sau đó đều thần-phục nhà Thục-Hán, vì bị Chư-cát Lượng chinh-thảo. Về đời Đường, địa-bản của sáu *chiếu* ở khoảng giao-giới giữa hai tỉnh Tứ-xuyên 四川 và Vân-Nam 雲南 bây giờ. *Chiếu* Mông-xá ở về phương Nam, đối với năm *chiếu* kia, thành-thủ mới gọi là Nam-chiếu (sau Mông-xá kiêm-tính cả năm *chiếu* kia, nên hai chữ Nam-chiếu trở thành tông-danh của cả sáu *chiếu*). Đời Đường Cao-tông 唐高宗 (650-683), cháu của Mông-xá Long 蒙舍龍 là Tể-nô-la 細奴邏 (con của Gia-độc-bàng 迦獨龐) có đến châu; đời Vũ-hậu 武后 (684-704), con của Tể-nô-la là La-thịnh 羅盛 cũng có đến triều-cống. Trong niên-hiệu Khai-nguyên 開元 (713-741) đời Đường Huyền tông 唐玄宗, La-thịnh chết, con là Thịnh-la-bi 盛邏皮 lên thay; rồi Thịnh-la-bi chết, con là Bi-la-các 皮邏閣 kế vị. Năm Khai-nguyên thứ 26 (738), nhà Đường phong Bi-la-các trước Việt-quốc-công 越國公 và cho tên là

廣, Quế桂, Ung邕, Dung容 và An-nam安南. Thái Kinh tâu xin chia Quảng-châu làm Đông-đạo, Ung-châu làm Tây-đạo (18).

Quy-Nghĩa 歸義; sau Bi-la-các có công đánh thắng Nhị-hà-man 洱河蠻 (hoặc 𤓗蠻) nên được sách phong Vân-nam-vương 雲南王. Bi-la-các chết, con là Các-la-phượng 閣羅鳳 kế vị năm 749 (hiệu Thiên-thảo 天寶 năm thứ 8 đời Đường Huyền-tông). Đến năm Thiên-bào thứ 9 (750), Các-la-phượng chống lại nhà Đường, tiếm hiệu Đại-mông 大蒙, đóng đô tại thành Dương-tà-mị 羊苴咩. (đọc theo âm riêng của tên thành này được chua trong *Từ-hải* 辭海 và *Khang-hy tự-điền* 康熙字典) tức là huyện Đại-lý 大理 thuộc tỉnh Vân-nam bây giờ. Nhà Đường đem quân tới đánh Nam-chiếu nhưng không thắng. Nam-chiếu tuyệt-giao với nhà Đường và xoay sang thần-phục Thồ-phiền 吐蕃 (nay là Tây-tạng 西藏); Các-la-phượng được chúa Thồ-phiền phong làm Đông-đế 東帝 và cho hiệu là *Tán-phổ-chung* 贊普鍾 (tiếng chung của Thồ-phiền nghĩa là em, còn *tán-phổ* là vua, chúa; *tán-phổ-chung* nghĩa là em của chúa Thồ-phiền). Sau vì không chịu nổi những yêu-sách và trưng-dịch của Thồ-phiền, chúa Nam-chiếu là Dị-mâu-tầm 異牟尋 (lên ngôi năm 779) lại quy-phụ nhà Đường và hợp binh với Thôi Tá-Thi 崔佐詩 tập-kích Thồ-phiền, hạ được 16 thành của đối-phương. Nhưng đến năm 829 (hiệu Thái-hòa 太和 năm thứ 3 của Đường Văn-tông 唐文宗), cuộc xung-đột giữa Nam-chiếu và nhà Đường lại bùng lên. Nam-chiếu đã nhiều lần xua quân sang đánh phá An-nam đô-hộ phủ và đã có lần tàn-sát đến 15 vạn người. Năm 859, Nam-chiếu đổi quốc-hiệu là Đại-lễ 大禮, và lúc đó là thời

Tháng giêng năm Hàm-thông thứ 4 (qui-vị, 863), quân Nam-chiếu công-hãm phủ-thành, Thái Tập chết (19). Tháng 6 năm ấy, nhà Đường bỏ An-nam đô-hộ phủ, đặt Hành Giao-châu ở trấn Hải-môn (20), cho chức hữu-giám-môn vệ-trưởng-quân là Tống Nhung 宋戎 làm thứ-sử Hành Giao-châu, chức

cực-thỉnh của nước ấy. Đến lúc họ Trịnh làm vua Nam-chiếu (Trịnh Mãi 鄭買 tự lập năm 902), đổi tên nước là Đại-trường - hòa 大長和. Đời Hậu - Đường 後唐 (923 - 935), họ Triệu 趙 (Triệu Thiện-Chính 趙善政) thay thế họ Trịnh, đổi tên nước là Đại-thiên-hưng 大天興. Sau đó, Dương Can-Chân 楊干真 đoạt ngôi của họ Triệu, đổi tên nước là Đại-nghĩa-ninh 大義寧. Đời Hậu-Tấn 後晉 (936-946), Đoàn Tư-Bình 段思平 đuổi Can-Chân, tự lập nhà vua, đổi tên nước là Đại-lý 大理. Thời Tống sơ vẫn còn tên Đại-lý, nhưng rồi sau họ Cao 高 (Cao Thăng-Thái 高昇太) lên làm vua vào năm 1099 (hiệu Nguyên-phù 元符 năm thứ 2 đời Tống Triết-tông 宋哲宗), đổi tên nước là Đại-trung-quốc 大中國. Sau đó, họ Đoàn 段 được lập lại với Đoàn Chính-Thuần 段正淳, và tên nước lại được đổi là Hậu-lý-quốc 後理國. Năm 1253, nước này bị Mông-cổ 蒙古 chinh phục và lập Vân-nam hành trung-thư-tỉnh 雲南行中書省. Năm 1262, thừa lúc Mông-cổ không phòng-bị, họ Đoàn lại quật-khởi, xưng Tổng-quản, và có cả thảy 11 Tổng-quản tiếp nối cai-trị Đại-lý (Nam-chiếu). Đến năm 1382, nhà Minh bình-định Đại-lý, bắt Tổng-quản thứ 11 của nước ấy là Đoàn Minh 段明 đưa về Kim-lăng (Theo *Cựu Đường-thư*, quyền 197, tờ 6b-9b; *Tân Đường-thư*, quyền 222 上 và 222 中; *Nguyên-sử*, quyền 3, tờ 2b-3a; *Tân Nguyên-sử*, quyền 6, tờ 6a và tờ 7ab; *Kỷ-lục vị-biên*, quyền 46, tờ 2a-19b; PARKER,

Vũ-nghĩa tiết-độ-sứ là Khang Thừa-Huấn 康承訓 kiêm Lĩnh-nam và hành-doanh các quân (21). Tháng 7 năm ấy, nhà Đường lại đặt phủ đô-hộ ở Hành Giao-châu, thăng Tống Nhung làm kinh-lược-sứ, đem quân Sơn-đông đến đề trấn trị (22).

The old Thai or Shan empire of Western Yunnan, trong *China Review*, XX, 337 ss. ; E. ROCHER, *Histoire des princes du Yunnan*, trong *T'oung pao*, X, 1-32, 115-154, 337-368, 437-458 ; P. PELLISOT, *Deux itinéraires de Chine en Inde*, trong *BEFEO*, IV, 131-413 ; PIERRE LEFÈVRE-PONTALIS, *L'invasion thaïe en Indochine*, trong *T'oung pao*, VIII, 57 ; *Nan-tchao ye tche* 南詔野史, bản dịch của CAMILLE SAINSON, Paris, Imprimerie nationale, 1904 ; *Từ-hải và Từ-nguyên*, tập tỳ, bộ thập 十, bảy nét ; *Cương-mục, tiền-biên*, quyển 4, tờ 9b-10b).

(15) *Khâm-định Việt-sử, tiền-biên*, quyển 5, tờ 1a ; *Đại Việt sử-ký toàn-thư*, ngoại-ký, quyển 5 tờ 10b ; *Đại-Việt sử-ký tiền-biên*, ngoại-ký, quyển 6, tờ 15b ; *Hoàng-Việt giáp-tỳ niên-biểu*, quyển thượng, trang 300.

(16) *Lĩnh-nam đạo* được đặt ra trong niên-hiệu Trinh-quán 貞觀 (627-649) đời Đường Thái-tông 唐太宗, gồm có đất hai tỉnh Quảng-đông, Quảng-tây, Bắc-Việt và miền Bắc Trung-Việt ngày nay ; đến năm 862 mới chia làm hai là Lĩnh-nam Đông-đạo và Lĩnh-nam Tây-đạo. Lĩnh-nam nghĩa là phía nam của Ngũ-linh 五嶺. *Khâm-định Việt-sử, tiền-biên*, quyển 1, tờ 14a-15a, đã chú-thích hai chữ *Ngũ-linh* như sau : « Theo sách *Nam-khang ký* 南康記 của Đặng Đức-Minh 鄧德明, Ngũ-linh là năm quả núi : Đài-linh 臺嶺 là quả núi thứ nhất ở Đại-dũ (dũ) 大庾 ; Kỳ-diên 騎田 là quả núi thứ hai ở đất Quế-dương 桂陽 ; Đô-bàng (lung) 都龐 là quả núi thứ ba ở đất Cửu-chân 九真

Năm Hàm-thông thứ 5 (864), quân Nam-chiếu đến cướp phá Ung-châu (nay thuộc Quảng-tây); quân nhà Đường thua. Khang Thừa-Huấn giả mạo lấy công, được thăng kiểm-hiệu Lĩnh-nam tiết-độ. Vì Trụ diệt rõ công việc của Thừa-Huấn,

«(nay thuộc tỉnh Thanh-hóa); Manh-chử 萌渚 là quả núi thứ tư ở đất Lâm-hạ 臨賀; Việt-thành 越城 là quả núi thứ năm ở đất Thủy-an 始安. Theo sách *Quảng-châu ký* 廣州記 của Bùi Uyên 裴淵, Ngũ-linh là Đại-dũ 大庾, Thủy-an 始安, Lâm-hạ 臨賀, Quế-dương 桂陽 và Yết-dương 揭陽, bây giờ ở địa-phận hai tỉnh Quảng-đông và Quảng-tây. Phương Di-Trí 方以智 có nói: «Kề đến Cửu-chân thì xa quá. Nên cho thuyết sau là phải hơn.» Sách *Lĩnh-ngoại đại đáp* 嶺外代答 của Chu Khứ-Phi 周去非 chép rằng: «Từ nhà Tần có vấn-đề Ngũ-linh, mọi thuyết đều cho là chỉ vào núi mà gọi tên. Nay xét lại, đó là năm đường đi vào Ngũ-linh, chứ không phải là núi: con đường từ tỉnh Phúc-kiến 福建 qua sông Đĩnh (Thỉnh) 汀, vào tỉnh Quảng-đông, sang xứ Tuần-mai 循梅, là một; con đường từ tỉnh Giang-tây 江西 đi Nam-an 南安 vượt qua núi Đại-dũ, vào Nam-hùng 南雄, là hai; con đường từ tỉnh Hồ-nam 湖南 đi sang đất Sâm 郴 rồi vào đất Liên 連, là ba; con đường từ Đạo-châu 道州 vào Quảng-tây rồi đi đến Lâm-hạ, là bốn; con đường từ Toàn-châu 全州 vào Tĩnh-giang 靜江, là năm.» Đối chiếu với giới-thuyết của hai chữ *Ngũ-linh* trong *Từ-hải* và *Từ-nguyên*, tập tỳ, bộ nhị 二, hai nét.

(17) *Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, quyển 5, tờ 1b. *Đại việt sử-ký tiền-biên*, ngoại-ký, quyển 6, tờ 15b, chép có hơi khác với *Cm*: «嶺南舊分五管交州與廣桂邕容皆隸嶺南京奏請分為兩道自為嶺南兩道節度使 = Lĩnh-nam cựu phân ngũ

mới làm tờ trình lên Tề.trướng. Do đó, vua Đường bãi chức của Thừa.Huấn, cho chức tổng.quản kinh-lược.sứ là Trương Nhân 張 茵 sang thay, kiêm xử.lý việc châu Giao, lại tăng thêm quân ở trấn Hải.môn (23).

quản : Giao-châu dữ Quảng, Quế, Ung, Dung, giai lệ Linh-nam. Kinh tấu thỉnh phân vi lương đạo, tự vi Linh-nam lương đạo tiết-độ-sứ = Linh-nam trước chia ra ngũ quản là Giao-châu và Quảng, Quế, Ung, Dung, đều lệ-thuộc đạo Linh-nam. Thái Kinh tâu xin chia làm hai đạo, rồi tự làm tiết-độ-sứ của hai đạo Linh-nam. »

(18) *Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, quyển 5, tờ 1b. Đối-chiếu với *Cựu Đường-thư*, quyển 19 thượng, tờ 2b.

(19) *An-nam chí-lược*, hiệu-bản của Viện Đại-học Huế, phần chữ Hán, tr. 101, chép về Thái Tập như sau: « 咸通三年代王寬為安南經畧十一月南詔蠻圍交趾襲嬰城固守救兵不至四年正月蠻攻急城陷義死者七十人襲與其下徒步力戰欲趨監軍船船已離岸襲溺水死 = Hàm-thông tam niên, đại Vương Khoan vi An-nam kinh-lược. Thập nhất nguyệt, Nam-chiếu man vi Giao-chí, Tập anh thành cố thủ, cứu binh bất chí. Tứ niên chinh nguyệt, man công cấp, thành hãm, nghĩa tử giả thất thập nhân. Tập dữ kỳ hạ đồ bộ lực chiến, dục xu giám-quân thuyền, thuyền dĩ ly ngạn, Tập nịch thủy tử = Năm Hàm-thông thứ 3, [Thái Tập] thay Vương Khoan làm An-nam kinh-lược. Tháng 11 [năm ấy], rợ Nam-chiếu vây Giao-chí, Tập đóng cửa thành cố giữ, nhưng binh cứu-viện chẳng đến. Năm [Hàm-thông] thứ 4,

Trương Nhân dùng.dăng không đi. Hạ-hầu Tư 夏侯孜 tiến.cử chức kiêu.vệ tướng-quân là Cao Biền 高駢 làm chức đô.hộ tổng-quản kinh.lược chiêu.thảo-sứ, những quân thuộc quyền Trương Nhân chỉ.huy đều được giao cho Cao Biền (24).

tháng giêng, quân rợ đánh gấp, thành bị hãm, 70 người chết. Tập cùng mấy người thủ-hạ đi chân, ra sức chiến-đấu, muốn chạy đến thuyền giám-quân, nhưng thuyền đã lìa bến, Tập bị chết chìm. » *Khâm-định Việt-sử* (tiền-biên, quyển 5, tờ 2b-3a), *Đại việt sử-ký toàn-thư* (ngoại-kỷ, quyển 5, tờ 11ab) và *Đại việt sử-ký tiền-biên* (ngoại-kỷ, quyển 6, tờ 16b) cũng chép đại-khái như *An-nam chí-lược*, duy có khác một điều là : khi Nam-chiếu đã công-hãm đô-hộ phủ-thành, thì những kẻ tả hữu của Thái Tập không còn nữa, Tập đi chân và cố sức chiến-đấu, mình bị trúng mười mũi tên (衆左右皆盡衆徒步力戰身集十矢), nhiên-hậu mới chạy ra thuyền giám-quân, song thuyền đã lìa bến, nên bị chết đuối. *Cựu Đường-thư*, quyển 19 thượng, tờ 4a, chép việc này vào mùa đông năm Hàm-thông thứ 4.

(20) *Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, quyển 5, tờ 5a, chua rằng : « Theo *Thanh nhất-thống chí* 清一統志, trấn Hải-môn 海門 nay ở phía tây huyện Bác-bạch 博白, châu Uất-lâm 鬱林, cách huyện chừng 15 dặm, ngày xưa là con đường ở Trung-hoa sang An-nam : Cao Biền đã do đó kéo quân sang lấy lại An-nam. Có người báo rằng Hải-môn ở Hải-dương, ấy là nhận lầm Hải-môn là nơi Ngô Quyền cầm cọc đề đánh với Hoằng-Tháo vậy. » Huyện Bác-bạch nay thuộc tỉnh Quảng-tây.

(21) *Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, quyển 5, tờ 3b-4a ; *Đại Việt sử-*

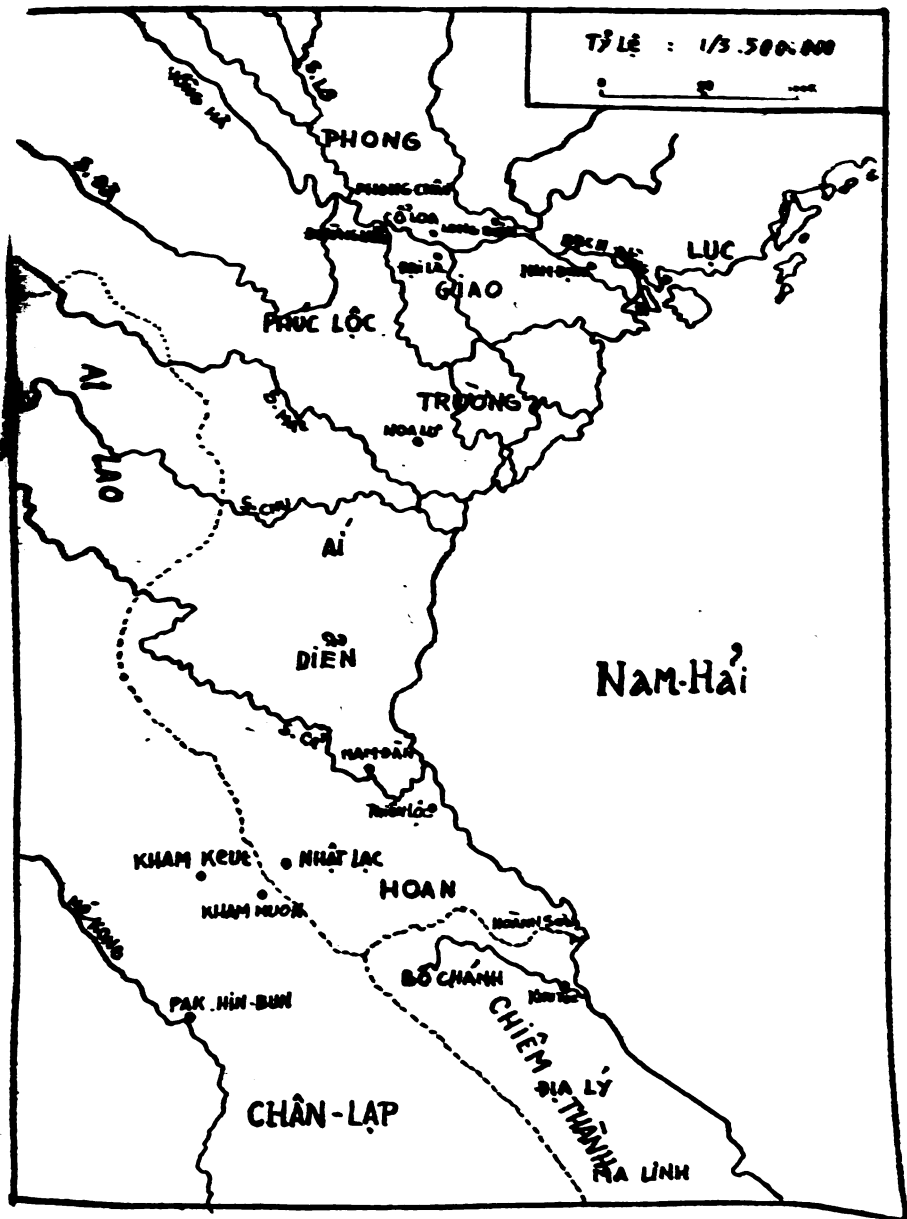
Thế là trong thời-gian đó, An-nam đô-hộ phủ bị quân Nam-chiếu chiếm-cứ, nên nhà Đường phải đặt phủ đô-hộ tạm tại Hành Giao-châu ở trấn Hải-môn.

ký toàn-thư, ngoại ký, quyển 5, tờ 12a ; *Đại Việt sử-ký tiền-biên*, ngoại-ký, quyển 6, tờ 17b.

(22) *Khâm-định Việt-sử*, quyển 5, tờ 5ab ; *Đại Việt sử toàn-thư*, ngoại-ký, quyển 5, tờ 12a ; *Đại Việt sử-ký tiền-biên*, ngoại-ký, quyển 6, tờ 17b.

(23) *Khâm-định Việt-sử*, tiền biên, quyển 5, tờ 6ab, chép là 35.000 người. *Đại Việt sử-ký toàn-thư* (ngoại-ký, quyển 5, tờ 12b) và *Đại Việt sử-ký tiền-biên* (ngoại-ký, quyển 6, tờ 17b) đều chép là 25.000 người. *An-nam chí-nguyên*, hiệu-bản của PQVĐHV, quyển 2, tr. 161, chép là 55.000 người. *An-nam chí-lược*, hiệu-bản của Viện Đại-học Huế, phần chữ Hán, tr. 102, chép là 20.000 người.

(24) *Khâm-định Việt-sử* (tiền-biên, quyển 5, tờ 6b), *Đại Việt sử-ký toàn-thư* (ngoại-ký, quyển 5, tờ 12b), *Đại Việt sử-ký tiền-biên* (ngoại-ký, quyển 6, tờ 17b-18a) và *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biểu* (quyển thượng, tr. 301) đều chép như vậy. Nhưng *Tân Đường-thư*, quyển 9, tờ 2a, chép việc Cao Biền được làm An-nam kinh-lược chiêu-thảo-sứ vào tháng 2 năm Hàm-thông thứ 4 (863).



An-nam đô hộ phủ

II.— TĨNH-HẢI

Tháng 10 năm Hàm-thông 咸通 thứ 7 (866), Cao Biền đuổi được quân Nam-chiếu, lấy lại thành Giao-châu (1). Nhà Đường gia cho Biền chức kiểm-hiệu Công-bộ thượng-thư (2).

(1) *Cựu Đường-thư* (quyển 19 thượng, tờ 7 a), *Tân Đường-thư* (quyển 9, tờ 2 b), *Đại Việt sử-ký toàn-thư* (ngoại-kỷ, quyển 5, tờ 13b-14a) và *Đại Việt sử-ký tiền-biên* (ngoại-kỷ; quyển 6, tờ 18b-19a) đều chép tháng 10 năm Hàm-thông thứ 7, Cao Biền mới dẹp được giặc Nam-chiếu, lấy lại thành Giao-châu (tức An-nam đô-hộ phủ). *Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, quyển 5, tờ 8a, chép Cao Biền khắc-phục thành Giao-châu vào tháng 4 năm Hàm-thông thứ 7 (丙戌唐咸通七年夏四月高駢克復州城). Chép như thế là lầm, vì tháng 4 năm đó tuy Cao Biền cả phá được giặc, nhưng đến tháng 10 mới hạ được thành.

(2) *Cựu Đường-thư*, quyển 182, tờ 5b; *An-nam chí-nguyên*, hiệu bản của PQVĐHV, quyển 2, tr. 163; *An-nam chí-lược*, hiệu-bản của Viện Đại-học Huế, phần chữ Hán, tr. 102; *Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, quyển 5, tờ 8a; *Đại Việt sử - ký toàn-thư*, ngoại-kỷ, quyển 5, tờ 14a;

Đến tháng 11 năm đó, giặc-giã đã yên, nhà Đường đổi An-nam đô-hộ phủ làm Tĩnh-hải-quân 靜海軍 (3), dùng Cao Biền làm tiết-độ-sứ (4). Cao Biền vào ở phủ-trị, xây thành Đại-la 大羅 (5).

Đại Việt sử-ký tiền-biên, ngoại-ký, quyển 6, tờ 19a. Riêng *Tân Đường-thư*, quyển 224 hạ, tờ 3b, chép rằng khi được tin thắng trận ở An-nam, vua Đường thăng cho Cao Biền chức kiêm-hiệu Hình-bộ thượng-thư (進駢檢校刑部尚書).

(3) *Quân*: khu-hoạch hành-chính, cũng như châu, quận. (Xem chữ 軍 trong *Từ-nguyên* và *Từ-hải*, tập *dậu*, bộ xa 車, 2 nét).

(4) *Tân Đường-thư*, quyển 224 hạ, tờ 3b; *An-nam chí-lược*, hiệu-bản của Viện Đại-học Huế, phần chữ Hán, tr. 102; *An-nam chí-nguyên*, hiệu-bản của PQVĐHV, quyển 2, tr. 163; *Đại Việt sử-ký toàn-thư*, ngoại-ký, quyển 5, tờ 14b; *Đại Việt sử-ký tiền-biên*, ngoại-ký, quyển 6, tờ 19b; *Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, quyển 5, tờ 10a; *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biểu*, quyển thượng, tr. 301.

(5) *Đại Việt sử-ký toàn-thư*, ngoại-ký, quyển 5, tờ 14b-15a, chép Cao Biền đắp La-thành dài 1982 trượng 5 thước, thân thành cao 2 trượng 6 thước, chân thành rộng 2 trượng 5 thước, bốn mặt tường nhỏ trên thành cao 5 thước 5 tấc, có 55 vọng-lâu, 6 cửa cổng, 3 ngôi nước, 34 con đường đi, lại có đắp đê dài 2125 trượng 8 thước, cao 1 trượng 5 thước, chân rộng 2 trượng, và còn làm hơn 40 vạn gian nhà nữa. — *Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, quyển 5, tờ 12ab, chú về thành Đại-la như sau: «Trương Bá-Nghi 張伯儀 đã đắp La-thành từ năm Đại-lịch 大曆 thứ 2 (767) đời Đường Đại-tông 唐代宗. Sau

Năm Kiền-phù 乾符 thứ 2 (875) đời Đường Hy-tông 唐僖宗, nhà Đường dời Cao Biền làm Tây-xuyên 西川 (6) tiết-độ-sứ, cho Cao Tầm 高濬 thay Cao Biền làm Tĩnh-hải quân tiết-độ-sứ (7).

Triệu Xương 趙昌 đắp thêm vào năm Trinh-nguyên 貞元 thứ 7 (791) đời Đường Đức-tông 唐德宗, rồi Trương Chu 張舟 lại sửa-sang xây đắp lại vào năm Nguyên-hòa 元和 thứ 3 (808) đời Đường Hiến-tông 唐憲宗. Đến năm Trường-Khánh 長慶 thứ 4 (824) đời Đường Mục-tông 唐穆宗, Lý Nguyên-Gia 李元嘉 đời phủ-trị ra gần sông Tô-lich, xây cái lảnh nhỏ gọi là La-thành. Năm Hàm-thông thứ 7 (866) đời Đường Ý-tông, Cao Biền xây Kim-thành 金城, thành ngoài cũng gọi là La-thành. Theo *Thanh nhất-thống chí*, thành Đại-la ở ngoài phủ thành Giao-châu; quận Giao-chỉ đời Hán và phủ đô-hộ đời Đường đều tại đó. Vì đã lâu năm nên thành bị hoang-phế, đồ nát, dấu vết ngày xưa khó truy-khảo. Nay bốn mặt lũy đất ngoài tỉnh-thành Hà-nội là do các triều Lý, Trần về sau xây đắp, sửa-sang, tục cũng gọi là La-thành. Nếu bảo rằng đó là vết tích thành cũ của Cao Biền thì không đúng.» Đối-chiếu với L. BEZACIER, *L' Art vietnamien*, Paris, Editions de l'Union française, 1955, pp. 142-143,

(6) *Tây-xuyên* : nay là tây-bộ tỉnh Tứ-xvuyên 四川 (Tì-hải và Tì-nguyên).

(7) *Đại Việt sử-ký toàn-thư*, ngoại-kỷ, quyển 5, tờ 16b-17a : « [...] 唐僖宗乾符二年乙未徙西川節度使駢以從孫高濬 (濬) 曾為先鋒干冒矢石為士卒倡表薦代鎮我土

Tăng Cỗn 曾 衰 thay Cao Tầm vào khoảng năm 878.

Tháng 3 năm Quảng-minh 廣 明 thứ nhất (880) đời Đường Hy-tông, quân phủ đồ-hộ làm loạn, tiết-độ-sứ Tăng Cỗn bỏ thành chạy (8) ; người thổ-hào là Khúc Thừa-Dụ 曲 承 裕 vào

唐帝從之在鎮共十三年駢自成通丙戌至甲午
 駢自乾符乙未至戊戌 = [...] Đường Hy-tông Kiến-phù
 nhị niên, ất vị, ti Tây-xuyên tiết-độ-sứ. Biền dĩ tòng-tôn Cao Tầm tăng
 vi tiên-phong, can mạo thi thạch, vi sĩ tốt xướng, biểu tiến đại trấn
 ngã thổ. Đường-đế tòng chi. Tại trấn cộng thập tam niên : Biền tự
 Hàm-thông binh-tuất chí giáp-ngọ ; Tầm tự Kiến-phù ất-vị chí mậu
 tuất = Hiệu Kiến-phù thứ 2 đời Đường Hy-tông, [Cao Biền]
 đời làm Tây-xuyên tiết-độ-sứ. Tòng-tôn (cháu gọi bằng ông-chú hoặc
 ông-bác) của Biền là Cao Tầm thường đánh giặc đi tiên-phong, xông
 pha tên đạn, để cho sĩ-tốt noi theo, cho nên Biền dâng biểu tiến-cử Tầm
 thay mình để trấn-thủ đất nước ta. Vua Đường chấp-thuận. [Biền và
 Tầm] ở trấn 13 năm : Biền từ năm binh-tuất (866) đến năm giáp-ngọ
 (874) hiệu Hàm-thông ; Tầm từ năm ất-vị (875) đến năm mậu-tuất (878)
 hiệu Kiến-phù.» *Khâm-định Việt-sử* (tiền-biên, quyển 5, tờ 13a), *Đại
 Việt sử-ký tiền-biên* (ngoại-ký, quyển 6, tờ 21b-22a) và *Hoàng-Việt giáp-
 tý niên-biểu* (quyển thượng, tr. 301-302) đều chép đại-khái như thế. Đối-
 chiếu với *Tân Đường-thư* (quyển 224 hạ, tờ 3b) và *An-nam chí-nguyên*
 (quyển 2, tr. 163).

chiếm giữ phủ-thành và xưng là Tĩnh-hải-quân tiết-độ-sứ.

Khúc Thừa-Dụ tự xưng tiết-độ-sứ từ năm 880, mãi đến năm 906 (hiệu Thiên-hựu 天祐 thứ 3 đời Đường Chiêu-tuyên-

(8) *Tư-trị thông-giám*, quyển 253, tờ 33a, chép việc xảy ra vào tháng 3 năm Quảng-minh thứ nhất có câu : «安南軍亂節度使曾袞出城避之 = An-nam quân loạn, tiết-độ-sứ Tăng Cồn xuất thành tỵ chi = Quân An-nam làm loạn, tiết-độ-sứ Tăng Cồn phải ra khỏi thành để tránh họ.» *Đại Việt sử-ký toàn-thư*, ngoại-kỷ, quyển 5, tờ 17a : «庚子唐僖宗儼廣明元年春三月我府軍亂節度使曾袞出城走 = Canh-tý (Đường Hy-tông Nghiễm Quảng-minh nguyên niên), xuân tam nguyệt, ngã phủ quân loạn, tiết-độ-sứ Tăng Cồn xuất thành tẩu = Năm Canh-tý (hiệu Quảng-minh thứ nhất của Đường Hy-tông tên Nghiễm), quân của phủ ta làm loạn, tiết-độ-sứ Tăng Cồn bỏ thành chạy.» *Đại Việt sử-ký tiền-biên*, ngoại-kỷ, quyển 6, tờ 22a : «南詔酋法入寇 [...] 都護曾袞奔邕府戍兵潰 = Nam-chiếu tù Pháp nhập khấu [...] Đô-hộ Tăng Cồn bôn Ung phủ. Thú binh hội = Chúa Nam-chiếu tên là Pháp vào cướp phá [...] Quan Đô-hộ là Tăng Cồn chạy sang châu Ung. Thú-binh tan-vỡ.» *An-nam chi-lược*, hiệu-bản của Viện Đại-học Huế, phần chữ Hán, tr. 105 : «時南詔王酋龍卒子法嗣自號大封人舉衆侵安南滾 (袞) 奔邕府戍兵潰 = Thời Nam-chiếu vương Tù-Long tốt, tử Pháp tự, tự hiệu Đại-phong-nhân, cử chúng xâm An-nam, Cồn bôn Ung phủ, thú binh hội = Lúc bấy giờ vua Nam-chiếu là Tù-Long mất, con là Pháp nối ngôi, tự xưng hiệu Đại-phong-nhân, cử binh xâm-phạm An-nam, Cồn chạy sang Ung-châu, đạo quân đồn-trú tan rã.» *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biêu*, quyển

để 昭宣帝) mới sai người sang xin mệnh-lệnh ở vua Đường ; do đó, nhà Đường gia hàm đồng-bình chương-sự cho Thừa-Dụ (9). Như vậy là nhà Đường đã mặc-nhiên thừa-nhận chức tiết-độ-sứ của Khúc Thừa-Dụ rồi.

thượng, tr. 302 : «南詔陷都護府唐節度使曾哀奔邕州土豪曲承裕入據府城稱節度使 = Nam-chiếu hãm đô-hộ phủ, Đường tiết-độ-sứ Tăng Cồn bôn Ung-châu, thô-hào Khúc Thừa-Dụ nhập cứ phủ-thành xưng tiết-độ-sứ = Quân Nam-chiến công-hãm phủ đô-hộ, tiết-độ-sứ của nhà Đường là Tăng Cồn chạy sang Ung-châu, người thô-hào là Khúc Thừa-Dụ vào chiếm giữ phủ-thành và tự xưng tiết-độ-sứ.» *An-nam chí-nguyên*, hiệu-bản của PQVĐHV, quyển 2, tr. 164 : «僖宗乾符中以哀代高駟為節度使廣明元年府軍亂麾下請哀出城避之哀不從乃示威德既而羣盜自殫咸詣服罪哀悉赦之不問由是唐諸道屯戍邕管者往歸哀哀撫納之人呼為曾尚書後撰交州記行于世在鎮十四年自乾符戊戌至大順辛亥也 = Hy-tông Kiên-phù trung, dĩ Cồn đại Cao Tâm vi tiết-độ-sứ. Quảng-minh nguyên niên, phủ quân loạn, huy hạ thính Cồn xuất thành tỵ chi, Cồn bất tòng, nãi thị uy đức, ký nhi quần đạo tỵ nhị, hàm nghệ phục tội. Cồn tất xá chi, bất vấn. Do thị Đường chư đạo đồn-thứ Ung quản giả vãng quy Cồn. Cồn phủ nạp chi. Nhân hô vi «Tăng thượng-thư». Hậu soạn *Giao-châu ký* hành vu thể. Tại trấn thập tứ niên : tự Kiên-phù mậu-tuất chí Đại-thuận tân-hợi dã = Trong niên-hiệu Kiên-phù (874-879) đời Đường Hy-tông, nhà Đường dùng [Tăng] Cồn làm tiết-độ-sứ thay cho Cao Tâm. Quân phủ-đô-hộ làm loạn ; huy-hạ xin Cồn tránh ra ngoài thành, nhưng Cồn không nghe, lấy uy-đức mà phủ-dụ, bọn trộm giặc tự giải-tán và đến chịu tội. Cồn tha hết, không hỏi đến. Do đó, các đạo binh đồn-thứ

Tuy nhiên, sử sách chép không được nhất-tri về việc Khúc Thừa-Dụ xưng tiết-độ-sứ. Có thuyết cho rằng người thay thế Tăng Cồn làm Tĩnh-hải-quân tiết-độ-sứ là Chu Toàn-Dục 朱全昱 (10).

ở châu Ung đều theo về với Cồn. Cồn võ-về và thu-nạp hết. Người ta gọi Cồn là «Tăng thượng-thư». Sau Cồn có soạn sách *Giao-châu ký lưu-hành* ở đời. Cồn ở trấn 14 năm : từ năm mậu-tuất (878) hiệu Kiến-phù [đời Đường Hy-tông] đến năm tân-hợi (891) hiệu Đại-thuận [đời Đường Chiêu-tông]. » *Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, quyển 5, tờ 13ab, cũng chép theo *An-nam chí-nguyên*. Nay ta hãy chiết-trung các thuyết trên để lập-luận như sau : Ngoại trừ *An-nam chí-nguyên* và *Khâm-định Việt-sử* (chép theo *An-nam chí-nguyên*), các sách *Tư-trị thông-giám*, *Đại Việt sử-ký toàn-thư*, *Đại Việt sử-ký tiền-biên*, *An-nam chí-lược* và *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biểu* đều chép Tăng Cồn đã bỏ thành mà chạy trong lúc ở An-nam có biến-loạn. Nếu Tăng Cồn không bỏ thành chạy thì làm sao Khúc Thừa-Dụ vào chiếm-cứ được thành và xưng là độ-tiết-xứ ? Còn bảo rằng Tăng Cồn bỏ chạy vì quân Nam-chiếu công-hãm phủ-thành, thì lẽ nào Khúc Thừa-Dụ vào chiếm thành mà không đụng độ với quân Nam-chiếu ? Ta cũng không thể đưa ra giả-thuyết : quân Nam-chiếu giao lại phủ-thành cho Khúc Thừa-Dụ. Vậy, ta chỉ có thể lý-luận rằng : năm 880, quân phủ đô-hộ nổi loạn, trong số đó lẽ dĩ-nhiên có nhiều quân bản-xứ ; đạo binh đồn-trú của nhà Đường tan rã ; trước tình-thế nguy-cấp, tiết-độ-sứ Tăng Cồn phải bỏ thành chạy về Ung-châu ; quân bản-xứ chiếm-cứ phủ-thành và ủng-hộ thổ-hào Khúc Thừa-Dụ xưng tiết-độ-sứ.

(9) *Đại Việt sử-ký tiền-biên*, ngoại-kỷ, quyển 6, tờ 23a : « 丙寅 唐天祐三年春正月唐加靜海軍節度使尚承裕同平

Khúc Thừa-Dụ mất năm 907 (hiệu Khai-bình 開平 thứ nhất đời Lương Thái-tổ), con là Khúc Hạo 曲顯 nổi nghiệp (11).

章事先是交州亂節度曾袞素城北歸承裕以土豪自稱節度使請命於唐唐帝因而授之 = Biách-dần, Đường Thiên-hựu tam-niên, xuân chinh nguyệt, Đường gia Tĩnh-hải-quân tiết-độ-sứ Khúc Thừa-Dụ đồng-bình chương-sự. Tiên thị Giao-châu loạn, tiết độ Tăng Cồn khí thành Bắc quy; Khúc Thừa-Dụ dĩ thồ-hào tự xưng tiết-độ-sứ, thỉnh mệnh ư Đường, Đường đế nhân nhi thụ chi = Năm binh-dần, hiệu Thiên-hựu thứ 3, mùa xuân, tháng giêng, nhà Đường gia hàm đồng-bình chương-sự cho Tĩnh-hải-quân tiết-độ-sứ là Khúc Thừa-Dụ. Trước đó, ở Giao-châu có biến - loạn, tiết-độ-sứ Tăng Cồn bỏ thành chạy về Bắc (Trung-quốc); người thồ-hào Khúc Thừa-Dụ tự xưng tiết-độ-sứ, xin mệnh-lệnh ở nhà Đường, vua Đường nhân đó mà trao chức cho Thừa-Dụ.» *Khâm-định Việt-sử* (tiền biên, quyển 5, tờ 14a) và *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biểu* (quyển thượng, trang 308) cũng đều chép như thế.

(10) *An-nam chí-nguyên*, hiệu-bản của PQVĐHV, quyển 2, trang 164: «朱全昱唐制元帥府朱全忠之兄也初從高駘破南詔有功封軍司馬昭宗景福元年代曾袞為節度使進同平章事後全忠奏全昱戇樸無能請罪之在鎮十三年自景福壬子至天祐甲子也 = Chu Toàn-Dục, Đường chế nguyên-súy phủ Chu Toàn-Trung chi huynh dã. Sơ tòng Cao Biền phá Nam-chiếu hữu công, phong quân tư-mã. Chiếu-tông Cảnh-phúc nguyên-niên, đại Tăng Cồn vi tiết-độ sứ, tiến đồng-bình chương - sự. Hậu Toàn - Trung tấu Dục cống (tráng) phác vô năng, thỉnh tội chi. Tại trấn thập tam niên: tự Cảnh-phúc

Năm Trinh-minh 貞明 thứ 3 (917) đời Lương Mạt-đế 梁末帝, Khúc Hạo sai con là Thừa-Mỹ 承美 sang thông-hiệu với Nam-Hán 南漢 (12).

nhâm-tý chí Thiên-hựu giáp-tý dã = Chu Toàn-Dục là anh của nguyên-súy Chu Toàn-Trung. Lúc đầu [Dục] theo Cao Biền đánh Nam-chiếu, lập được chiến-công, được phong chức tư-mã. Năm Cảnh-phúc thứ nhất (892) đời Đường Chiêu-tông, [Dục] thay Tăng Côn làm tiết-độ sứ, được tiến hàm đồng-binh chương-sự. Sau Toàn-Trung tâu với vua Đường rằng Dục là người đần-độn, không có tài-cán gì, xin bắt tội. [Dục] ở trấn 13 năm : từ năm nhâm-tý (892) hiệu Cảnh-phúc đến năm giáp-tý (904) hiệu Thiên-hựu [đời Đường Chiêu-tông].» *Cựu Ngũ-dại sử*, quyển 12, tờ 1a, chép Chu Toàn-Dục có làm Tổng-châu tiết-độ-sứ. Tổng-châu 宋州 nay là phủ Quy-đức 歸德 tỉnh Hà-nam 河南, Trung-quốc (xem chữ 宋 trong *Khang-hy tự-diễn*, tập dần, bộ miên " bốn nét). *Tân Ngũ-dại sử*, quyển 13, tờ 3a, chép Chu Toàn-Dục có lĩnh chức Lĩnh-nam Tây-đạo tiết-độ-sứ. *Đại Việt sử-ký toàn-thư*, ngoại-ký, quyển 5, tờ 17a, chép rằng : « Mùa xuân năm Thiên-hựu thứ 2 (905), Chu Toàn-Trung cho Giao-châu tiết-độ-sứ đồng-binh chương-sự Chu Toàn-Dục là người đần-độn, không có tài-năng, xin làm tội.» *Đại Việt sử-ký tiền-biên*, ngoại-ký, quyển 6, tờ 23a, cũng chép như thế và thêm lời chú bằng hai dòng chữ nhỏ như sau : «全昱全忠之兄特遠領非實赴鎮也 = Toàn-Dục, Toàn-Trung chi huynh, đặc dao lĩnh, phi thật phó trấn dã = Toàn-Dục là anh của Toàn-Trung, chỉ ở xa mà lĩnh chức chứ không có đến trấn thật sự.» *Trung-quốc nhân-danh đại từ-diễn*, Thượng-hải, Thương-vụ ấn-thư-quán, 1921, tr. 251, trong phần tiêu-sử của Chu Toàn-

Cũng trong năm đó, Khúc Hạo mất, Khúc Thừa-Mỹ lên thay (13).

Năm Trinh-minh thứ 5 (919), Thừa-Mỹ sai sứ sang xin mệnh-lệnh của nhà Lương, được Lương-đế trao cho phù-tiết

Dục, không chép Toàn-Dục có làm tiết-độ-sứ ở đâu cả. Xem các thuyết dẫn trên, ta có thể xét-đoán như thế này : Khúc Thừa-Dụ thừa-cơ biến-loạn vào chiếm phủ-thành và tự xưng tiết-độ-sứ, nên lúc đầu chưa được nhà Đường thừa-nhận ; trong thời-gian chưa thừa-nhận Thừa-Dụ, có lẽ nhà Đường đã cho Chu Toàn-Dục lĩnh chức tiết-độ-sứ thay Tăng Cồn, nhưng Toàn-Dục chỉ ở xa mà lĩnh chức không thật có sang tại trấn ; bởi vậy nên bên này Thừa-Dụ vẫn làm chủ tình-thế.

(11) *Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, quyển 5, tờ 15a, chép : « 顯憑舊業據羅城稱使分定各處路府州社置令長正佐均田租蠲力役造戶籍編記姓名鄉貫甲長帥之政尚寬簡民獲蘇息辰梁以廣州節度使劉隱兼靜海軍節度使封南平王隱據番禺顯據州稱使志在相圖 = Hạo bằng cựu nghiệp, cứ La-thành xưng sứ, phân định các xứ lộ phủ châu xã, trí lệnh-trưởng chính tá, quân điền tô, quyền lực dịch, tạo hộ tịch, biên ký tính danh hương quán, giáp-trưởng suất chi ; chính thượng khoan giảm, dân hoạch tô tức. Thời Lương di Quảng-châu tiết-độ-sứ Lưu Ân kiêm Tĩnh-hải-quân tiết-độ-sứ phong Nam-bình-vương ; Ân cứ Phiên-ngung, Hạo cứ châu xưng sứ, chí tại tương đồ = Hạo theo nghiệp cũ, giữ La-thành, xưng tiết-độ-sứ, chia đất trong nước ra làm lộ, phủ, châu, xã, đặt chánh lệnh-trưởng và phó lệnh-trưởng, chia đều thuế ruộng, bớt

và phủ-việt (14). Chuyện đó đã làm cho chúa Nam-Hán là Lưu Cung 劉龔 (15) tức giận, cho nên đến năm 923 (hiệu Long-đức 龍德 năm thứ 3 của Lương Mạt-đế, hiệu Đồng-quang 同光 năm thứ nhất của Hậu-Đường Trang-tông 後唐莊宗), Lưu

sức làm việc cho dân, làm hộ-tịch biên chép họ tên hương quán mỗi người, giao cho giáp-trưởng trông coi. Chính-sách của Khúc Hạo khoan-hồng và giản-dị, dân được thur-thả, nghỉ-ngoi. Lúc bấy giờ nhà Lương cho tiết-độ-sứ Quảng-châu là Lưu Ân kiêm tiết-độ-sứ Tĩnh-hải-quân, phong tước Nam-bình-vương; Lưu Ân giữ Phiên-ngung, Khúc Hạo giữ Giao-châu xưng tiết-độ-sứ, đều có chí thôn-tính nhau.» *Đại Việt sử-ký toàn-thư* (ngoại-kỷ, quyển 5, tờ 17b) và *Đại Việt sử-ký tiền-biên* (ngoại-kỷ, quyển 7, tờ 1a) cũng đều chép đại-khái như thế. *Cựu Ngũ-đại sử*, quyển 3, tờ 4b, chép Tĩnh-hải-quân tiết-độ-sứ Khúc Dự mất vào tháng 6 năm Khai-bình thứ nhất đời Lương Thái-tổ, và đến tháng 7 năm ấy nhà Lương cho Tĩnh-hải-quân hành-doanh tư-mã là Khúc Hạo làm An nam đô-hộ sung tiết-độ-sứ. *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biêu*, quyển thượng, tr. 308-310, chép Khúc Hạo xưng tiết-độ-sứ 10 năm (907-916). *An-nam chí-nguyên*, hiệu-bản của PQVĐHV, quyển 3, tr. 180-181, lại chép Khúc Hạo đã thay Độc-cô Tôn 獨孤損 làm tiết-độ-sứ, tại chức 4 năm rồi mất. *Cựu Đường-thư*, quyển 20 hạ, tờ 4a, chép việc năm thứ 2 đời Đường Ai-đế, có ghi chức-chương của Độc-cô Tôn là « kiểm-hiệu thượng-thư, tả bộc-xạ, đồng bình chương-sự, kiêm An-nam đô-hộ, sung Tĩnh-hải-quân tiết-độ, An-nam quản nội quan-sát xử-trí đẳng sứ » (檢校尚書左僕射同平章事兼安南都護充靜海軍節度安南管內觀察處置等使). *Tân Đường-thư*, quyển 10, tờ 9b, chép Chu Toàn Trung (sau là Lương Thái-tổ) đã giết Tĩnh-hải-quân tiết-độ-sứ Độc-

Cung sai Lý Khắc-Chính 李克正 sang đánh và bắt Thừa-Mỹ đưa về Nam-Hán (16). Thế là họ Khúc làm Tĩnh-hải-quân tiết-độ-sứ được ba đời (17).

cô Tồn vào tháng 6 năm Thiên-hựu thứ 2 (905) đời Đường Chiêu-tuyên-đế (tức là Ai-đế). Thuyết của *Cựu Đường-thư* và *Tân Đường-thư* không phải là hoàn-toàn vô căn-cứ. Như đã nói ở trước, trong thời-gian nhà Đường chưa thừa-nhận Khúc Thừa-Dụ, thì Chu Toàn-Dục được dao-linh (ở xa mà linh) chức tiết-độ-sứ Tĩnh-hải-quân. Nhưng mùa xuân năm Thiên-hựu thứ 2 (905), Chu Toàn-Trung tâu vua Đường rằng: «Toàn-Dục dấn-độn không có tài-cán gì, xin bắt tội.» Do đó, Toàn-Dục không được giữ chức Tĩnh-hải-quân tiết-độ-sứ nữa. Có thể Độc-cô Tồn được thay thế Toàn-Dục để giữ chức đó, song cũng ở xa mà linh chứ không đến tại trấn. Độc-cô Tồn bị Chu Toàn-Trung giết vào tháng 6 năm ấy. Tháng giêng năm Thiên-hựu thứ 3 (906), Khúc Thừa-Dụ mới xin mệnh-lệnh của vua Đường, và được nhà Đường gia cho hàm đồng-binh chương-sự tức là lúc đó nhà Đường đã mặc-nhiên thừa-nhận Thừa-Dụ là tiết-độ-sứ và cho thêm vinh-hàm.

(12) *Khâm-định Việt-sử*, tiền biên, quyển 5, tờ 15b chép: «辰劉隱卒弟劉巖襲巖建國號曰漢是為南漢紀元乾亨曲額遣承美如漢結好名為歡好以覘虛實 = Thời Lưu Ân tốt, đệ Lưu Nham tập, Nham kiến quốc hiệu viết Hán, thị vi Nam-Hán, kỷ nguyên Kiền-hanh. Khúc Hạo khiến Thừa-Mỹ như Hán kết hảo, danh vi hoan-hảo, di chiêm hư thực = Lúc bấy giờ Lưu Ân mất, em là Lưu Nham nối nghiệp, đặt tên nước là Hán, ấy là Nam-Hán, và đặt niên-hiệu là Kiền-hanh. Khúc Hạo sai Thừa-Mỹ sang Hán giao-hảo để dò xét hư thực.» *Đại Việt sử-ký toàn-thư* (ngoại-ký, quyển 5, tờ 17b)

Sau khi bắt được Khúc Thừa-Mỹ, chúa Nam-Hán cho Lý Tiến 李進 làm Giao-châu thứ-sử và Lý Khắc-Chính ở giữ châu.

và *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biểu* (quyển thượng, tr. 311) cũng chép như thế. *Đại Việt sử-ký tiền-biên*, ngoại-ký, quyển 7, tờ 1a, chép có khác một vài chi-tiết : « 丁丑 梁末帝貞明三年 梁南海王劉龔即皇帝位 國號大越 改元乾亨元年 尋復改國號漢 即南漢 曲頭遣子承美為歡 好使如廣州 覘虛實 = Đinh-sử, Lương Mạt-đế Trinh-minh tam niên, Lương Nam-hải-vương Lưu Nghiễm tức hoàng-đế vị, quốc-hiệu Đại Việt, cải nguyên Kiền-hanh nguyên-niên, tầm phục cải quốc-hiệu Hán tức Nam-Hán. Khúc Hạo khiến tử Thừa-Mỹ vi hoan-hảo-sứ, như Quảng-châu chiêm hư thực = Năm đĩnh-sử, hiệu Trinh-minh năm thứ 3 của Lương Mạt-đế, trước Nam-hải-vương của nhà Lương là Lưu Nghiễm lên ngôi hoàng-đế, lấy tên nước là Đại Việt, cải nguyên là Kiền-hanh năm đầu, rồi lại đổi quốc-hiệu là Hán, tức Nam-Hán. Khúc Hạo sai con là Thừa-Mỹ làm hoan-hảo-sứ sang Quảng-châu để xem hư thực. » Đối-chiếu với *Tân Ngũ đại-sử*, quyển 65, tờ 2a.

(13) *Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, quyển 5, tờ 16a ; *Đại Việt sử-ký toàn-thư*, ngoại-ký, quyển 5, tờ 17b ; *Đại Việt sử-ký tiền-biên*, ngoại-ký, quyển 7, tờ 1b ; *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biểu*, quyển thượng, tr. 311.

(14) *Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, quyển 5, tờ 16a ; *Đại Việt sử-ký toàn-thư*, ngoại-ký, quyển 5, tờ 17b ; *Đại Việt sử-ký tiền-biên*, ngoại-ký, quyển 7, tờ 1b ; *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biểu*, quyển thượng, tr. 311. Riêng *An-nam chí-nguyên*, hiệu-bản của PQVĐHV, quyển 3, tr. 181, chép

Lúc bấy giờ, nha-trưởng (trưởng nanh vuốt) của Khúc Hạo là Dương Diên-Nghệ 楊延藝 (18), người châu Ái 愛, thấy Thừa-Mỹ bị bắt, nên quyết chí báo thù, mới đem quân đến vây đánh Lý Khắc-Chính. Bại trận, Khắc-Chính chạy về Nam-Hán. Chúa Nam-Hán có ý muốn võ-về cho yên ổn, nên cho Diên-

việc này vào năm Trinh-minh thứ nhất (ất-hợi, 915). *Cựu Ngũ-đại sử*, quyển 135, tờ 6a, có chép sự-kIỆN này nhưng không ghi rõ năm nào.

(15) *Lưu Cung* : nguyên tên là *Nham* 巖, rồi đổi tên là *Trắc* 陟 ; sau nhân có rồng trắng (bạch-long) hiện ra tại điện Tam-thanh 三清殿, lại đổi tên là *Cung* 龔 để ứng với điềm rồng hiện. Nhưng có thầy tăng Mông-cổ nói rằng : « Theo lời sấm-ký thì họ Lưu sẽ bị diệt vì tên Cung ». Do đó, Lưu Cung lại đổi tên là *Nghiễm* 龔, lấy nghĩa « phi long tại thiên » (rồng bay trên trời) trong *Chu Dịch* 周易. (Xem *Tân Ngũ-đại sử*, quyển 65, tờ 2b ; *Đại Việt sử-ký toàn-thư*, ngoại-ký, quyển 5, tờ 17b-18a ; *Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, quyển 5, tờ 16b).

(16) *Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, quyển 5, tờ 16ab ; *Đại Việt sử-ký toàn-thư*, ngoại-ký, quyển 5, tờ 18 ; *Đại Việt sử-ký tiền-biên*, ngoại-ký, quyển 7, tờ 1b ; *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biểu*, quyển thượng, tr. 312. *An-nam chí-nguyên*, hiệu-bản của PQVĐHV, quyển 3, tr. 181, cũng chép như thế, nhưng ghi họ của tướng Nam-Hán là Lương (Lương Khắc-Chính). *Văn-hiến thông-khảo*, quyển 330, mục chép về Giao-chỉ, thuật việc này như sau : « 宋梁正明中土蒙曲承美專有其地送款於宋帝因授承美節鉞時劉陟擅命嶺表遣將李和順伐承美執之乃并其土宇後有楊延藝紹洪皆受廣南偽署繼為交趾節度使 = Chu Lương Chính-minh trung, thổ hào Khúc Thừa-Mỹ chuyên hữu kỳ địa, tổng khoản ư Mạt-đế, nhân thụ Thừa-Mỹ tiết việt. Thời Lưu Trắc thiện

Nghệ chức-trước, quyền-vị, và bảo những kẻ tả hữu rằng : « Dân ở đây (Giao-châu) hay làm loạn, ta phải làm như thế để ràng buộc họ mà thôi. » (19).

Sử chỉ chép như vậy nhưng không ghi rõ chúa Nam-Hán cho Dương Diên-Nghệ trước-vị gì.

mệnh Linh-biêu, khiến tướng Lý Hòa-Thuận phạt Thừa-Mỹ chấp chỉ, nãi tình kỳ thổ vũ. Hậu hữu Dương Đình-Nghệ, Thiệu Hồng giai thụ Quảng-nam ngụy thụ kế vi Giao-chỉ tiết-độ-sứ = Trong niên-hiệu Chính-minh (Trinh-minh) đời nhà Lương của họ Chu, người thổ-hào là Khúc Thừa-Mỹ chiếm-hữu đất ấy (Giao-chỉ) và xin quy-phụ với Lương Mạt-đế ; do đó, nhà Lương trao cho Thừa-Mỹ phủ-tiết và phủ-việt. Lúc bấy giờ Lưu Trắc chuyên quyền ở vùng Linh-biêu, sai tướng là Lý Hòa-Thuận sang đánh, bắt Thừa-Mỹ và kiêm-tinh cả đất Giao-chỉ. Sau có Dương Đình-Nghệ và Thiệu Hồng, nhận mệnh-lệnh của ngụy-triều Nam-Hán ở Quảng-châu, nối tiếp nhau làm Giao-chỉ tiết-độ-sứ.» *Tân Ngũ-dại sử*, quyển 65, tờ 3a, lại chép như thế này : «...遣將李守廓梁克貞攻交趾擒曲承美承美至南海覽登儀鳳樓受俘謂承美曰公常以我為偽廷今反面縛何也承美頓首伏罪乃赦之 = Khiến tướng Lý Thủ-Dung, Lương Khắc-Trinh công Giao-chỉ, cầm Khúc Thừa-Mỹ. Thừa-Mỹ chí Nam-hải, Nghiễm dâng Nghi-phượng-lâu thụ phủ, vị Thừa-Mỹ viết : « Công thường dĩ ngã vi ngụy-đình, kim phản diện phược hà dã ? » Thừa-Mỹ đốn thủ phục tội, nãi xá chỉ = [Lưu Nghiễm] sai tướng là Lý Thủ-Dung và Lương Khắc-Trinh đánh Giao-chỉ, bắt Khúc Thừa-Mỹ. Lúc Thừa-Mỹ đến Nam-hải, Lưu Nghiễm lên lầu Nghi-phượng nhận tù-binh và nói với Thừa-Mỹ : « Ông thường cho triều đình ta là ngụy-triều, nay có sao ông lại bị trói như thế ? » Thừa-

Đến năm thứ 2 hiệu Trường-hưng 長興 (931) đời Hậu-Đường 後唐, Dương Diên-Nghệ vẫn có chí khôi-phục, nuôi 3.000 tráng-sĩ làm con nuôi (giả-tử) ; Lý Tiến biết việc ấy, đưa tin về báo với chúa Nam-Hán ; Diên-Nghệ đem quân vây Lý Tiến, chúa Nam-Hán sai thừa-chỉ là Trần Bảo 陳寶 dẫn quân

Mỹ cúi đầu chịu tội, Lưu Nghiễm bèn tha cho Thừa-Mỹ.» *Cựu Ngũ-dại sử*, quyển 135, tờ 6a, chép : «Lưu Trắc sai tướng là Lý Tri-Thuận 李知順 đem binh sang đánh Khúc Thừa-Mỹ.» Xem vậy thì sử ta và sử Trung-hoa có vài chi-tiết khác nhau khi chép về sự-kiện dẫn trên.

(17) *Đại Việt sử-ký tiền-biên*, ngoại-ký, quyển 7, tờ 2a, có trích một đoạn *Dã-sử* chép về họ Khúc : «按野史曲氏洪州人世爲巨族其先承裕寬和愛人爲衆所推服唐曾哀素府城承裕自稱節度請命于朝唐帝因授之[...]曲氏三世起庚子終庚寅共五十一年 = *Ấn Dã-sử* : Khúc thị Hồng-châu nhân, thế vi cự tộc. Kỳ tiên Thừa-Dụ khoan hòa ái nhân, vi chúng sở suy phục. Đường Tăng Cồn khi phủ-thành, Thừa-Dụ tự xưng tiết-độ, thỉnh mệnh vu triều, Đường đế nhân thụ chi [...] Khúc thị tam thế, khởi canh-tý, chung canh-dần, cộng ngũ thập nhất niên = Theo *Dã-sử*, họ Khúc ở Hồng-châu (nay là hai phủ Bình-giang và Ninh-giang thuộc Hải-dương), đời đời là họ to lớn. Thừa-Dụ là người khoan-hòa hay thương người, được dân-chúng suy-tôn, khâm-phục. Lúc tiết-độ-sứ nhà Đường là Tăng Cồn bỏ thành chạy, Thừa-Dụ tự xưng tiết-độ, xin mệnh-lệnh nhà Đường, được vua Đường trao chức cho [...] Họ Khúc truyền ba đời : bắt đầu từ năm canh-tý (880) đến năm canh-dần (930) thì dứt, cộng là 51 năm.» NGUYỄN VĂN-TỐ, trong bài *Sử ta so với sử Tàu*, đăng trong tuần-báo *Thanh-*

đến cứu ; nhưng binh cứu-viện chưa tới nơi, thành đã bị mất ; Lý Tiến trốn về, Trần Bảo đến vây thành, Dương Diên-Nghệ ra nghênh chiến, Trần Bảo thua mà chết ; Diên-Nghệ tự xưng tiết-độ-sứ, cai-trị Giao-châu (20).

Tháng 3 năm đing-dậu (937), Dương Diên-Nghệ bị nha-tướng là Kiều Công-Tiên 媯公美 giết chết và lên thay (21).

ngự, năm thứ 4, số 72, ngày 1-7 -1944, tr. 12 và 13, có phê-bình đoạn *Dã-sử* ấy như sau : «Đoạn *Dã-sử* ấy chép bắt đầu từ năm canh-tý (880) tức là năm Tăng Cồn bỏ thành thì phải, còn như chép đến năm canh-dần (930) mới hết thì sai.Có lẽ quyền *Dã-sử* tính đến năm tân-mão (931) là năm Dương Diên-Nghệ xưng tiết-độ-sứ, cho nên cho là Thừa-Mỹ đến năm 930 mới hết, nhưng chính là Thừa-Mỹ đã bị bắt sang Nam-Hán từ năm quý-mùi (923). Trong tám năm, từ năm 923 đến năm 930, Dương Diên-Nghệ chưa xưng tiết-độ-sứ, nhưng vẫn giữ việc châu Giao, cầm quân châu Giao, đuiđi được Lý Khắc-Chính, giết được Trần Bảo.»

(18) *Khâm-định Việt-sử*, tiền - biên, quyển 5, tờ 17a, chép rằng : « 延基愛州人安南紀要作延基今從綱目改 = Diên-Nghệ, Ái châu nhân. *An-nam ký-yếu* tác Đing-Nghệ. Kim tưng *Cương-mục* cải = Diên-Nghệ, người châu Ái. Sách *An-nam ký-yếu* chép là Đing-Nghệ. Nay theo sách *Cương-mục* mà sửa lại. » Bởi vậy, có nhiều sách vẫn chép là Dương Đing-Nghệ.

(19) *Khâm-định Việt - sử* (tiền-biên, quyển 5, tờ 16b-17a), *Đại Việt sử-ký toàn-thư* (ngoại-ký, quyển 5, tờ 18a), *Đại Việt*

Tháng 9 năm mậu-tuất (938), Ngô Quyền 吳權 (22), cũng là một nha-tướng và con rể của Dương Diên-Nghệ, khởi binh giết được Kiều Công-Tiến.

Khi Ngô Quyền đem quân vây phủ-thành, Kiều Công-Tiến sai sứ đem của đút sang cho chúa Nam-Hán để cầu cứu. Ý chúa Nam-Hán muốn thừa cơ-hội loạn-lạc để chiếm lấy nước

sử-ký tiền-biên (ngoại-kỷ, quyển 7, tờ 1b) và *Hoàng-Việt giúp-tý niên-biên* (quyển thượng, tr. 312) đều chép việc này vào năm quý-vị (923). *Việt-khieu thư* (quyển 4, tờ 18b) lại chép vào năm thứ 1 hiệu Trường-hưng (930) và chép là chúa Nam-Hán sai Lương Khắc-Chân, Lý Thủ-Dung sang đánh Giao-châu, bắt được Tĩnh-hải-quân tiết-độ-sứ Khúc Thừa-Mỹ đem về (như thế là chép theo *Tân Ngũ-dại sử*, quyển 65, tờ 3a). *An-nam chi-lược*, hiệu-bản của Viện Đại-học Huế, phần chữ Hán, tr. 115, chép: «楊廷藝愛州人也曲顯將劉夔既擒曲承美授廷藝爵命以李進為交州刺史與李克正守其城夔謂左右交趾民好亂但可羈縻而已明年廷藝果叛舉眾圍城克正潰走廷藝據其境為橋公美所殺 = Dương Đình-Nghệ, Ái châu nhân dã, Khúc Hạo tướng. Lưu Nghiễm ký cầm Khúc Thừa-Mỹ, thụ Đình-Nghệ tước, mệnh dĩ Lý Tiến vi Giao-châu thứ-sứ, dĩ Lý Khắc-Chính thủ kỳ thành. Nghiễm vị tả hữu : Giao-chỉ dân hiếu loạn, dẫn khả ký mi nhi dĩ. Minh niên Đình-Nghệ quả bạo, cử chúng vi thành, Khắc-Chính hội tâu. Đình-Nghệ cử kỳ cảnh, vi Kiều Công-Tiến sở sát = Dương Đình-Nghệ, người châu Ái, tướng của Khúc Hạo. Khi Lưu Nghiễm đã bắt Khúc Thừa-Mỹ rồi, phong tước cho Đình-Nghệ, khiến Lý Tiến làm

a, nên mới sai con là Hoảng-Tháo 弘操, nguyên tước Vạn-trương 萬王, được phong làm Giao-vương 交王, đem quân sang cứu Công-Tiện (23).

Chúa Nam-Hán Lưu Cung sai con dẫn binh đi trước, rồi tự mình đem binh đóng đồn ở Hải-môn để làm thanh-viện. Lưu Cung có hỏi kế Sùng-văn-sứ Tiêu Ích 蕭益, Ích đáp : «Nay mưa dầm đã lâu, đường biển hiểm-trở xa-xôi. Ngô Quyền là

sứ-sứ Giao-châu, cùng với Lý Khắc-Chính giữ thành. Nghiêm bảo kẻ hữu rãng : «Dân Giao-chỉ ưa làm loạn, chỉ nên ràng-buộc họ mà thôi». Quả nhiên, năm sau, Đinh-Nghệ làm phản, đem quân vây thành. Khắc-Chính chạy. Đinh-Nghệ chiếm-cứ bờ cõi, sau bị Kiều Công-Tiện giết. » *An-nam chí-nguyên*, hiệu-bản của PQVĐHV, quyển 3, tr. 181, cũng chép như thế, song có ghi rằng Dương Diên-Nghệ xưng tiết-độ được 3 năm thì bị Kiều Công-Tiện giết. *An-nam chí-lược* và *An-nam chí-nguyên* đều chép «chúa Nam-Hán phong tước cho Dương Diên-Nghệ ngay sau khi bắt Khúc Thừa-Mỹ » thì không hợp lý. Theo *Khâm-định Việt-sử*, *Đại Việt sử-ký toàn-thư* và *Đại Việt sử-ký tiền-biên* thì đúng hơn : Dương Diên-Nghệ cất quân đánh Lý Khắc-Chính, Lý thua phải chạy về Nam-Hán, lúc bấy giờ chúa Nam-Hán mới chịu cho Diên-Nghệ tước-vị. Còn như *An-nam chí-nguyên* chép «Diên-Nghệ chỉ xưng tiết-độ-sứ được 3 năm» cũng sai lầm, vì Diên-Nghệ bắt đầu xưng tiết-độ-sứ từ năm tân-mão (931), đến năm đinh-dậu (937) mới bị Kiều Công-Tiện giết, cộng được 7 năm ; nếu kể từ năm đánh đuổi Lý Khắc-Chính (quý-vị, 923) thì cộng được 15 năm.

(20) *Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, quyển 5, tờ 17b ; *Đại Việt sử-ký toàn-thư*, ngoại-ký, quyển 5, tờ 18b ; *Đại Việt sử-ký tiền*

tay kiệt-hiệt, chớ có khinh thường. Đại-quân phải thận-trọng, dùng nhiều kẻ hướng-đạo, rồi mới có thể tiến lên được.» (24).

Luru Cung không nghe lời đó, sai Hoảng-Tháo đem chiến-thuyền tiến vào cửa Bạch-đăng 白藤 (25).

Lúc bấy giờ NgôQuyền đã giết được Kiều Công-Tiện, nghe tin quân Hoảng-Tháo đến, mới bảo tướng tá rằng : «Hoảng-Tháo

biên, ngoại-kỷ, quyển 7, tờ 3a. Riêng *Đại Việt sử-ký tiền-biên*, sau khi chép sự-kiện lịch-sử dẫn trên, có chua thêm : «初廷華思復曲顯之讎乃設交跌場招集州中豪傑漢以大義同謀舉事遂攻漢將李克正敗之 = Sơ Đinh-Nghệ tư phục Khúc Hạo chi thù, nãi thiết giao điệt trường chiêu tập châu trung hào kiệt, kích dĩ đại nghĩa, đồng mưu cử sự, toại công Hán tướng Lý Khắc-Chính bại chi = Lúc đầu, Đinh-Nghệ nghĩ đến việc phục-thù cho họ Khúc, nên đã lập trường đánh vật để chiêu-tập những kẻ hào-kiệt trong châu, nói khích lấy đại-nghĩa để cùng mưu việc lớn, thành thử mới đánh bại được tướng Nam-Hán là Lý Khắc-Chính.» Còn *Việt-kịu thư*, quyển 4, tờ 18b, chép rằng Lý Tiến biết Dương Diên-Nghệ có nuôi 3.000 giả-tử, nhưng vì ăn hối-lộ, nên không báo việc ấy cho chúa Nam-Hán biết.

(21) *Khâm-định Việt-sử*, tiền - biên, quyển 5, tờ 17b ; *Đại Việt sử-ký toàn-thư*, ngoại-kỷ, quyển 5, tờ 19a. *Đại Việt sử-ký tiền-biên*, ngoại-kỷ, quyển 7, tờ 3ab, có dẫn lời bàn của sử-thần Ngô Thi-Si 吳時仕 như sau : «漢唐之季多畜假子蓋當智力相角之時或患難相從緩急得力即收為己子以冀為腹心不知狼子難馴慢藏誨盜天性之不可假也廷華假之至於三千其及也庸能悔乎 = Hán Đường chi quý, đa súc giả tử, cái

là một thẳng ngực, đem quân từ đường xa tới, binh-sĩ đã mỗi mệt, lại nghe Công-Tiện chết, không có người làm nội-ứng, cái hùng-khí đã tiêu-tan ; quân ta có thể lấy sức thông-thả để đợi quân mỗi-mệt, chắc là phá được. Nhưng bọn họ giỏi về thủy-chiến, nếu ta không phòng-bị trước, thì sự được thua chưa biết sẽ về ai. Chi bằng sai người đến trước ở Hải-môn, ngầm đóng những cọc lớn, vót nhọn đầu và bịt sắt, thuyền của họ

đương trí lực tương giác chi thời, hoặc hoạn nạn tương tòng, hoãn cấp đắc lực, tức thu vi kỳ tử, di ký vi phúc tâm ; bất tri lang tử nan tuần, mạn tàng hối đạo, thiên tính chi bất khả giả dã. Đinh-Nghệ giả chi chí ư tam thiên, kỳ cập dã dung năng hối hồ=Cuối các đời Hán, Đường, người ta hay nuôi con nuôi, ấy là trong lúc đối chọi với kẻ khác bằng trí và bằng sức, hoặc theo nhau trong cơn hoạn-nạn, khi hoãn khi cấp đều đắc lực, thì nhận làm con để mong làm kẻ tâm-phúc ; nhưng chẳng biết rằng sói con khó dạy, cát của cầu-thả là đủ cho kẻ trộm đến, tính trời không thể mượn được. Đinh-Nghệ nuôi con mượn đến ba ngàn, kịp khi bị nạn, há có thể hối được chăng ?”

(22) Ngô Quyền : người làng Đường-lâm 唐林 huyện Phúc-lộc 福祿 (nay là Phúc-thọ 福壽) tỉnh Sơn-tây 山西 bây giờ, đời đời là quý-tộc, cha là Ngô Mân 吳旻, làm chức châu-mục. Ngô Quyền sinh ra, trạng-mạo khác thường ; lúc lớn lên, càng khôi-ngô, mắt sáng như điện, bộ đi như hổ, có trí dũng, sức có thể cử nổi cái vạc, làm tướng nanh-vuốt của Dương Diên-Nghệ, được Diên-Nghệ gả con gái cho và sai giữ Ái-châu ; đến khi nghe Công-Tiện giết Diên-Nghệ, Quyền từ châu Ái đem quân ra giết Công-Tiện. (Khâm-định Việt-sử,

theo thủy-triều lên, vào trong chỗ đóng cọc, nhiên hậu mới dễ trị, không có kế gì hay hơn thế.» (26). Nói rồi, liền sai người đóng cọc ở hai bên cửa sông ; thừa khi thủy-triều lên, Ngô Quyền cho người dùng thuyền nhẹ đến khiêu-chiến rồi giả thua, Hoảng-Tháo quả nhiên đem toàn-lực đuổi theo ; thuyền quân Nam-Hán theo thủy-triều tiến vào, Ngô Quyền mới đem quân ra đánh ; thủy-triều rút xuống rất mau, thuyền của địch đều mắc cọc lật úp hết ; trong cơn hoảng-hốt, tan vỡ, quân-sĩ của

tiền-biên, quyền 5, tờ 18ab; *Đại Việt sử-ký toàn-thư*, ngoại-ký, quyền 5, tờ 20b ; *Đại Việt sử-ký Tiền-biên*, ngoại-ký, quyền 7, tờ 6a). *An-nam chí-nguyên*, hiệu-bản của PQVĐHV, quyền 3, tr. 182, chép Ngô Quyền là người Ái-châu, bởi vì Quyền đã đem binh Ái-châu ra vây đánh Công-Tiện.

(23) *Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, quyền 5, tờ 18b. *Đại Việt sử-ký toàn-thư* (ngoại-ký, quyền 5, tờ 19a) và *Đại Việt sử-ký tiền-biên* (ngoại-ký, quyền 7, tờ, 3b) chép : « Lưư Cung cho con là Vạn-vương Hoảng-Tháo làm Tĩnh-hải-quân tiết-độ-sứ, và đòi phong làm Giao-vương » (乃以其子萬王弘操為靜海軍節度使徙封交王). *Việt-sử lược*, bản chữ Hán chép tay của Viện Khảo-cổ, quyền 1, tờ 23b, cũng chép chúa Nam-Hán cho con là Vạn-vương Hoảng-Tháo làm Tĩnh-hải-quân tiết-độ-sứ, nhưng không chép đòi phong làm Giao-vương. *An-nam chí-nguyên* (hiệu bản của PQVĐHV, quyền 3, tr. 181) và *An-nam chí-lược* (hiệu-bản của Viện Đại-học Huế, phần chữ Hán, tr. 115) lại chép : « Lưư Cung cho con là Vạn-vương Hoảng-Tháo làm Giao-châu tiết-độ-sứ » (襲以其子萬王弘操為交州節度使).

(24) *Cương-mục*, tiền-biên V, 18b ; *Sử-ký toàn-thư*, ngoại-ký, V, 19a ; *Sử-ký tiền-biên*, ngoại-ký, VII, 3b-4a.

địch chết đuối quá nửa ; Ngô Quyền thừa thắng đánh tràn, bắt được Hoảng-Tháo giết chết ; Lưu Cung thương khóc rồi thu nhặt tàn quân mà về (27).

Ngô Quyền thắng được quân Nam-Hán, không chịu nhận chức tiết-độ-sứ của địch. Đến mùa xuân năm kỷ-hợi (939),

(25) *Bạch-đăng* : sông Lục-đầu 六頭 tại tỉnh Bắc-ninh 北寧 chia làm hai nhánh chảy vào tỉnh Hải-dương 海陽, một nhánh theo Mỹ-giang 美江, một nhánh theo Chu-cốc-sơn 珠谷山, hợp lưu tại xã Đoan-lễ 端禮, ấy là sông Bạch-đăng. Sông này từ giới-phận huyện Thủy-đường 水棠 tỉnh Hải-dương chảy đến giới-phận huyện An-hưng 安興 tỉnh Quảng-yên 廣安, rồi chuyển sang hướng Nam 29 dặm và tuôn ra cửa Nam-triệu 南趙. Ngày xưa, Ngô Quyền phá quân Nam-Hán (938) và Trần Quốc-Tuấn phá quân Nguyên (1288) ở sông này. (Cm, tb, V, 19b-20a).

(26) *Đại Việt sử-ký tiền-biên*, ngoại-ký, quyển 7, tờ 4ab ; *Đại Việt sử-ký toàn-thư*, ngoại-ký, quyển 5, tờ 19b-20a.

(27) *Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, quyển 5, tờ 19a; *Đại Việt sử-ký toàn-thư*, ngoại-ký, quyển 5, tờ 19b - 20a ; *Đại Việt sử-ký tiền-biên*, ngoại-ký, quyển 7, tờ 4ab ; *Việt-sử lược*, bản chữ Hán chép tay của Viện Khảo-cổ, quyển I, tờ 23ab. Đối-chiếu với *An-nam chí-lược*, hiệu-bản của Viện Đại-học Huế, phần chữ Hán, tr. 115 ; *An-nam chí-nguyên*, hiệu-bản của PQVĐHV, quyển 3, tr. 181 ; *Hoàng-Việt giáp-tý niên - biểu*, quyển thượng, tr. 315. *Tân Ngũ-đại sử*, quyển 65, tờ 3a, cũng chép khá đầy đủ về cuộc chiến thắng của Ngô Quyền như sau : « 交州 牙將皎公美殺楊廷藝自立廷藝故將

Quyền xưng vương, đóng đô ở Cồ-loa (nay thuộc huyện Đông-anh, tỉnh Phúc-yên), đặt bách quan, chế triều-nghi, định phục-sắc và chỉnh-đốn việc chính-trị trong nước, mở kỷ-nguyên độc-lập cho dân-tộc (28). Tuy vậy, Ngô-vương chưa đặt niên-hiệu và quốc-hiệu.

吳權攻交州公美來乞師襲封洪操交王出兵白藤以攻之襲以兵駐海門權已殺公美逆戰海口植鐵楹海中權兵乘潮而進洪操逐之潮退舟還鐵楹者皆覆洪操戰死襲收餘衆而還 = Giao-châu nha-tướng Kiều Công-Tiến sát Dương Đình-Nghệ tự lập; Nghệ cố tướng Ngô Quyền công Giao-châu, Công-Tiến lai khất sư, Nghiễm phong Hồng-Tháo Giao-vương, xuất binh Bạch-đăng dĩ công chi, Nghiễm dĩ binh trú Hải-môn; Quyền dĩ sát Công-Tiến, nghịch chiến hải khẩu, thực thiết quyết hải trung, Quyền binh thừa triều nhi tiến, Hồng-Tháo trực chi, triều thoái, chu hoàn, lịch quyết giả giai phúc, Hồng-Tháo chiến tử; Nghiễm thu dư chúng nhi hoàn = Viên nha-tướng Giao-châu là Kiều Công-Tiến giết Dương Đình-Nghệ rồi tự lập; viên tướng cũ của Đình-Nghệ là Ngô Quyền đem quân tới đánh Giao-châu; Công-Tiến sang xin binh cứu-viện, Lưu Nghiễm phong Hồng-Tháo làm Giao-vương, kéo quân vào sông Bạch-đăng để đánh Ngô Quyền, còn Nghiễm thì đem quân đóng tại Hải-môn; lúc bấy giờ Ngô Quyền đã giết Công-Tiến, nghênh-chiến tại hải-khẩu, cắm cọc sắt trong bể, rồi cho quân theo thủy-triều tiến lên; Hồng-Tháo đuối theo địch, thủy-triều rút xuống, thuyền trở về, những chiếc mắc phải cọc đều lật úp, Hồng-Tháo tử trận; Lưu Nghiễm thu-nhặt tàn-quân mà về.»

(28) *Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, quyền 5, tờ 20ab; *Đại Việt sử-ký toàn-*

Năm giáp-dần (954), sau khi Thiên-sách-vương Ngô Xương-Ngập 天策王 吳昌岌 mất, Nam-tấn-vương Ngô Xương-Văn 南晉王 吳昌文 (29) nắm trọn quyền chính, lại sai sứ sang xin phong với chúa Nam-Hán là Lưu Thịnh 劉晟; do đó, Xương-Văn được chúa Nam-Hán trao cho chức Tĩnh-hải-quân tiết-độ-sứ kiêm đô-hộ (30).

thur, ngoại-kỷ, quyển 5, tờ 20b-21a; *Đại Việt sử-ký tiền-biên*, ngoại-kỷ, quyển 7, tờ 6ab; *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biểu*, quyển thượng, trang 315. Sử-thần Ngô Thì-Sĩ nói: «Lưu Nghiễm dòm ngó Giao-châu, thừa dịp Đinh-Nghệ mất, cậy có Công-Tiện làm nội-ứng, đem quân toàn-quốc sang cướp phá nước ta, phong tước trước cho con, lại đích thân dẫn binh đi đóng ở nơi hiểm-yếu, ý nghĩ rằng chỉ đánh một trận là có thể phá được quân Ngô Quyền, rồi giết Công-Tiện mà cướp lấy nước ta, vơ vét của báu đem về, nhiên hậu dịch-sử dân ta làm nô-lệ. Nếu Ngô Quyền không đại thắng trong chiến-dịch ấy, đề làm cho hùng-khí của địch tiêu tan, thì sớm muộn thế nào chúng nó cũng đặc chí, và sự ngoại-thuộc lại hình-thành. Bởi vậy cho nên cuộc thắng trận trên sông Bạch-đăng là căn-bản của việc phục-hồi quốc-thống; các đời Đinh, Lê, Lý, Trần về sau còn nhờ cái ảnh-hưởng ấy mà lập được nhiều võ-công sáng chói muôn đời, há có phải chỉ rục-rở trong một thời mà thôi đâu.» (*Đại-Việt sử-ký tiền-biên*, ngoại-kỷ, VII, 4b-5a). Sử-thần Lê Văn-Hưu nói: «Tiền Ngô-vương có thể dùng những binh-sĩ mới động-viên của nước Việt ta để phá được trăm vạn binh của Lưu Hoảng-Tháo, mở mang bờ cõi, xưng vương, khiến người phương Bắc (Trung-quốc) không dám trở lại nữa [...] Tuy vương chưa lên ngôi Hoàng-đế và cải-nguyên, nhưng nền chính-thống của nước Việt ta cơ-hồ được nối tiếp lại.» (*Sử-ký tiền-biên*, ngoại-kỷ, VII, 6b; *Sử-ký toàn-thư*, ngoại-kỷ, V, 21a). Sử

Sau đó, chức Tĩnh-hải-quân tiết-độ-sứ vẫn được các vua Trung-quốc dùng để phong cho những vị nguyên-thủ nước ta đến năm 1010 (hiệu Thuận-thiên thứ nhất đời Lý Thái-tổ) mới

thần Ngô Sĩ-Liên nói : «Tiền Ngô-vương dấy nghiệp, không những chỉ có công chiến-thắng, mà còn những việc đặt bách quan, chế triều-nghi, định phục-sắc đã cho ta thấy rõ quy-mô của đế vương ; nhưng tiếc rằng vương ở ngôi không được lâu dài, nên ta chưa thấy được thành-hiệu của việc chính-trị.» (*Cương-mục, tiền-biên, V, 21a ; Sử-ký toàn-thư, ngoại-ký, V, 21ab ; Sử-ký tiền-biên, ngoại-ký, VII, 6b*). Vua Tự-đức đã phê-bình Ngô Quyền như thế này: «Ngô Quyền đã gặp Nam-Hán là một tiểu-quốc của ngụy-triều, Hoàng-Tháo là một đứa trẻ hèn kém, cho nên mới có cuộc thắng trận trên sông Bạch-đăng. Đó chỉ là sự may-mắn, sao đáng xưng-tụng. Nếu gặp phải tay Trần Bá-Tiên, thì Ngô Quyền cũng không khỏi thất-bại như Lý Bôn và Triệu Quang-Phục.» (*Cương-mục, tiền-biên, V, 19a*).

(29) Ngô Xương-Văn là con thứ của Ngô Quyền và là em Ngô Xương-Ngập (*Cương-mục, tiền-biên, V, 23b*).

(30) *Cương-mục, tiền biên, V, 25ab*. Đối-chiếu với *Đại Việt sử-ký tiền-biên, ngoại-ký, VII, 11b. Đại Việt sử-ký toàn-thư, ngoại-ký, quyền 5, tờ 24ab* và *Việt-sử lược, bản chữ Hán chép tay của Viên Khảo-cò, quyền I, tờ 24b*, chép : «Chúa Nam-Hán là Lưu Sưông 劉師翁 cho Ngô Xương-Văn làm Tĩnh-hải-quân tiết-độ-sứ kiêm đô-hộ.» Nhưng Lưu Sưông kế vị vào năm 958 (mậu-ngọ, Chu Thế-tông, Hiền-đức thứ 5), còn năm 954 (Hiền-đức nguyên niên) chính là lúc Lưu Thịnh đang ở ngôi vua Nam-Hán. *Tân Ngũ-dại sử, quyền 65,*

chấm dứt. Từ đây trở đi, Trung-quốc không gọi nước ta là Tĩnh-hải-quân và cũng không đặt chức tiết-dộ-sứ nữa. Các vua Lý Thái-tông, Lý Thánh-tông, Lý Nhân-tông, Lý Thần-

từ 4b-5a, chép về việc này như sau : « 交州吳昌濬遣使稱臣求節鉞昌濬者權子也權自襲時據交州襲遣洪操攻之洪操戰死遂棄不復攻權死子昌爰立昌爰卒弟昌濬立始稱臣於晟晟遣給事中李瑛以旌節招之瑛至白州昌濬使人止瑛曰海賊爲亂道路不通瑛不果行 = Giao-châu Ngô Xương-Tuấn khiển sứ xưng thần, cầu tiết 'viết. Xương-Tuấn giả, Quyền tử dã. Quyền tự Nghiễm thời cứ Giao-châu, Nghiễm khiển Hồng-Tháo công chi, Hồng-Tháo chiến tử, toại khí bất phục công. Quyền tử, tử Xương-Ngập lập; Xương-Ngập tốt, đệ Xương-Tuấn lập, thủy xưng thần ư Thịnh; Thịnh khiển cấp-sự-trung Lý Dư dĩ tinh tiết chiêu chi, Dư chí Bạch-châu, Xương-Tuấn sử nhân chi Dư viết : « Hải tặc vi loạn, đạo lộ bất thông. » Dư bất quả hành = Ngô Xương-Tuấn ở Giao-châu sai sứ sang xưng bề-tôi và xin phù-tiết cùng phủ-việt. Xương-Tuấn là con của Ngô Quyền. Từ thời Lưu Nghiễm, Ngô Quyền đã chiếm giữ Giao-châu; Nghiễm sai Hồng-Tháo đánh Quyền, Hồng-Tháo bị tử trận, nên Nghiễm bỏ Giao-châu không đánh nữa. Ngô Quyền chết, con là Xương-Ngập lên thay; Xương-Ngập chết, em là Xương-Tuấn nối nghiệp, mới xưng bề-tôi với Lưu Thịnh; do đó, Lưu Thịnh sai cấp-sự-trung Lý Dư cầm cờ tinh-tiết sang chiêu dụ, nhưng lúc Dư đến Bạch-châu, Xương-Tuấn sai người ngăn lại và nói : « Bọn giặc bề làm loạn, đường sá bị trở ngại. » Vì thế Lý Dư không đi được. » *An-nam chí-lược*, hiệu-bản của Viện Đại-học Huế, phần chữ Hán, tr. 115 - 116, và *An-nam chí-nguyên*, hiệu-bản của PQVĐHV,

tông đều được vua Trung-hoa phong làm Giao-chỉ quận-vương, rồi gia phong là Nam-bình-vương. Mãi đến năm 1164 (hiệu Chính-long-bảo-ưng thứ 2 đời Lý Anh-tông), nhà Tống mới

quyền 3, tr. 182, đều chép nhà Ngô làm vua được bốn đời : Ngô Quyền, Ngô Xương-Ngập, Ngô Xương-Tuấn và Ngô Xương-Văn. Nhưng các bộ chính-sử của ta (*Toàn-thư*, *Cương-mục*, *Sử-ký tiền-biên*) không chép Ngô Xương-Tuấn. NAOJIRO SUGIMOTO (Sam-bản Trục-trị-lang 杉本直治郎) có viết thiên khảo-cứu về thế-hệ và niên-đại của nhà Ngô bằng chữ Nhật nhan - đề *Quan ư Ngũ-đại Tống sơ An-nam chi thđ-hào Ngô-thị* (關於五代宋初安南之土豪吳氏) đã được Lữ Sĩ-Bằng dẫn trong sách *Bắc-thuộc thời-kỳ dịch Việt-nam* (Hương-cảng, Trung-văn đại-học Tân-Á nghiên-cứu sở, 1964, tr. 143) và Trần Kinh-Hòa dẫn trong bài *Giáo-sư Naojiro Sugimoto và học - thuyết trong cuốn sách mới của tiên-sinh : Nghiên-cứu về lịch-sử Đông-Nam Á*, đăng trong tạp-chí *Đại-học của Viện Đại-học Huế* (số 7, tháng 1-1959, tr. 103) đại-khái như sau : Đời thứ nhất là Tiền Ngô-vương Quyền ở ngôi 7 năm (938-944) tức thời-kỳ họ Ngô sáng nghiệp ; kế đó Dương Bình-vương Tam-Kha soạn vị 7 năm (944-950) ; năm 950, Ngô Xương-Văn đuổi Dương Tam-Kha, là thời-kỳ Nam-tấn-vương Xương-Văn tự lập làm vua ; năm 951 là thời-kỳ lưỡng-đầu-chế (Ngô Xương-Văn và Ngô Xương-Ngập cùng làm vua) ; đời thứ hai là thời-kỳ Thiên-sách-vương Xương-Ngập chuyên chính 3 năm (952-954) ; đời thứ ba là thời-kỳ Hậu Ngô-vương Xương-Văn tức Xương-Tuấn chuyên chính 12 năm (954-965). Theo thuyết của ông Sugimoto thì Ngô Xương-Văn và Ngô Xương-Tuấn là một người. Hai ông Lữ Sĩ-Bằng và Trần Kinh-Hòa đều tán đồng ý-kiến của ông Sugimoto về thế-thứ nhà Ngô nhưng không đồng ý về năm mất của

thừa-nhận nước ta là An-nam quốc và phong vua ta là An-nam quốc-vương. Việc này sẽ nói ở phần sau.

Ngô Xương-Văn. Hai ông cho rằng ông Sugimoto đã dựa vào *Ngũ-đại sử* và *Việt-sử lược* để chép Xương-Văn mất năm Kiền-đức thứ 3 (965) ; nhưng bộ sách rất có giá-trị về sử-liệu của Lý Đào là *Tục Tư-trị thông-giám trường-biên*, quyển 4, đoạn chép về việc trong tháng 12 nhuận năm Kiền-đức nguyên niên (963) có câu : “静海節度使吴昌文卒 = Tĩnh-hải tiết-độ-sứ Ngô Xương-Văn tốt = Tĩnh-hải-quân tiết-độ-sứ là Ngô Xương-Văn mất.” Vì thế, hai ông chủ-trương nên theo *Trường-biên*.

III.— ĐẠI CỒ-VIỆT

Ngô Quyền mất năm 944, ở ngôi được 6 năm. Năm sau (945), em vợ Ngô Quyền là Dương Tam-Kha 楊三哥 cướp ngôi ; con cả của Ngô Quyền là Xương-Ngập phải chạy trốn (1).

(1) Lúc sắp mất, Ngô Quyền ủy-thác Xương-Ngập cho Tam-Kha (người làng Dương-xá 楊舍, huyện Đông-sơn 東山, Thanh-hóa 清化) là em của Dương-hậu (vợ Ngô Quyền). Thừa cơ-hội ấy, Tam-Kha cướp ngôi của cháu, tự xưng Bình-vương 平王. Xương-Ngập sợ, chạy sang sông Nam-sách 南冊江 (thuộc phủ Nam-sách 南莒, Hải-dương 海陽), vào ẩn tại nhà Phạm Linh-công 范令公 ở Trà-hương 茶鄉 (tức huyện Kim-thành 金城縣, thuộc Hải-dương). Tam-Kha bắt con thứ hai của Ngô Quyền là Xương-Văn làm con nuôi ; còn những đứa em nhỏ của Xương-Ngập và Xương-Văn như Nam-Hưng 南興, Kiên-Hưng 乾興 thì cho ở với Dương-hậu. Tam-Kha sai Dương Cát-Lợi 楊吉利 và Đỗ Cảnh-Thạc 杜景碩 đem binh đi tìm bắt Xương-Ngập mấy lần nhưng không được, vì Phạm Linh-công giấu Xương-Ngập trong núi. (*Cương-mục*, tiền-biên, V, 21ab ; *Toàn-thư*, ngoại-kỷ, V, 21b-22a ; *Sử-ký*, ngoại-kỷ, VII, 7b).

Sau Xương-Văn phế Tam-Kha, giành lại ngôi báu, cho người đi rước anh (Xương-Ngáp) về cùng trị nước (2). Nhưng đến năm giáp-dần (954) thì Thiên-sách-vương Ngô Xương-Ngáp mất. Lúc bấy giờ giặc-giã trong nước nổi lên khắp nơi. Sở dĩ có sự loạn-lạc ấy là vì từ khi Dương Tam-Kha soán vị, những người thồ-hào ở các nơi đều xưng lên độc-lập, xưng

(2) Năm canh-tuất (950), Dương Tam-Kha sai Ngô Xương-Văn cùng Dương Cát-Lợi và Đỗ Cảnh-Thạc đem quân đi đánh hai thôn Thái-bình (xem chú số 3 ở trang sau). Đi đến Từ-liêm 慈廉 (trước thuộc Sơn-tây 山西, sau thuộc Hà-đông 河東), Xương-Văn nói cùng hai tướng rằng : « Cái đức của Tiên-vương (chỉ Ngô Quyền) đã thấm sâu vào lòng dân, cho nên những mệnh-lệnh do Ngài ban ra, không ai là không vui-vẻ tuân theo, nhưng chẳng may Ngài mất sớm. Nay Bình-vương bất nghĩa, làm việc soán-đoạt, không có tội nào lớn hơn tội ấy nữa. Lại sai chúng ta đi đánh các thôn ấp vô tội, nếu gặp may thắng được thì chẳng nói gì, còn như dân-tình không phục, thì biết làm thế nào ? ... Tôi muốn đem quân trở về đánh úp Bình-vương để khôi-phục cơ-nghiệp của Tiên-vương. » Hai tướng thuận theo mưu ấy, liền cùng nhau kéo quân về bắt Tam-Kha. Mọi người muốn giết Tam-Kha, nhưng Xương-Văn nghĩ tình cậu cháu, lại có ơn nuôi-nấng mình, không nỡ giết chết, chỉ giáng xuống làm Trương-dương-công 張揚公 và ban cho thực-ấp (Cương-mục, tiền-biên, V, 22a-23b). Toàn-thư (ngoại-kỷ, V, 22b) và Sử-ký (ngoại-kỷ, VII, 9b-10a) cũng chép đại-khái như thế, duy có khác một điểm : Dương Tam-Kha sai Ngô Xương-Văn, Dương Cát-Lợi và Đỗ Cảnh-Thạc đem quân đi đánh hai thôn Thái-bình 太平 và Đường-nguyên 唐阮.

là Sứ-quân, không chịu lệ-thuộc quyền cai-trị của họ Dương. Về sau Nam-tấn-vương Ngô Xương-Văn đã phục quốc, nhưng các Sứ-quân vẫn không về thần-phục. Vì thế, nhà vua phải đi đánh mãi, mà vẫn không dẹp yên. Năm ất-sửu (965), Nam-tấn-vương đi đánh giặc ở hai thôn Thái-bình 太平 (3), bị tên bắn chết. Con Thiên-sách-vương là Ngô Xương-Xi 吳昌熾

(3) *Thái-bình* : thuộc Phong-châu 峯州 ngày xưa (Cm, tb, IV, 11b). Phong-châu nay ở vào địa-hạt huyện Bạch-hạc tỉnh Vĩnh-yên.

(4) *Mười hai Sứ-quân* : Lúc đầu, thò-hào Trần Lãm 陳覽 xưng Trần Minh-công 陳明公, giữ Bồ-hải-khâu 布海口 (xã Kỳ-bố 奇布, tỉnh Thái-bình 太平); Kiều Công-Hãn 矯公罕 xưng Kiều Tam-chế 矯三制, giữ Phong-châu 峯州 (huyện Bạch-hạc 白鶴, tỉnh Vĩnh-yên 永安); Nguyễn Khoan 阮寬 xưng Nguyễn Thái-bình 阮太平, giữ Tam-đái 三帶 (phủ Vinh-tường 永祥, Vĩnh-yên); Ngô Nhật-Khánh 吳日慶 xưng Ngô Lãm-công 吳覽公, giữ Đường-lâm 唐林 (sau là xã Cam-lâm 甘霖, thuộc Phúc-thọ 福壽, Sơn-tây 山西); Lý Khuê 李奎 xưng Lý Lãng-công 李朗公, giữ Siêu-loại 超類 (nay thuộc Bắc-ninh 北寧); Nguyễn Thủ-Tiếp 阮守捷 xưng Nguyễn Linh-công 阮令公, giữ Tiên-du 仙遊 (Bắc-ninh); Lữ Đường 呂唐 xưng Lữ Tá-công 呂佐公, giữ Tế-giang 細江 (nay là huyện Văn-giang 文江, Bắc-ninh); Nguyễn Siêu 阮超 xưng Nguyễn Hữu-công 阮右公, giữ Tây-phù-liệt 西扶烈 (nay thuộc huyện Thanh-trì 靑池, Hà-đông 河東); Kiều Thuận 矯順 xưng Kiều Linh-công 矯令公, giữ Hồi-hồ 回湖 (huyện Cẩm-kê 錦溪, Sơn-tây); Phạm Bạch-Hồ 范白虎 xưng Phạm Phòng-át 范

lên nổi nghiệp, nhưng thế rất yếu kém, phải lui về đóng giữ Bình-kiều 平橋 (nay là làng Bình-kiều, phủ Khoái-châu 快州, Hưng-yên 興安), và Xương-Xí cũng chỉ là một trong mười hai Sứ-quân (4).

防遏, giữ Đàng-châu 藤州 (nay là xã Đàng-châu, huyện Kim-động 金洞, tỉnh Hưng-yên). Sau khi Ngô Xương-Văn chết, Ngô Xương-Xí giữ Bình-kiều, Đỗ Cảnh-Thạc xưng Đỗ Cảnh-công 杜景公, giữ Đỗ-động giang 杜洞江 (thuộc Thanh-oai 靑威, Hà-đông), thế là trước sau có cả thảy mười hai Sứ-quân (Cm, tb, V, 27b-28a). *Đại Việt sử-ký toàn-thư* (ngoại-ký, V, 25ab) và *Đại Việt sử-ký tiền-biên* (ngoại-ký, VII, 13ab) cũng chép đủ tên 12 vị Sứ-quân như Cm nhưng cho rằng sau khi Nam-tấn-vương mất, các Sứ-quân cùng nổi lên một lượt. Xét ra chép như Cm thì hợp lý hơn, bởi vì lúc Dương Tam-Kha tiếm-vị, một số thờ-hào trong nước không phục họ Dương nên đã nổi lên, mỗi người chiếm giữ một nơi; duy có Ngô Xương-Xí và Đỗ Cảnh-Thạc mới xưng Sứ-quân sau khi Ngô Xương-Văn chết. *An-nam chí-nguyên*, hiệu-bản của PQVĐHV, quyển 3, tr. 182, tuy có ghi 12 Sứ-quân cùng nổi lên, nhưng chỉ chép tên 11 vị như sau: « 矯公制 據峯州 阮太平 據阮家灣 阮公寬 據唐林 杜景碩 據桐江 阮遊奕 據橋平 阮郎公 據超類 阮令公 據儂遊 呂佐公 據細江 阮希公 據洄湖 范防遏 據藤州 陳明公 據布海口 = Kiều Công-chế cứ Phong-châu, Nguyễn Thái-bình cứ Nguyễn-gia-loan, Nguyễn Công-Khoan cứ Đường-lâm, Đỗ Cảnh-Thạc cứ Đồng-giang, Nguyễn Du-Dịch cứ Kiều-bình, Nguyễn Lang-công cứ Siêu-loại, Nguyễn Linh-công cứ Tiên-du, Lữ Tá-công cứ Tế-giang, Nguyễn Hy-công cứ Hồi-hồ, Phạm Phòng-át cứ Đàng-châu, Trần Minh-công cứ Bồ-hải-khâu = Kiều Công-

Trong thời-gian từ Ngô Quyền đến mười hai Sứ-quân (939-967), nước ta vẫn chưa có quốc-hiệu.

Năm 968, Đinh Bộ-Lĩnh 丁部領 (5) dẹp yên 12

chế giữ Phong-châu, Nguyễn Thái-bình giữ Nguyễn-gia-loan, Nguyễn Công-Khoan giữ Đường-lâm, Đỗ Cảnh-Thạc giữ Đông-giang, Nguyễn Du-Dịch giữ Kiều-bình, Nguyễn Lang-công giữ Siêu-loại, Nguyễn Lịnh-công giữ Tiên-du, Lữ Tá-công giữ Tể-giang, Nguyễn Hy-công giữ Hồi-hồ, Phạm Phòng-át giữ Đằng-châu, Trần Minh-công giữ Bồ-hải-khâu. » Xem vậy thì sử Trung-hoa chép có khác với sử ta. *An-nam chí-lược*, hiệu-bản của Viện Đại-học Huế, phần chữ Hán, tr. 116, không chép 12 Sứ-quân, chỉ chép rằng : Sau khi Ngô Xương-Văn chết, tham-muru của Xương-Văn là Ngô Xứ-Bình 吳處坪, Phong-châu thứ-sử là Kiều Tri-Tá 喬知佐, Ninh-châu thứ-sử là Dương Huy 楊輝, nha-tướng là Đỗ Cảnh-Thạc dùng binh tranh lập.

(5) *Đinh Bộ-Lĩnh* : người ở động Hoa-lư (xem chú số 6 ở trang sau), châu Đại-hoàng 大黃. Cha là Đinh Công-Trứ 丁公著, mẹ là Đàm-thị 譚氏. Công-Trứ nguyên là nha-tướng của Dương Diên-Nghệ, được chủ cho làm thứ-sử Hoan-châu, sau về vớ Ngô-vương và vẫn giữ chức cũ. Lúc Công-Trứ chết, Bộ-Lĩnh còn nhỏ, được Đàm-thị đem về ở sơn-động, ngày ngày chăn trâu giữa đồng. Bộ-Lĩnh được bọn mục-đồng tôn làm huynh-trưởng ; chúng lấy tay làm kiệu để rước Bộ-Lĩnh, lại cầm cờ lau đi hầu hai bên kiệu như nghi-vệ của bậc thiên-tử. Lúc lớn lên, Bộ-Lĩnh phải chứng-kiến cái cảnh 12 Sứ-quân cát-cứu thổ-vũ. Nghe Trần Minh-công là người có đức-độ, Bộ-

Sứ-quân, lên ngôi Hoàng-đế, tức Đinh Tiên-hoàng, đặt quốc-hiệu là Đại Cồ-Việt 大瞿越, đóng đô tại Hoa-lư 花 閣 (6).

Linh và con là Liễn đến ở với Minh-công. Thấy Bộ-Linh diện-mạo khôi-ngô, lại có khí-lượng, Minh-công nhận làm con nuôi và hết lòng thương mến. Sau khi Minh-công mất, Bộ-Linh nắm giữ binh quyền. Dần dần Bộ-Linh hàng được Phạm Phòng-át, phá được Đỗ-động-giang, đến đâu cũng thắng trận, xưng là Vạn-thắng-vương, rồi dẹp yên cả 12 Sứ-quân, lên ngôi Hoàng-đế (*Cương-mục*, chính-biên, I, 1a-2b. Đối-chiếu với *Toàn-thư*, ngoại-kỷ, V, 25b-26a; *Sử-ký*, ngoại-kỷ, VII, 13b-14a; *Việt-sử lược*, bản chữ Hán chép tay của Viện Khảo-cổ, quyển I, tờ 26a-27a; *An-nam chí-lược*, hiệu-bản của Viện Đại-học Huế, phần chữ Hán, tr. 116; *An-nam chí-nguyên*, hiệu-bản của PQVĐHV, quyển 3, tr. 182-183).

(6) *Hoa-lư* : tại sơn-phận của hai xã Uy-viễn 威遠 và Uy-tế 威濟 thuộc huyện Gia-viễn 嘉遠, tỉnh Ninh-bình 寧平. Ngày xưa, đóng Hoa-lư tại huyện Lê-bình 黎平. Lê-bình tức là Gia-viễn ngày nay. Thành Hoa-lư cũng tại huyện Lê-bình. Nhà Đinh đã tận thế núi đê xây thành, chu-vi 500 trượng, dấu cũ hãy còn. Vậy thì động Hoa-lư là nơi Đinh Tiên-hoàng khởi binh, thành Hoa-lư là nơi Tiên-hoàng đóng đô (*Cương-mục*, tiền-biên, V, 24b-25a). Đinh Bộ-Linh đã khởi binh tại Hoa-lư từ năm 951 (tân-hợi, Ngô Xương-Văn năm thứ nhất). *Toàn-thư*, ngoại-kỷ, quyển 5, tờ 23b-24a, chép : « 辛亥元年時華 (花) 閣洞人丁部領以山谿險固不修臣職二王欲興師討之部領懼遣其子連入質以止其兵連至二王責其不庭竟執連往征之踰月不克懸連竿上使人謂部領曰不降則殺連

Năm sau (969), Tiên-hoàng phong cho con trưởng là Đinh Liễn 丁 建 làm Nam-Việt-vương 南越王 (7).

Mùa xuân năm canh-ngọ (970), Tiên-hoàng đặt niên-hiệu là Thái-bình 太平 và sai sứ sang giao-hảo với nhà Tống (8).

部領怒曰大丈夫以功名自許豈效兒女之愛子耶遂令十餘弩注建俱發二王驚曰我之慙其子欲使顧惜而速降彼殘忍如此焉用慙為即不殺建而班師焉 = Tân-hợi nguyên niên, thời Hoa-lư động nhân Đinh Bộ-Linh, dĩ sơn khê hiểm cố, bắt tu thần chức. Nhị vương dục hưng sư thảo chi. Bộ-Linh cụ, khiến kỳ tử Liễn nhập chi, dĩ chỉ kỳ binh. Liễn chí, nhị vương trách kỳ bất đình, cánh chấp Liễn vãng chinh chi, du nguyệt bất khắc, nãi huyền Liễn can thượng, sử nhân vị Bộ-Linh viết : « Bất hàng tắc sát Liễn. » Bộ-Linh nộ viết : « Đại trượng-phu dĩ công danh tự hứa, khởi hiệu nhi nữ chi ái tử da ? » Cự lĩnh thập dư nỏ chú Liễn câu phát. Nhị vương kinh viết : « Ngã chi huyền kỳ tử dục sử cố tích nhi tốc hàng. Bĩ tàn nhẫn như thử, yên dụng huyền vi ? » Tức bắt sát Liễn nhi ban sư yên = Năm tân-hợi thứ nhất, người ở động Hoa-lư là Đinh Bộ-Linh cậy có núi khe hiểm-trở và kiên-cố nên không làm tròn phận-sự kẻ bề-tôi. Hai vua (Thiên-sách-vương và Nam-tấn-vương) muốn cất quân đến đánh. Bộ-Linh sợ, sai con là Liễn vào làm con tin để hoãn binh. khi Liễn đến, hai vua trách cha con Bộ-Linh không chịu tới chầu, rồi bắt Liễn theo đi đánh Bộ-Linh ; nhưng đánh hơn một tháng mà không thắng, mới treo Liễn trên cây sào và sai người nói với Bộ-Linh rằng : « Nếu không đầu hàng thì Liễn sẽ bị giết. » Bộ-Linh giận, trả lời : « Bậc đại trượng-phu quyết chí lập công danh, há bắt chước hạng đàn-

Năm Thái-bình thứ 3 (972, hiệu Khai-bảo 開寶 thứ 5 đời Tống Thái-tổ 宋太祖), Tiên-hoàng sai Nam-Việt-vương Đinh Liễn đem phương-vật sang cống-hiến vua Tống. Năm sau (973) Đinh Liễn về; vua-Tống sai sứ sang phong cho Đinh Tiên-hoàng làm Giao-chỉ quận-vương 交趾郡王, lại phong

bà chỉ biết thương con hay sao? » Nói rồi truyền hơn mười tay nô nhả vào Liễn mà bắn. Hai vua kinh-hãi, nói: « Ta treo con của y là vì muốn cho y đoái tiếc con mà xin hàng ngay; không ngờ y tàn-nhẫn như thế, thì dùng chước treo con y làm gì? » Hai vua liền kéo quân về và không giết Liễn. » *Sử-ký*, ngoại-ký, VII, 11a, cũng chép như thế. *Cương-mục*, tiền-biên, V, 24b, cho biết thêm rằng: sau đó, Đinh Liễn được trở về Hoa-lư (後建復歸花闌).

(7) *Toàn-thư* (bản-ký, I, 3a) và *Sử-ký* (bản-ký, I, 3a) chép: « 己巳二年閏五月封長子建為南越王 = Kỳ-ty nhị niên, nhậ ngũ nguyệt, phong trưởng tử Liễn vi Nam-Việt-vương = Năm kỷ-ty thứ 2, tháng 5 nhuận, phong cho con trưởng là Liễn làm Nam-Việt-vương. » *Cương-mục*, chính-biên, I, 3b, chép: « 己巳二年夏五月立子建為南越王 = Kỳ-ty nhị niên, hạ ngũ nguyệt, lập tử Liễn vi Nam-Việt-vương = Năm kỷ-ty thứ 2, mùa hạ, tháng 5, lập con là Liễn làm Nam-Việt-vương. »

(8) *Cương-mục*, chính-biên, I, 3b, chép rằng: « Lúc đó, chúa Nam-hán là Sưởng chống lại mệnh-lệnh của Tống-triều, cho nhân nhà Tống mới sai đại-tướng Phan Mỹ 潘美 sang đánh Nam-hán. Đinh Tiên-hoàng nghe tin ấy, lấy làm lo sợ, vội sai sứ sang thông-hiểu với nhà Tống. » *Toàn-thư* (bản-ký, I, 3a) và

cho Đinh Liễn chức kiểm-hiệu thái-sư, Tĩnh-hải-quân tiết-độ-sư, An-nam đô-hộ 檢校太師靜海軍節度使安南都護 (9).

Sử-ký (bản-ký, I, 3a) cũng chép như thế. *Việt-sử lược* (bản chữ Hán chép tay của Viện Khảo-cổ, quyển I, tờ 27b) không chép việc Đinh Tiên-hoàng sai sứ sang nhà Tống vào năm Thái-bình thứ nhất, lại chép năm đó nhà Tống phong cho Tiên-hoàng làm An-nam quận-vương.

(9) *Cương-mục*, chính-biên, quyển 1, tờ 4 b-5a ; *Toàn-thư*, bản-ký, quyển 1, tờ 4a ; *Sử-ký*, bản-ký, quyển 1, tờ 4b-5a ; *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biêu*, quyển hạ, tr. 2. — *Việt-sử lược*, bản chữ Hán chép tay của Viện Khảo-cổ, quyển 1, tờ 27b-28a, chép rằng năm Thái-bình thứ 2 (971), nhà Tống nghe Đinh Tiên-hoàng xưng tôn-hiệu (sự thực tôn-hiệu của Tiên-hoàng là Đại-thắng Minh-hoàng-đế 大勝明皇帝 do quần-thần dâng lên vào năm 968) bèn gửi thư cho Tiên-hoàng với lời lẽ hăm dọa. Còn việc Đinh Liễn đem phương-vật sang hiến nhà Tống vào năm Thái-bình thứ 3 (972), *Việt-sử lược* cũng không chép, lại chép năm đó Đinh Tiên-hoàng phong cho con là Tuyên 璘 (cũng đọc *Duệ*) làm Vệ-vương 衛王, lập con út là Hạng-Lang 項郎 làm thái-tử và sai Nguyễn Tử-Du 阮子猷 đi sứ sang nhà Tống. *An-nam chí-lược* (hiệu-bản của Viện Đại-học Huế, phần chữ Hán, tr. 116) và *An-nam chí-nguyên* (hiệu-bản của PQVĐHV, quyển 3, tr. 183) đều chép khác các bộ sử kể trên : « 吳昌文卒其下作亂部領與其子建平之自領交州事號萬勝王私署建為節度使十年部領卒建立七年宋開寶四年辛未命大將潘美平嶺南建懼上表遣使入貢求內附太祖詔建為節度使安南都護 = Ngô Xương-Văn tốt, kỳ hạ tác

Mùa thu năm Thái-bình thứ 6 (975), sứ nhà Tống lại sang. Lúc bấy giờ, Đinh Tiên-hoàng sai Trịnh Tú 鄭琇 đem phương-vật sang tặng vua Tống ; vua Tống sai Hồng-lô-tự-khanh Cao Bảo-Tự 高保緒 và Vương Ngạn-Phù 王彥符 đem chế-sách sang phong cho Nam-Việt-vương Đinh Liễn chức khai-phủ nghi-đồng tam-ty (10), kiêm-hiệu thái-sư,

loạn, Bộ-Linh dữ kỳ tử Liễn bình chi, tự lĩnh Giao-châu sự, hiệu Vạn-thắng-vương, tự thụ Liễn vi tiết-độ-sứ. Thập niên Bộ-Linh tốt. Liễn lập thất niên, Tống Khai-bảo tứ niên, tân-vị, mệnh đại-tướng Phan Mỹ bình Lĩnh-nam. Liễn cụ, thượng biểu khiến sứ nhập cống, cầu nội phụ. Thái-tổ chiếu Liễn vi tiết-độ-sứ, An-nam đô-hộ = Sau khi Ngô Xương-Vân mất, bọn dưới làm loạn, Bộ-Linh và con là Liễn dẹp yên, tự lĩnh việc Giao-châu, riêng cho con là Liễn làm tiết-độ-sứ. Được 10 năm, Bộ-Linh mất. Liễn nối ngôi được 7 năm, ngang với năm thứ 4 hiệu Khai-bảo của nhà Tống, Tống-triều sai đại-tướng Phan Mỹ đánh dẹp Lĩnh-nam. Đinh Liễn sợ, dâng biểu và sai sứ sang cống, xin nội-phụ. Tống Thái-tổ hạ chiếu cho Đinh Liễn làm tiết-độ-sứ, An-nam đô-hộ., *Tống-sử* 宋史, quyển 3, tờ 2a, lại chép rằng : năm thứ 6 hiệu Khai-bảo (973), Đinh Liễn ở Giao-châu sai sứ sang cống sản-vật địa-phương.

(10) *Khai-phủ nghi-đồng tam-ty* 開府儀同三司 : cũng gọi *nghi-đồng tam-ty*, nghĩa là đồng nghi-chế của hàng tam công (thái-sư, thái-phó, thái-bảo). Đời Hán Thương-đế 漢瑒帝 (106), Đặng Chất 鄧騭 là người đầu tiên được làm chức xa-kỵ tướng-quân nghi-đồng tam-ty 車騎將軍儀同三司. Từ đời Tấn, Ngụy trở về sau, hễ vị tướng-quân mở phủ thì gọi là khai-phủ nghi-đồng tam-ty. (Xem *nghi-đồng tam-ty* trong *Từ-hải* 辭海).

Giao-chỉ quận-vương. Từ đó về sau, nhà Đinh sai sứ sang Tống, lấy tên Đinh Liễn làm chủ (11).

(11) *Cương - mục* (chính - biên, quyền 1, tờ 6a), *Toàn - thư* (bản - kỷ, quyền 1, tờ 4b), *Sử - ký* (bản - kỷ, quyền 1, tờ 5b) đều chép như vậy. *An-nam chí-lược*, hiệu-bản của Viện Đại-học Huế, phần chữ Hán, tr. 116, chép : « 八年五月貢金帛犀角象牙香茶八月七日制封建父部領為交趾郡王 = Bát niên ngũ nguyệt, cống kim, bạch, tê-giác, tượng-nha, hương trà. Bát nguyệt, thất nhật, chế phong Liễn phụ Bộ-Linh vi Giao-chỉ quận-vương = Năm thứ 8 [niên-hiệu Khai-bảo nhà Tống, 975,], tháng 5, [Đinh Liễn] cống vàng, lụa, sừng tê, ngà voi và trà (chè). Tháng 8, ngày mồng 7, vua Tống phong cho Đinh Bộ - Linh làm Giao - chỉ quận - vương. » *An - nam chí - nguyên*, hiệu - bản của P Q V Đ H V, quyền 3, tr. 183, chép : « 開寶八年五月貢金帛犀角象牙香藥八月制封建為交趾郡王二 Khai-bảo bát niên ngũ nguyệt, cống kim, bạch, tê-giác, tượng-nha, hương-dược ; bát nguyệt, chế phong Liễn vi Giao-chỉ quận-vương = Năm Khai-bảo thứ 8, tháng 5, [Đinh Liễn] cống vàng, lụa, sừng tê, ngà voi và hương-dược ; tháng 8, [vua Tống] sách phong cho Đinh Liễn làm Giao-chỉ quận-vương. » *Tống-sử*, quyền 3, tờ 4b, chép : « 開寶八年五月甲午安南都護丁連遣使來貢 = Khai-bảo bát niên, ngũ nguyệt, giáp-ngọ, An-nam đô-hộ Đinh Liễn khiển sứ lai cống = Năm Khai-bảo thứ 8, tháng 5, ngày giáp-ngọ, An-nam đô-hộ là Đinh Liễn sai sứ sang cống » *Cương-mục*, chính-biên, quyền 1, tờ 6ab, có lời

Xem như thế thì mặc dầu Đinh Tiên-hoàng và Đinh Liễn thụ phong với nhà Tống, và nhà Tống gọi nước ta là Giao-chỉ, An-nam, Tĩnh-hải (đồng thời phong cho Đinh Tiên-hoàng làm Giao-chỉ quận-vương, Đinh Liễn làm An-nam đô-hộ và Tĩnh-hải-quân tiết-độ-sứ), nhưng ở trong nước thì Tiên-hoàng xưng đế, quốc-hiệu là Đại Cồ-Việt.

cần-án như sau : « Theo sách *Cương-mục tục-biên* 綱目續編, Đinh Bộ-Linh thụ cho con là Liễn làm tiết-độ-sứ, rồi nhường ngôi cho Liễn ; lúc nhà Nam- Hán mất nước, Liễn vào cống nhà Tống. Theo *Đông-đô sự lược* 東都事畧, Liễn nối ngôi cha ; lúc nhà Tống đánh dẹp Linh-nam, Liễn sai sứ sang xin nội phụ. Ý giả thời ấy Đinh Tiên-hoàng tự làm chủ nước mình, nhưng việc bang-giao trọng-đại đều ủy cho Đinh Liễn. Nhà Tống phong vương cho Đinh Liễn, ấy là khiến Liễn nối ngôi cha, cho nên Tiên-hoàng xưng đế ở trong nước, cũng không lấy thế làm hiềm chướng ? »

(12) *Cương-mục*, chính-biên, quyển I, tờ 8ab, chép : « 初 釋 為 桐 閣 吏 夜 卧 橋 上 忽 見 流 星 入 口 自 負 神 異 遂 圖 非 望 至 是 乘 帝 夜 宴 醉 卧 宮 庭 中 遂 戕 之 害 及 南 越 王 建 辰 (時) 捕 賊 甚 急 釋 潛 伏 宮 雷 踏 三 日 渴 甚 遇 雨 引 手 承 水 飲 宮 女 見 之 奔 告 勸 勸 收 斬 之 遂 與 丁 佃 黎 桓 等 奉 衛 王 璿 即 位 追 尊 帝 曰 先 皇 帝 帝 在 位 十 二 年 壽 五 十 六 = Sơ Thích vi Đồng-quan lại, dạ ngoại kiều thượng, hốt kiến lưu tinh nhập khẩu, tự phụ thần dị, toại đồ phi vọng. Chí thị thừa đế dạ yến, túy ngoại cung đình trung, toại thí chi, hại cập Nam-Việt-vương Liễn. Thời bộ tặc thậm cấp, Thích tiềm phục cung lự du tam nhật, khát thậm, ngộ vũ, dẫn thủ

Mùa đông năm Thái-bình thứ 10 (Tổng Thái-tông 宋太宗, hiệu Thái-bình-hung-quốc 太平興國 thứ 4, kỷ-mão, 979), Đinh Tiên-hoàng và Đinh Liễn bị Đỗ Thích 杜愷 giết chết. Đinh-thần tìm bắt được Đỗ Thích đem chém, rồi tôn Vệ-vương Đinh Tuyền (Duệ) 衛王丁璿 lên ngôi (12).

thừa thủy âm ; cung nữ kiến chi, bôn cáo Bạc, Bạc thu nhì trăm chi, toại dữ Đinh Điền, Lê Hoàn đảng, phụng Vệ-vương Tuyền (Duệ) tức vị, truy tôn đế viết Tiên-hoàng-đế. Đế tại vị thập nhị niên, thọ ngũ thập lục = Lúc trước, Đỗ Thích làm chức lại ở Đồng - quan, đêm nằm trên cầu bồng thấy ngôi sao rơi vào miệng, tự cho là thần-dị, bèn định bụng làm việc quá sự ước mong của mình. Đến đấy, nhân một đêm vua [Đinh Tiên-hoàng] ăn uống no say nằm trong cung, Thích bèn lên vào giết chết, hại luôn cả Nam-Việt-vương Đinh Liễn. Lúc đó, lệnh bắt giặc rất gấp, Thích trốn trên máng xối trong cung quá ba ngày, khát lắm, gặp mưa, đưa tay ra hứng nước mà uống ; cung-nữ thấy được, vội chạy đến báo cho Nguyễn Bạc hay, Nguyễn Bạc bắt Đỗ Thích chém đầu, rồi cùng Đinh Điền, Lê Hoàn, v.v..., rước Vệ-vương Tuyền (Duệ) lên ngôi, truy tôn vua [Đinh Tiên-hoàng] là Tiên-hoàng-đế. Tiên-hoàng ở ngôi 12 năm, thọ 56 tuổi.» *Toàn-thư* (bản-ký, 1, tờ 5b-6ab) và *Sử-ký* (bản-ký, 1, tờ 8a-9b) cũng chép như vậy nhưng có thêm câu này : Nguyễn Bạc sai người bắt lấy Đỗ Thích chém đầu, đánh nát xương, xẻo từng miếng thịt, chia cho người trong nước ăn, chẳng ai là không giành nhau ăn thịt ấy (副使人收斬之碎其骨鬻其肉分與國人食之莫不爭啖焉). *An-nam chí-lược* (hiệu-bản của Viện Đại-học Huế, phần chữ

Đinh Tuyền lên làm vua năm mới 6 tuổi, cho nên thập đạo tướng-quân Lê Hoàn 黎桓 tự xưng phó-vương và nắm cả quyền-bính trong tay (13).

Hán, tr. 116) và *An-nam chí-nguyên* (hiệu-bản của PQVĐHV, quyển 3, tr. 183) chỉ chép rằng « Đinh Bộ-Linh mất, Đinh Liễn lên thay, rồi Đinh Liễn chết, Đinh Tuyền (Duệ) kế vị » chứ không chép việc thí-nghịch của Đỗ-Thích.

(13) Đinh Tuyền khi lên ngôi tuổi còn thơ ấu, cho nên bọn Nguyễn Bặc lấy tư-cách là đại-thần làm phụ-chính. Lê Hoàn chuyên giữ binh-quyền, thường ra vào cung cấm, Dương Thái-hậu (vợ Đinh Tiên-hoàng) thấy mà phải lòng, mới cùng Lê Hoàn tư-thông. Lê Hoàn được Thái-hậu sủng-ái, lại càng lộng quyền. Bọn Nguyễn Bặc hiểu được thâm-ý của Lê Hoàn nên mưu khởi binh từ Ái-châu kéo về kinh-sư. Lê Hoàn vâng lệnh Thái-hậu đem quân đi đánh, giết được Đinh Điền tại trận, bắt được Nguyễn Bặc đem về kinh-sư giết đi (*Việt-sử lược*, bản chữ Hán chép tay của Viện Khảo-cổ, quyển 1, tờ 29b-30a ; *Cương-mục*, chính-biên, quyển 1, tờ 9b-10b ; *Toàn-thư*, bản-ký, quyển 1, tờ 7ab). *Sử-ký*, bản-ký, quyển 1, tờ 10b-11a, cũng chép như thế, nhưng có chưa thêm rằng : « Theo dật-sử, lúc Lê Hoàn bắt đầu nhiếp-chính, bọn Nguyễn Bặc biết Hoàn sẽ soán ngôi, nên đốc-suất con em đón Hoàn giữa đường, lấy đại-nghĩa mà trách Hoàn. Hoàn nói : « Các ông lầm rồi. Tôi há làm phản sao ? » Rồi mọi người giải-tán ra về, nhưng ai nấy đều có chí thừa cơ đề trừ-khử nhau. Đến khi Lê Hoàn dựa vào quân-sĩ đề lên ngôi vua, bọn Nguyễn Bặc không chịu khuất-phục bỏ trốn đi, Hoàn cũng không hỏi tới.» Đoạn này khác hẳn với chính-sử.

Năm canh-thìn (980), nhân khi có quân nhà Tống sang xâm-lãng nước ta, quân-sĩ ủng-hộ Lê Hoàn lên ngôi hoàng-đế để tìm phương-kế chống nhau với địch (14). Đinh Tuyền lại bị phế làm Vệ-vương. Thế là nhà Đinh mất.

(14) Trước đó, viên tri-châu Ung-châu 邕州 của nhà Tống, là Hầu Nhân-Bảo 侯仁寶 dâng thư về triều tâu rằng : « Giao-châu có loạn, có thể đem quân sang chiếm lấy.» Vua Tống mừng lắm, định triệu Nhân-Bảo về để bàn chuyện ấy, nhưng Lư Đa-Tốn 盧多遜 nói : « Ta nên xuất kỳ bất ý đánh úp Giao-châu, như sét đánh không kịp bưng tai. Nếu triệu Nhân-Bảo về thì sợ lộ cơ-mưu, chúng nó có thể biết trước để phòng bị, chưa dễ gì lấy được. Chi bằng ra lệnh ngầm cho Nhân-Bảo lo toan việc ấy, kéo binh đánh rốc tới, chắc được vẹn toàn.» Vua Tống cho là phải, bèn dùng Nhân-Bảo làm Giao-châu thủy-lục chuyên-vận-sứ, dùng bọn Tôn Toàn-Hưng 孫全興, Trần Khâm-Tộ 陳欽祚, Lưu Trùng 劉澄, Giả Thực 賈湜, v.v., làm binh-mã đô-bộ-thự, định ngày kéo sang xâm-lãng nước ta. Được tin từ Lạng-sơn báo về, Dương Thái-hậu sai Lê Hoàn chọn dũng-sĩ đem ra cự địch, dùng Phạm Cự-Lượng 范巨倆 làm đại-tướng-quân, trù hoạch việc xuất quân. Cự-Lượng cùng các tướng mặc võ-phục, kéo vào điện-đình nói với quân-sĩ rằng : « Nay chúa-thượng còn nhỏ, lấy ai thưởng phạt cho chúng ta. Nếu chúng ta có hết sức lập được chút công nào, thì ai biết cho ? Chi bằng trước hãy tôn thập-đạo tướng-quân làm thiên-tử, rồi sẽ đi đánh giặc.» Quân-sĩ nghe vậy đều hô vạn tuế. Thái-hậu thấy mọi người đều thuận cả, mới sai lấy long-côn khoác

Sau khi tức-vị, Lê Hoàn tức Lê Đại-hành 黎大行 (15) sai sứ mang thư sang Tống, mượn danh Đinh Tuyền cầu phong đề hoãn binh, nhưng nhà Tống không chấp-thuận (16).

vào cho Lê Hoàn. Lê Hoàn lên ngôi, cải nguyên Thiên-phúc 天福 và giáng Đinh Tuyền xuống làm Vệ-vương (*Cương-mục*, chính-biên, I, 12b-13b ; *Toàn-thư*, bản-ký, I, 9a-10a ; *Sử-ký*, bản-ký, I, 13a-14a). *Việt-sử lược*, bản chép tay của Viện Khảo-cổ, quyển I, tờ 30ab, cũng chép đại-khái như thế. *An-nam chí-lược*, hiệu-bản của Viện Đại-học Huế, phần chữ Hán, tr. 116, chép việc Lê Hoàn đoạt ngôi của Đinh Tuyền như sau : « 躡尚幼嗣稱節度行軍司馬權領軍府事太平興國五年度辰四月命盧襲使交趾大校黎桓擅權劫遷躡於別第眾族禁固之代領其眾 = Tuyền thượng ấu, tự xưng tiết-độ hành-quân tư-mã, quyền lĩnh quân phủ sự. Thái-bình-hưng-quốc ngũ niên, canh-thìn, tứ nguyệt, mệnh Lư Tập sứ Giao-chi. Đại-hiệu Lê Hoàn thiên quyền, kiếp thiên Tuyền ư biệt đê, cử tộc cấm cố chi, đại lĩnh kỳ chúng = Tuyền còn nhỏ tuổi, xưng tiết-độ hành-quân tư-mã, quyền lĩnh việc quân phủ. Tháng 4 năm canh-thìn, Thái-bình-hưng-quốc thứ 5 (980), [vua Tống] sai Lư Tập đi sứ Giao-chi. Đại-hiệu Lê Hoàn chuyên quyền, hiếp dời Tuyền ở một nhà riêng, bắt giam cả họ, rồi thay thế [Tuyền] mà quản-linh quân-sĩ. » *An-nam chí-nguyên*, hiệu-bản của PQVĐHV, quyển 3, tr. 183, cũng chép như vậy.

(15) *Lê Hoàn tức Lê Đại-hành* : người làng Bảo-thái 保泰, huyện Thanh-liêm 靑廉 (Hà-nam) ; cha là Lê Mịch 黎覓, mẹ

Tháng 3 năm Thiên-phúc thứ 2 (981, Tống Thái-tông, hiệu Thái-bình-hưng-quốc thứ 6), quân Tống kéo vào nước ta, Lê Đại - hành tự làm tướng đem quân ra cự địch, cả phá

là Đặng-thị 鄧氏. Lúc nhỏ, Hoàn là một đứa bé khôi-ngô tuấn-tú khác thường. Sau khi cha mẹ chết, Hoàn làm con nuôi nhà họ Lê ở Ái-châu (Thanh-hóa). Lúc lớn lên, Hoàn đến giúp Nam-Việt-vương Đinh Liễn, được Đinh Tiên-hoàng khen là có trí dũng, cho chỉ-huy 2.000 binh-sĩ; dần dần Hoàn thăng đến chức thập-đạo tướng-quân, điện-tiền chỉ-huy-sứ, và thừa cơ-hội thuận-tiện soán ngôi nhà Đinh (*Cương-mục*, chính-biên, I, 14b-15a; *Toàn-thư*, bản-ký, I, 13ab; *Sử-ký*, bản-ký, I, 19ab; *Việt-sử lược*, bản chữ Hán chép tay của Viện Khảo-cổ, quyển I, tờ 29ab). *An-nam chí-lược* (hiệu-bản của Viện Đại-học Huế, phần chữ Hán, tr. 117) và *An-nam chí-nguyên* (hiệu-bản của P Q V Đ H V, quyển 3, tr. 184) đều chép rằng: Lê Hoàn là người châu Ái, có chí lược, được lòng quân-sĩ, được Đinh Liễn giao cho binh-quyền, nhân đó soán ngôi họ Đinh, tự xưng Giao-châu tam-sứ lưu-hậu (黎桓愛州人有志畧得士心丁建委以兵權因篡丁氏自稱交州三使留後).— *Đại-hành*: Thiên-tử mới băng, chưa có thụy-hiệu, gọi là *Đại-hành*. Sách *Chính tự thông* 正字通 dẫn lời Vi Chiêu 韋昭 rằng: «*Đại-hành* có nghĩa là đi không trở lại.» Có thuyết lại căn-cứ vào *Chu thư* 周書 bảo rằng: *Đại-hành* phải đọc là *Đại-hạnh*, có nghĩa là đại đức-hạnh. (Xem *Từ-nguyên* và *Từ-hải*). *Đại Việt sử-ký*, bản-ký, quyển I, tờ 18b, có chua như sau: «*Đại-hành* là tiếng gọi vua mới mất. Lê *Đại-hành* thụy-hiệu

được binh Tống, chém được Hầu Nhân-Bảo, đánh lui được các toán quân của Trần Khâm-Tộ và Lưu Trường, làm cho vua Tống phải ra lệnh ban-sur (17).

chưa định, đáng gọi là Thiên-phúc hoàng-đế mới hợp-lý. Nhưng sử cũ quen chép như thế đã lâu, nay cũng chép theo đó.»

(16) Lúc bấy giờ vua Tống đã hạ chiếu xuất binh, sai Lưu Đa-Tôn đem thư sang cáo-dụ. Lê Hoàn xem thư rồi sai nha-hiệu Giang Cự-Vọng 江巨望 và Vương Thiệu-Tộ 王紹祚 mang thư sang Tống, lầy lời Đinh Tuyền cầu phong đề hoãn binh, nhưng vua Tống đã ra lệnh hưng binh nên không chấp-thuận lời thỉnh-cầu ấy. Tống-đế sai Trương Tông-Quyền 張宗權 đem thư sang dụ, đại-ý nói rằng : « Họ Đinh đã truyền nối được 3 đời, nên Trẫm muốn cho Đinh Tuyền làm thống-sứ, còn khanh (chỉ Lê Hoàn) làm phó. Nếu Tuyền không có tướng-tài và có lòng dạ trẻ con, thì nên bảo cả hai mẹ con cùng thân-thuộc sang châu, sẽ được ưu-đãi, và Trẫm sẽ trao tiết-việt cho khanh. Hai đường ấy, khanh hãy chọn lấy một. » Lê Hoàn không trả lời. (*Cương-mục*, chính-biên, 1, 16ab. Đối-chiếu với *An-nam chí-lược*, hiệu-bản của Viện Đại-học Huế, phần chữ Hán, tr. 117, và *An-nam chí - nguyên*, hiệu - bản của P Q V Đ H V, quyển 3, tr. 184). Việc này *Cương-mục* (đã dẫn trên) chép về tháng 10 năm canh-thìn (980), nhưng *Tống-sử* (quyển 4, tờ 7a) chép vào tháng 9 năm ấy : « 九月癸卯黎桓遣使為丁璿上表求襲位 = Cửu nguyệt, quý-mão, Lê Hoàn khiến sứ vị Đinh Tuyền thượng biểu cầu tập vị = Tháng 9, ngày quý-mão, Lê Hoàn sai sứ dâng biểu xin cho Đinh Tuyền nối ngôi cha. »

(17) Lúc bấy giờ quân Tống chia làm 3 đạo kéo sang xâm-lược nước ta : Hầu Nhân-Bảo và Tôn Toàn-Hung đến Lạng-son ; Trần

Sau khi đuổi được quân địch ra khỏi bờ cõi, Lê Đại-hành lại sai sứ sang Tống đề thông-hiệu. Đó là chính-sách khôn-khéo của một nước nhỏ đối với một nước lớn.

Khâm-Tộ đến Tây-kết (*Cuong-mục*, chính-biên, 1, 18a, ghi : không biết ở đâu) ; Lưu Trưng đến sông Bạch-đăng. Lê Đại-hành tự làm tướng đem quân ra chống-cự với địch, sai sĩ-tốt chôn cọc ở sông Bạch-đăng. Quân Tống rất đông, quân ta đánh bắt lợi, 200 chiến-thuyền của ta bị địch lấy. Hầu Nhân-Bảo chỉ-huy quân tiền-phong tiến lên. Khi địch đến sông Chi-lăng (thuộc xã Chi-lăng ở địa-đầu Lạng-son), Lê Đại-hành sai người trá hàng, dụ Nhân-Bảo đến và bắt đem chém. Bọn Lưu Trưng rút quân lui. Trần Khâm-Tộ nghe tin ấy cũng thu binh về. Lê Đại-hành lại đốc-suất chư tướng đuổi đánh. Quân của Khâm-Tộ thua to, chết hơn một nửa ; quân ta bắt các tướng của địch là Quách Quân-Biện 郭君辨 và Triệu Phụng-Huân 趙奉勳 đem về Hoa-lư. Viên chuyên-vận-sứ của nhà Tống là Hứa Trọng-Tuyên 許仲宣 đem việc bại trận tâu về triều-đình ; vua Tống liền hạ chiếu kéo quân về. Sau cuộc chiến-thắng ấy, trong nước ta được yên-ôn. Quần-thần dâng tôn-hiệu cho Lê Đại-hành là :
MINH KIỀM ỨNG VẬN THẦN VŨ THẮNG BÌNH CHÍ NHÂN
QUẢNG HIẾU HOÀNG ĐẾ 明乾應運神武昇平至仁廣孝皇帝 (*Cuong-mục*, chính-biên, 1, 16b-18a ; *Toàn-thư*, bản-kỷ, 1, 14a ; *Sử-ký*, bản-kỷ, 1, 19b-20a). *Việt-sử lược*, bản chép tay của Viện Khảo-cổ, quyển 1, tờ 30b, chép có khác vài chi-tiết : “ Tháng 3 năm tân-ty, Thiên-phúc nguyên niên (sic), Hầu Nhân-Bảo đến Lãng-bạc-son 浪泊山, Trần Khâm-Tộ đến Tây-kết, Lưu Trưng đến sông Bạch-đăng. Lê-vương (tức Lê Đại-hành) tự làm tướng dẫn binh ra đánh, cắm cọc ngăn sông. Quân Tống lui về giữ Ninh-giang 寧江. Lê-vương sai quân giả hàng đề dụ Nhân-Bảo ; quân Tống thua, quân ta bắt Nhân-Bảo

Nước ta lúc bấy giờ vẫn gọi là Đại Cồ-Việt (theo quốc-hiệu của nhà Đinh) và Lê Đại-hành tuy xưng đế nhưng đồng-thời cũng thụ-phong với nhà Tống.

chém đầu. Bọn Khâm-Tộ nghe tin ấy, dẫn binh về. » *An-nam chí-lược*, hiệu-bản của Viện Đại-học Huế, phần chữ Hán, tr. 117, lại chép : « 太平興國五年庚辰 [...] 冬十一月官兵敗交趾於白藤江明年宋兵不利班師 = Thái-bình-hưng-quốc ngũ niên, canh-thìn [...] đông thập nhất nguyệt, quan binh bại Giao-chỉ ư Bạch-đăng giang. Minh niên, Tống binh bất lợi, ban sư = Năm canh-thìn, hiệu Thái-bình-hưng-quốc thứ 5 [...] mùa đông, tháng 11, quan quân (chỉ quân Tống) đánh bại quân Giao-chỉ trên sông Bạch-đăng. Năm sau, quân Tống không thắng-lợi nên kéo về.» *An-nam chí-nguyên*, hiệu-bản của P Q V Đ H V, quyển 3, tr. 183, cũng chép như thế. *Tống - sử*, quyển 4, tờ 7b-8a, chép việc này như sau : « 太平興國六年 [...] 三月壬戌交州行營破賊于白藤江口獲戰艦二百艘知邕州侯仁貴死之會炎瘴軍士多死者轉運使許仲宣驛聞詔班師詔斬劉澄賈湜于軍中徵孫全興下獄 [...] 十一月丁巳交州行部署孫全興棄市 = Thái-bình-hưng-quốc lục niên [...] tam nguyệt, nhâm-tuất, Giao-châu hành-doanh phá tặc vu Bạch-đăng giang khẩu, hoạch chiến hạm nhị bách sưu (tao), tri Ung-châu Hầu Nhân-Quý tử chi. Hội viêm chướng, quân sĩ đa tử giả, chuyển-vận-sứ Hứa Trọng-Tuyên dịch văn, chiếu ban sư ; chiếu trảm Lưu Trừng, Giả Thực vu quân trung, trưng Tôn Toàn-Hưng hạ ngục [...] Thập nhất nguyệt, đinh-tý, Giao-châu hành-bộ-thự Tôn Toàn-Hưng khí thị = Năm Thái-bình-hưng-quốc

Tháng 10 năm Thiên-phúc thứ 7 (986, bình-tuất, Tống Thái-tông, Ung-hy 雍熙 thứ 3), vua Tống sai sứ đem chể-sách sang phong cho Lê Đại-hành làm *kim-tử quang-lộc đại-phu*,

thứ 6 [...] tháng 3, ngày nhâm-tuất, hành-doanh Giao-châu phá giặc (chỉ quân Lê Hoàn) ở cửa sông Bạch-đăng, bắt được 200 chiến-hạm; viên tri-châu Ung-châu là Hầu Nhân-Quý tử trận. Gặp mùa viêm-nhiệt, quân-sĩ có nhiều người mắc bệnh mà chết; viên chuyên-vận-sứ Hứa Trọng-Tuyên đem việc ấy tâu về triều, vua Tống hạ chiếu kéo quân về, lại ra lệnh chém Lưu Trừng và Giả Thực ở trong quân, bắt giam Tôn Toàn-Hưng vào ngục-thất [...] Tháng 11, ngày đinh-tỵ, chức Giao-châu hành-bộ-thự là Tôn Toàn-Hưng bị xử tử giữa chợ.» *Sử-ký*, bản-ký, 1, 20a, đã phê-bình sự chủ-quan của sử ta và sử Trung-hoa chép cuộc chiến-tranh giữa Lê Hoàn và nhà Tống, bằng lời chú như thế này : «Xét *Dã-sử* thì năm Thiên-phúc thứ nhất, quân Tống sang xâm-lược, quân ta bị thua. Mùa xuân năm Thiên-phúc thứ 2, quân ta lại thua ở sông Bạch-đăng, chết hơn một ngàn người, mất chiến-thuyền 200 chiếc, còn giáp-trụ thì mất đến số vạn. Hầu Nhân-Bảo chỉ-huy tiền-quân tiến lên, nhưng Tôn Toàn-Hưng đóng quân không tiến 70 ngày. Lưu Trừng và Nhân-Bảo nhiều lần thúc-giục Toàn-Hưng tiến quân. Lúc quân địch đến Đa-la-trì 多羅峙, vua Lê Đại-hành giả hàng để dụ Nhân-Bảo và bắt giết đi. Trong chiến-dịch này, quân ta và quân Tống đều có lúc được, lúc thua; nhưng sử Trung-hoa khoe là đại-thắng, sử ta giấu việc tiểu-bại, đều không phải là thực-lục. Nay chép lại để giữ đúng sự thật của đôi bên.»

kiềm-hiệu thái-úy, An-nam đô-hộ, Tinh-hải-quân tiết-độ-sứ, Kinh-triệu-quận Khai-quốc-hầu 金紫光祿大夫檢校太尉安南都護靜海軍節度使京兆郡開國侯 (18).

(18) Sứ bộ gồm có tả-bồ-khuyết Lý Nhược-Chuyết 李若拙 và Quốc-tử-giám bác-sĩ Lý Giác 李覺. Lê Đại-hành nhận lấy chế-sách hết sức cung-kính, tiếp-đãi sứ-giả rất trọng-hậu, lại trao trả cho Tổng sứ những tượng của nhà Tống mà quân ta đã bắt được ngày trước là bọn Quách Quân-Biến, Triệu Phụng-Huân. (*Toàn-thư*, bản-kỷ, 1, 17 ab; *Sử-ký*, bản-kỷ, 1, 23a; *Cương-mục*, chính-biên, 1, 21ab. Đối-chiếu với *Việt-sử lược*, bản chữ Hán chép tay của Viện Khảo-cổ, quyền 1, tờ 31b; *An-nam chí-lược*, hiệu-bản của Viện Đại-học Huế, phần chữ Hán, tr. 117; *An-nam chí-nguyên*, hiệu-bản của PQVĐHV, quyền 3, tr. 184; *Tống-sử*, quyền 5, tờ 3a).

(19) Năm mậu-tý (988), Tống Thái-tông cải nguyên là Đoan-cung 端拱, sai Hộ-bộ viên-ngoại-lang Ngụy Tường 魏庠 và trực-sứ-quán Lý Độ 李度 đem chế-sách sang tiến-phong Lê Đại-hành làm Khai-quốc-công; Lê Đại-hành sai sứ đem phương-vật sang Tống đáp tạ (*Cương-mục*, chính-biên, 1, 23ab; *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biêu*, quyền hạ, tr. 6; *An-nam chí-lược*, hiệu-bản của Viện Đại-học Huế, phần chữ Hán, tr. 117; *An-nam chí-nguyên*, hiệu-bản của PQVĐHV, quyền 3, tr. 185). Nhưng *Toàn-thư* (bản-kỷ, 1, 19a) và *Sử-ký* (bản-kỷ, 1, 25a) đều chép rằng: năm Đoan-cung thứ nhất, Lê Đại-hành được gia-phong kiêm-hiệu thái-úy. *Tống-sử* (quyền 5, tờ 4b) và *Văn-hiến thông-khảo* (quyền 330, mục Giao-chỉ) cũng chép như thế. Tuy nhiên, *Cương-mục* (chính-biên, 1, 23b) có lời *cần-án* như sau: « Sách *An-nam chí* 安南志 của Cao Hùng-Trung 高熊徵 và sách

Hai năm sau (988, Tống Thái-tông, Đao-củng nguyên-niên), nhà Tống phong Lê Đại-hành tước Khai-quốc-công 開國公 (19); đến năm 993 (Tống Thái-tông, Thuần-hóa

Giao-chỉ di biên 交趾遺編 đều chép năm Ung-hy thứ 3 (986) nhà Tống phong cho Lê Đại-hành làm kiêm-hiệu thái-úy, Kinh-triệu quận Khai-quốc-hầu; đến năm Đao-củng thứ nhất (988) mới tiến-phong Khai-quốc-công. Như vậy là có thứ-tự trước sau. Sử cũ (chỉ *Toàn-thư*) trước thì chép phong Kinh-triệu quận-hầu, sau lại chép phong kiêm-hiệu thái-úy, e lầm, nay sửa lại. »

(20) Lúc bấy giờ Lê Đại-hành sai sứ sang cống nhà Tống; vua Tống phái Vương Thế-Tắc 王世則 và Lý Cư-Giản 李居簡 sang phong cho Lê Đại-hành làm Giao-chỉ quận- vương. (*Sử-ký*, bản-ký, 1, 27 ab; *Toàn-thư*, bản-ký, 1, 20b; *Cương-mục*, chính-biên, 1, 28b-29a; *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biêu*, quyền hạ, tr. 7; *An-nam chí-lược*, hiệu-bản của Viện Đại-học Huế, phần chữ Hán, tr. 117; *Tống-sử*, quyền 5, tờ 8b; *Văn-hiến thông-khảo*, quyền 330, mục Giao-chỉ).

(21) Tháng 3 năm đinh-dậu (997), Tống Thái-tông băng; thái-tử Hằng 恆 kế-vị, tức là Tống Chân-tông 宋真宗, nhưng chưa cải nguyên, vẫn giữ niên-hiệu Chí-đạo của Thái-tông. Tháng 4 năm đó, Chân-tông sai sứ sang gia-phong cho Lê Đại-hành làm Nam-bình-vương. (*Sử-ký*, bản-ký, 1, 30a; *Toàn-thư*, bản-ký, 1, 22b; *Cương-mục*, chính-biên, 1, 32b; *An-nam chí-lược*, hiệu-bản của Viện Đại-học Huế, phần chữ Hán, tr. 119; *An-nam chí-nguyên*, hiệu-bản của P Q V Đ H V, quyền 3, tr. 187; *Tống-sử*, quyền 6, tờ 1b; *Văn-hiến thông-khảo*, quyền 330, mục Giao-chỉ).

(22) Năm canh-dần (990, hiệu Thuần-hóa nguyên niên đời Tống Thái-tông), sứ của nhà Tống là tả-chính-ngôn Tống Hạo

淳化 thứ 4) mới phong là Giao-chỉ quận-vương 交趾郡王 (20), và đến năm 997 (Tống Thái-tông, Chi-đạo 至道 thứ 3) lại gia-phong Nam-bình-vương 南平王 (21). Như thế là nhà

(Cáo) 宋 鑄 và hữu-chính-ngôn Vương Thế-Tắc sang phong cho Lê Đại-hành chức đặc-tiến 特進. Đại-hành sai chỉ-huy-sứ Đinh Thừa-Chính 丁承正 đi nghinh-tiếp. Lúc Tống sứ đến Minh-đức môn 明德門, Đại-hành nhận chiếu-thư mà không lạy, nói rằng mới đi đánh giặc bị ngã ngựa đau chân. Đại-hành sai quân dân chèo thuyền trên sông reo hò vang dậy; còn trên núi gần thành thì treo lá bạch-kỳ, biểu-hiệu dàn quân. Trong thời-gian sứ nhà Tống lưu-trú tại nước ta, Đại-hành sai người mang tới một con rắn lớn và nói rằng nếu sứ-thần ăn được rắn này thì sẽ nấu thành món ăn đem tới biểu. Lại sai trói hai con hổ đem đến tặng sứ-thần, nhưng Tống-sứ từ-khước (*Cương-mục*, chính-biên, 1, 24b-25b; *Sử-ký*, bản-ký, 1, 26a; *Văn-hiến thông-khao*, quyển 330, mục Giao-chỉ). Năm Ứng-thiên 應天 thứ 3 (996, hiệu Chi-đạo thứ 2 đời Tống Thái-tông), Lê Đại-hành dung-túng cho dân ở biên-giới xâm-phạm đất Tống. Viên chuyên-vận-sứ Quảng-tây là Trương Quan 張觀 đem việc ấy tâu về triều, nhưng vua Tống làm ngơ. Trương Quan lại tâu về rằng Lê Hoàn bị họ Đinh đánh đuổi, phải đem tàn-quân ra ở nơi hải-đảo, thừa cơ đi cướp giết đê sông, nhưng nay đã chết rồi. Do đó, vua Tống sai Thái-thường-thừa là Trần Sĩ-Long 陳士龍 làm thái-phòng-sứ sang dò xét hư thực, biết Trương Quan nói dối, nên Tống-đế trị tội Trương Quan, cho Trần Nghiêu-Tâu 陳堯叟 sung chức chuyên-vận-sứ Quảng-tây, lại sai Lý Kiến-Trung 李建中 mang chiếu-thư sang cho Lê Đại-hành.

Tống đã biệt-đãi Lê Hoàn hơn các vị nguyên-thủ của nước ta đời trước, mặc dầu Lê Hoàn thường có những ngôn-ngữ và cử-chỉ tỏ ra không chịu thần-phục Tống-Triều (22).

Nguyên trước đó, dân ở trấn Triều-dương 潮陽 (nay thuộc tỉnh Quảng-yên nước ta) là bọn Văn-Dũng 文勇 có tội, chạy trốn sang trấn Như-tích 如昔 (thuộc tỉnh Quảng-đông Trung-quốc), được trấn-tướng Hoàng Lệnh-Đức 黃令德 dung-nạp; Lê Đại-hành sai trấn-tướng Triều-dương là Hoàng Thành-Nhã 黃成難 đuổi theo bắt bọn Văn-Dũng nhưng không được. Đến lúc Nghiêu-Tàu tới Như-tích, hỏi biết chuyện ấy, liền đem tất cả những dân nước ta lần trốn ở đấy gồm cả đàn-ông, đàn-bà, người già, con trẻ hơn 100 người trao trả cho Hoàng Thành-Nhã. Lê Đại-hành bèn bắt 27 người Đăn 蛋 (một giống rợ ở miền Nam Trung-quốc) đưa sang Quảng-tây, đồng thời sai sứ sang nói rằng đã bắt bọn giặc biển đem nộp và đã truyền cho dân ở các khe-động không được quấy-nhiều đất Tống nữa. Đến khi Tống-sứ là Lý Như-ợc-Chuyết 李若拙 đem chiếu-thư và đai ngọc sang, Lê Đại-hành ra ngoài thành nghinh-tiếp, nhưng có vẻ kiêu-mạn, không giữ lễ, nói cùng Như-ợc-Chuyết : «Trước đây, việc cướp phá trấn Như-hồng 如洪 (thuộc Quảng-đông) là do bọn giặc ở ngoài, chẳng hay Hoàng-đế (chỉ vua Tống) có biết không. Nếu người Giao-châu làm phản, thì trước hết vào Quảng-châu, kế đến vào Mân-châu, chứ có phải chỉ đến Như-hồng mà thôi đâu.» (Cương-mục, chính-biên, 1, 30a-32a; Toàn-thư, bản-ký, 1, 21b-22b; Sử-ký, bản-ký, 1, 29a-30a. Đối-chiếu với Văn-hiến thông-khảo, quyển 330, mục Giao-chỉ; An-nam chí-lược, hiệu-bản của Viện Đại-học

Đến đời con của Lê Hoàn là Long-Đĩnh 龍 鈺 (23), tức Lê Ngọa-triều, thì được nhà Tống phong làm Giao-chỉ quận-vương, Tĩnh-hải-quân tiết-độ-sứ vào năm 1007, lại có đúc ấn « Giao-chỉ quận-vương » đem cho, và truy-phong Lê Hoàn làm Nam-Việt-vương, phái sứ-thần sắm đủ lễ/sang tế-điếu (24).

Huế, phần chữ Hán, tr. 117-118 ; *An-nam chí-nguyên*, hiệu-bản của P Q V Đ H V, quyển 3, tr. 185-186).

(23) *Long-Đĩnh* : con thứ năm của Lê Đại-hành. Nguyên con trưởng của Đại-hành là Long-Thâu 龍 綸 mất sớm, con thứ hai là Ngân-Tích 銀 錫 đáng được lập làm thái-tử. Lúc bảy giờ Long-Đĩnh muốn tranh địa-vị ấy, và Đại-hành cũng muốn cho Long-Đĩnh làm thái-tử. Nhưng đình-thần bàn rằng không lập trưởng mà lập thứ là không hợp lễ. Bởi vậy, Đại-hành mới lập con thứ ba là Long-Việt 龍 鉞 làm thái-tử vào tháng giêng năm Ứng-thiên 應 天 thứ 11 (giáp-thìn, 1004), đồng-thời gia phong cho Đông-thành-vương Ngân-Tích và Khai-minh-vương Long-Đĩnh làm đại-vương. Lê Đại-hành thăng-hà vào tháng 3 năm Ứng-thiên thứ 12 (1005), trị vì 24 năm, hưởng thọ 65 tuổi. Đông-thành-vương Ngân-Tích, Khai-minh-vương Long-Đĩnh và Trung-quốc-vương Long-Kính 龍 鏡 (con thứ chín của Lê Đại-hành) đều nổi loạn, cho nên mãi đến tháng 10 năm ấy thái-tử Long-Việt mới lên ngôi, nhưng chỉ được 3 ngày thì Long-Đĩnh sai người leo tường vào cung giết đi. Sau khi giết anh, Long-Đĩnh tự lập làm vua, truy thụy Long-Việt là Trung-tông hoàng-đế 中 宗 皇 帝 (*Cương-mục*, chính-biên, 1, tờ 36a-38b ; *Toàn-thư*, bản-ký, I, 24ab, 25b, 26a ; *Sử-ký*, bản-ký, I, 31b, 32b, 33ab. Đối-chiếu với *Việt-sử*

Năm 1009, Lê Long-Đĩnh chết. Tả thân-vệ điện-tiền chỉ-huy-sứ Lý Công-Uần 李公蘊 (25) tự lập làm vua. Năm sau (1010, hiệu Thuận-thiên 順天 nguyên-niên của Lý Thái-tổ, hiệu

lược, bản chữ Hán chép tay của Viện Khảo-cổ, quyển I, tờ 33ab ; *An-nam chí-lược*, hiệu-bản của Viện Đại-học Huế, phần chữ Hán, tr. 119 ; *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biểu*, quyển hạ, tr. 10 ; *An-nam chí-nguyên*, hiệu-bản của P Q V Đ H V, quyển 3, tr. 187 ; *Văn-hiến thông-khảo*, quyển 330, mục Giao-chỉ).

(24) *Cương-mục*, chính-biên, I, 43b-44a ; *Toàn-thư*, bản-kỷ, I, 28b-29a ; *Sử-ký*, bản-kỷ, I, 37a ; *An-nam chí-lược*, đã dẫn, tr. 120-121 ; *An-nam chí-nguyên*, đã dẫn, tr. 189-190 ; *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biểu*, quyển hạ, tr. 10 ; *Văn-hiến thông-khảo*, quyển 330, mục Giao-chỉ ; *Tống-sử*, quyển 7, tờ 7b-8a).

(25) *Lý Công-Uần* : người ở Cồ-pháp 古法 (nay là huyện Đông-ngạn 東岸, tỉnh Bắc-ninh 北寧), con nuôi của Lý Khánh-Văn 李慶文 ; lúc nhỏ có thụ-nghiệp với sư Vạn-hạnh 萬行 ; khi lớn lên, khảng-khái có đại-chí, được tuyển vào làm cấm-quân của Lê Trung-tông (Lê Long-Việt). Hôm Trung-tông bị thí, các bề-tôi đều bỏn-vong, chỉ có Công-Uần ôm thầy vua mà khóc, bởi vậy nên được Lê Long-Đĩnh khen là trung-thành, trạc-dụng làm chức Tứ-sương-quân phó chỉ-huy-sứ, rồi thăng làm điện-tiền chỉ-huy-sứ. Khi Lê Long-Đĩnh chết, tự-quân còn nhỏ tuổi, Đào Cam-Mộc 陶甘沫 mưu với quần-thần lập Lý Công-Uần lên ngôi và dâng tôn-hiệu là : **PHỤNG THIÊN CHÍ LÝ ỨNG VẠN TỰ TẠI THÁNH MINH LONG HIỆN DUỆ VĂN ANH VŨ SỪNG NHÂN QUẢNG HIẾU THIÊN HẠ THÁI BÌNH KHÂM MINH QUANG TRẠCH CHƯƠNG MINH VẠN BANG HIỀN ỨNG PHŨ CẨM UY CHẤN PHIÊN MAN DUỆ MƯU THẦN TRỢ THÁNH TRỊ TẮC THIÊN ĐẠO CHÍNH HOÀNG ĐẾ** 奉天至理

Đại-trung-trường-phù 大中祥符 thứ 3 của Tống Chân-tông), sứ nhà Tống sang phong cho Công-Uần làm Giao-chỉ quận-vương, lĩnh Tĩnh-hải-quân tiết-độ-sứ (26).

應運自在聖明龍見睿文英武崇仁廣孝天下太平欽
明光宅章明萬邦顯應符感威震藩蠻睿謀神助聖治
則天道此皇帝 (*Cương-mục*, chính-biên, 1, 38b ; 2, 4a-6b. Đối-chiếu
với *Toàn-thư*, bản-ký, 2, lab ; *Sử-ký*, bản-ký, 2, lab ; *Việt-sử lược*, bản
chữ Hán cho chép tay của Viện Khảo-cổ, quyển 2, tờ 36a-38a).

(26) Mùa xuân năm Thuận-thiên thứ nhất (1010), Lý Thái-tổ sai viên-ngoại-lang Lương Nhậm-Văn 梁任文 và Lê Tái-Nghiêm 黎再嚴 đem phương-vật sang hiến vua Tống. Các bề-tôi của Tống triều xin Tống-đế từ-khước, nhưng Chân-tông vẫn nhận lễ và nói với quần-thần : « Họ Lê thay họ Đinh ; họ Lý lại bắt chước họ Lê. Vậy Lê và Lý nào khác gì nhau. » Đến mùa đông năm đó, vua Tống sai sứ sang phong. Trước kia, đối với nhà Đinh và nhà Tiền-Lê, vua Tống bắt đầu phong chức kiểm-hiệu thái-úy, trải qua các chức tiết-độ, đô-hộ, mới phong quận-vương. Nay bắt đầu sách-phong Lý Công-Uần làm Giao-chỉ quận-vương, lĩnh Tĩnh-hải-quân tiết-độ-sứ, và lấy đó làm định-lệ. (*Cương-mục*, chính-biên, 2, 9a và 12a ; *Toàn-thư*, bản-ký, 2, 2a và 4b ; *Sử-ký*, bản-ký, 2, 2a và 7b. Đối-chiếu với *Tống-sử*, quyển 7, tờ 12b ; *An-nam chí-lược*, hiệu-bản của Viện Đại-học Huế, phần chữ Hán, tr. 122 ; *An-nam chí-nguyên*, hiệu-bản của P Q V Đ H V, quyển 3, tr. 191 ; *Văn-hiến thông-khảo*, quyển 330, mục Giao-chỉ).

(27) Lý Phật-Mã : con của Lý Thái-tổ, đã được lập làm thái-tử vào năm 1009, và được phong trước Khai-thiên-vương 開天

Sau khi Lý thái-tổ băng (1028), thái-tử Phật-Mã 佛瑪 (27) nối ngôi, cũng được vua Tống phong cho chức tước như cha vào năm 1029 (28).

Nước ta dưới hai đời Lý Thái-tổ (1009-1028) và Lý Thái-tông (1028-1054) vẫn giữ quốc-hiệu cũ của nhà Đinh là Đại-Cồ-Việt. Nhưng nhà Tống vẫn gọi nước ta là Giao-chỉ hoặc Tĩnh-hải.

王 vào năm 1012. Sau khi Lý Thái-tổ băng, năm 1028 Phật-Mã lên ngôi, tức là Lý Thái-tông, trị vì 27 năm, cải nguyên 6 lần : Thiên-thành 天成 (1028-1033), Thông-thụy 通瑞 (1034-1038), Kiền-phù-hữu-đạo 乾符有道 (1039-1041), Minh-đạo 明道 (1042-1043), Thiên-cảm-thánh-võ 天感聖武 (1044-1048), Sùng-hưng-đại-bảo 崇興大寶 (1049-1054). (Xem *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biêu*, quyền hạ, tr. 15-21 ; L. CADIÈRE, *Tableau chronologique des dynasties annamites*, trong *BEFEO*, t. V [1905], tr. 87-88).

(28) Năm kỷ-tỵ (1029, hiệu Thiên-thành 天成 thứ 2 của Lý Thái-tông 李太宗, hiệu Thiên-thánh 天聖 thứ 7 của Tống Nhân-tông 宋仁宗), sứ nhà Tống là Chương Dĩnh 章穎 sang điều-tể Lý Thái-tổ và sách-phong Lý Thái-tông làm Giao-chỉ quận-vương. (*Cương-mục*, chính-biên, 2, 34b. Đối-chiếu với *Toàn-thư*, bản-kỷ, 2, 20a ; *Sử -kỷ*, bản-kỷ, 2, 26a ; *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biêu*, quyền hạ, tr. 15 ; *An-nam chí-lược*, hiệu-bản của Viện Đại-học Huế, phần chữ Hán, tr. 124 ; *An-nam chí-nguyên*, hiệu-bản của PQVĐHV, quyền 3, tr. 193 ; *Tống-sử*, quyền 9, tờ 6a).

IV. — ĐẠI VIỆT và ĐẠI NGU

Ngày mồng một tháng mười năm Sùng-hưng-đại-bảo 崇興
大寶 thứ 6 (giáp-ngọ, 1054), Lý Thái-tông thăng-hà (1). Thái-
tử Nhật-Tôn 日尊 lên ngôi, tức là Lý Thánh-tông (2), cải
nguyên là Long-thụy-thái-bình 龍瑞太平 ngay trong năm
ấy và đổi quốc-hiệu là Đại Việt 大越 (3).

(1) *Đại Việt sử-ký tiền-biên*, bản-ký, quyển 2, tờ 48b ; *Đại Việt sử-ký toàn-thư*, bản-ký, quyển 2, tờ 39a ; *Cương-mục*, chính-biên, quyển 3, tờ 20ab.

(2) *Lý Thánh-tông* : con thứ 3 của Lý Thái-tông, sinh ngày 25 tháng 2 năm Thuận-thiên 順天 thứ 14 (1023) đời Lý Thái-tổ, đến năm Thiên-thành 天成 thứ nhất (1028) đời Lý Thái-tông được lập làm thái-tử. Lúc lớn lên, tinh thông kinh sử, am-hiêu âm-luật, lại thiện trường về vũ-lược, được Thái-tông sai đi đánh dẹp, đến đâu thắng đó. Sau khi vua cha băng, phụng di-chiếu tức vị ngay trước linh-cữu của cha, và đổi niên-hiệu Sùng-hưng-đại-bảo thứ 6 làm Long-thụy-thái-

Đời Lý, các vua Thái - tổ, Thái - tông, Thánh - tông, Nhân-tông, Thần-tông, đều được vua Tống phong làm hai lần : lần đầu phong Giao-chỉ quận-vương, lần thứ hai mới phong Nam-bình-vương.

binh thứ nhất vào tháng 10 năm ấy. (*Việt-sử lược*, bản chữ Hán chép tay của Viện Khảo-cổ, quyển 2, tờ 51a).

(3) *Đại Việt* : quốc-hiệu này đã được Lưu Nghiễm dùng vào năm 917 (hiệu Trinh-minh năm thứ 3 của Lương Mạt-đế). Năm ấy, Lưu Nghiễm, nguyên thụ trước Nam-hải-vương của nhà Lương, xưng đế tại Quảng-châu và đặt quốc-hiệu là Đại Việt, cải nguyên là Kiền-hanh, rồi lại đổi tên nước là Nam-Hán. (Xem *Tân Ngũ-đại sử*, quyển 65, tờ 2a ; *Tư-trị thông-giám* 資治通鑑, quyển 270, tờ 1b ; *Đại-Việt sử-ký tiền-biên*, ngoại-ký, quyển 7, tờ 1ab).

(4) *Lý Anh-tông* : húy Thiên-Tộ 天祚, đích-tử của Lý Thần-tông, sinh năm Thiên-chương-bảo-tự 天彰寶嗣 thứ 4 (1136), được lập làm thái-tử và nối ngôi cha vào năm 1138, mất năm 1175, trị vì được 37 năm, hưởng thọ 40 tuổi. (*Toàn-thư*, bản-ký, IV, la ; *Sử-ký*, bản-ký, IV, la ; *Cương-mục*, chính-biên, V, 17b ; *Việt-sử lược*, bản chữ Hán chép tay của Viện Khảo-cổ, quyển 3, tờ 81 a).

(5) *Cương-mục*, chính-biên, quyển 5, tờ 12a, chép việc năm giáp-thân, hiệu Chính-long-bảo-ứng thứ 2 (1164) có ghi sự-kiện này : « 宋册封帝為安南國王改交趾為安南國 = Tống sách phong đế vi An-nam quốc-vương, cải Giao-chỉ vi An-nam quốc = Nhà Tống phong vua [Lý Anh-tông] làm An-nam quốc-vương và đổi Giao-chỉ làm An-nam quốc. » Rồi dẫn sử-ký của

Đến năm 1164 (Lý Anh-tông 李英宗 hiệu Chính-long-bảo 政隆寶 應 thứ 2, Tống Hiếu-tông 宋孝宗 hiệu Long-hưng 隆興 thứ 2) nhà Tống mới thừa-nhận nước ta là một quốc-gia và phong cho Lý Anh-tông (4) làm An-nam quốc-vương (5).

Ngô Thi-Sĩ như sau : «Nhà Tống từ khi thiên đô về phương Nam (1127), mỗi lần sứ nước ta sang cống, phải đi đến Quảng-tây và giao phương-vật tại đó, chứ chưa từng tới kinh-đô. Đến năm ấy (1164), gặp kỳ tuế-cống, Lý Anh-tông gửi thư sang Tống-triều, xin cho sứ-giả tới kinh, vua Tống chấp-thuận. Theo lệ cũ, sứ-bộ sang cống chưa từng đủ ba vị, lần này vua Lý cử trung-vệ đại-phu Doãn Tử-Tư 尹子思 làm đại-sứ, lại dùng thừa-nghị-lang Lý Bang-Chính 李邦正 làm chánh-sứ, trung-dục-lang Nguyễn Văn-Hiến 阮文獻 làm phó-sứ ; các nhân-viên tùy-tùng đều đủ cả. Khi sứ-bộ nước ta tới nơi, vua Tống khen là có ý chân-thành, lại thấy nhân-vật và y-quan có vẻ ôn-văn hòa-nhã, nên rất vui lòng, bèn sai hữu-ty bàn cho tên nước, mới đặt tên là An-nam quốc, gia phong vua Lý làm An-nam quốc-vương.» *Toàn-thư* (bản-ký, quyển 4, tờ 14a), *An-nam chí-lược* (hiệu-bản của Viện Đại-học Huế, phần chữ Hán, tr. 126), *An-nam chí-nguyên* (hiệu-bản của PQVĐHV, quyển 3, tr. 197) và *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biểu* (quyển hạ, tr. 44) đều chép việc nhà Tống thừa-nhận nước ta là An-nam quốc và phong Lý Anh-tông làm An-nam quốc-vương vào năm 1164. *Tống-sử* (quyển 34, tờ 10a) và *Việt-khieu thư* (quyển 4, tờ 5a) chép việc này vào năm Thuần-hy 淳熙 thứ nhất (1174). Còn *Đại Việt sử-ký tiền-biên* (bản-ký, quyển 4, tờ 20b-21a) và *Văn-*

Sở dĩ nước ta thâu-hoạch được thắng-lợi về-vang đó cũng nhờ sức tranh-đấu dẻo-dai của dân-tộc ta và chính-sách ngoại-giao khôn-khéo của các vua nhà Lý một phần, còn một phần là do sự suy-nhược của nhà Tống ; lúc bấy giờ nhà Tống đang khốn khổ với người Kim, cho nên phải dùng chính-sách mềm dẻo đối với nước ta (6).

hiển thông-khảo (quyển 330, mục Giao-chi) lại chép vào năm Thuần-hy thứ 2 (1175).

(6) Nhà Tống (960-1276) do Triệu Khuông-Dận 趙匡胤 khai-sáng, đóng đô tại Biện-kinh 汴 (nay là phủ Khai-phong 開封 tỉnh Hà-nam 河南), lãnh-thổ gồm có phần đất từ Trường-thành trở về phía Nam, ngoại trừ bốn tỉnh Hà-bắc 河北, Sơn-tây 山西, Vân-nam 雲南 và Quý-châu 貴州. Từ Tống Thái-tổ 宋太祖 (Triệu Khuông-Dận) truyền đến Tống Khâm-tông 宋欽宗 thì bị người Kim 金 vào xâm-lãng và bắt cả hai vua Huy-tông 徽宗 và Khâm-tông đem đi (1127). Nhà Tống trong thời-gian từ năm 960 đến năm 1127 gọi là Bắc-Tống 北宋. Sau đó, Tống Cao-tông 宋高宗 phải dời đô đến Lâm-an 臨安 (nay là đô-thị Hàng-châu 杭州 thuộc tỉnh Chiết-giang 浙江) và truyền đến năm 1276 thì mất nước. Nhà Tống từ năm 1127 đến năm 1276 gọi là Nam-Tống. (Xem *Tống-sử* toàn bộ).

(7) Ngày 28 tháng 2 năm canh-thìn, hiệu Kiến-tân 建新 năm thứ 3 (1400) đời Trần Thiếu-đế 陳少帝, Lê Quý-Ly ép Thiếu-đế nhường ngôi cho mình, lại bắt-buộc hàng tông-thất và quần-thần ba lần dâng biểu khuyến-tiến mình tức vị, rồi giả chối-từ rằng : « Tôi

Từ năm 1054 đời Lý Thánh-tông cho đến cuối đời Trần, người trong nước ta vẫn gọi tên nước là Đại Việt, nhưng các triều-đại Trung-quốc (Tống, Nguyên) gọi nước ta là An-nam quốc và phong cho các vua ta làm An-nam quốc-vương.

đã già sắp chết, nếu làm như thế thì còn mặt mũi nào trông thấy Tiên-đế ở dưới đất nữa ? » Nhưng sau đó vẫn xưng đế, đặt niên-hiệu là Thánh-nguyên 聖元, đổi tên nước là Đại Ngu, đổi họ là Hồ 胡, phệ Thiếu-đế làm Bảo-ninh đại-vương 保寧大王, vì Thiếu-đế là cháu ngoại nên không giết (*Đại Việt sử-ký toàn-thư*, bản-ký, quyển 8, tờ 36b ; *Đại Việt sử-ký tiền-biên*, bản-ký, quyển 9, tờ 28a ; *Cương-mục*, chính biên, quyển 11, tờ 36b). Ông tổ của Quý-Ly là Hồ Hưng-Dật 胡興達, người tỉnh Chiết-giang, sang nước ta từ đời Ngũ-quý 五季 (907-959), ngụ tại làng Bào-đột 洮突 thuộc Diễn-châu 演州 (nay là xã Bào-đột, huyện Quỳnh-lưu, tỉnh Nghệ-an). Về sau, Hồ Liêm 胡廉 (dòng-dõi Hồ Hưng-Dật) dời ra ở Thanh-hoá và làm con nuôi của Lê Huấn 黎訓, nhân đấy mới đổi họ là Lê. Quý-Ly là cháu bốn đời của Hồ Liêm. Quý-Ly có hai người cô được Trần Minh-tông 陳明宗 nạp vào hậu-cung, một người sinh ra Nghệ-tông 藝宗, một người sinh ra Duệ-tông 睿宗 (*Cương-mục*, chính-biên, X, 31b-32a). Họ Hồ là dòng-dõi Ngu Thuấn 虞舜 (con Ngu Yên 虞閔 là Quy-Mãn 婁滿 được Chu Vũ-vương phong cho ở đất Trần 陳 gọi là Hồ-công 胡公, sau dùng chữ Hồ làm họ) cho nên Quý-Ly mới đổi họ là Hồ và đổi quốc-hiệu là Đại Ngu (*Cương-mục*, chính-biên, XI, 37a).

(8) Tháng 5 năm đinh-hợi (1407), quân Minh kéo đến cửa biển Kỳ-la 奇羅海口 (thuộc huyện Kỳ-anh, Hà-tĩnh), bắt được Quý-

Năm 1400, cha con Hồ Quý-Ly cướp ngôi nhà Trần, mới đổi quốc-hiệu là Đại Ngu 大虞 (7).

Ly, Hán-Thương và con của y là Nhuế 芮 ở núi Cao- vọng 高望山 (cũng thuộc huyện Kỳ-anh, Hà-tĩnh). Những tướng tá sau này đều bị bắt : hữu tướng-quốc Quý-Tỳ 季貌 và con của y là phán-trung đô Vô-Cửu 无咎, tả tướng-quốc Nguyên-Trùng 元澄 (con cả của Quý-Ly), tướng-quân Hồ Đổ 胡杜, Phạm Lục-Tài 范六材, Nguyễn Ngạn-Quang 阮彦光, Đoàn Bồng 段孳, v.v... (*Cương-mục*, chính-biên, XII, 18ab ; *Toàn-thư*, bản-ký, IX, 3ab ; *Sử-ký*, bản-ký, X, 3b). Đại-tướng nhà Minh là Trương Phụ 張輔 sai bốn hoành-hải tướng-quân Lỗ Lân 魯麟, đô-đốc thiêm-sự Liễu Thăng 柳升, v.v..., áp-giải Quý-Ly và con cháu cùng liêu-thuộc của y về Kim-lăng 金陵 (nay là Nam-kinh 南京, thuộc tỉnh Giang-tô 江蘇) hiến tiếp. Vua nhà Minh (Thành-tổ 成祖) ngự điện nhận tù-binh và ra lệnh giam những người bị bắt vào ngục, chỉ tha cho Trùng và Nhuế. Sau, Quý-Ly cũng được tha, nhưng phải sang làm thú-binh ở Quảng-tây 廣西. Hồ Nguyên-Trùng vì thạo nghề chế binh-khí, dâng phép chế súng lên vua Minh, nên được dùng làm quan đến thượng-thư bộ Công (*Cương-mục*, chính-biên, XII, 21ab ; *Kỷ-lục vị-biên*, quyển 49, tờ 3a). *Đại Việt sử-ký toàn-thư* (bản-ký, quyển 9, tờ 5b) chép rằng : « Khi Quý-Ly đến Kim-lăng, vua nhà Minh giả vờ trao cho chức tham-chính, sai người hộ tống đến nơi làm việc, rồi giết chết ở dọc đường. » Nhưng *Cương-mục* (chính-biên, quyển 12, tờ 21b) đã bác thuyết của *Toàn-thư*, trong lời *cần-án* như sau : « Có lẽ nào đánh bắt được người đầu sỏ của giặc, không đem làm tội một cách đường-hoàng, mà phải dùng kế giả dối để giết đi ? thật là vô lý ! Nay theo sách *Minh-sử kỷ-sự* 明史紀事 mà cải-chính lại. » *Đại Việt sử-ký tiền-*

Năm 1407, người Minh bắt được cha con Hồ Quý-Ly (8) đem sang Kim-lăng, lại đổi An-nam làm Giao-chỉ và đặt tam ty (9).

biên, bản-ký, quyển 10, tờ 6ab, cũng chép như *Toàn-thư*, nhưng có chua thêm : « Xét việc Quý-Ly, Hán-Thương cùng bọn Hồ Đổ bị giam-cầm và tru-lục, còn Nguyên-Trùng vì dâng phép chế sủng lên vua Minh, nên được dùng làm quan, v.v..., đều do sử-thần nhà Minh là Trần Kiến 陳建 biên-lục, so với sử nước ta có chỗ khác nhau. Ngoại-sử lại chép lúc nhị Hồ (Quý-Ly và Hán-Thương) tới Kim-lăng, được vua Minh ban họ tên cho Quý-Ly là Hồ Nhất-Nguyên 胡一元, Hán-Thương là Hồ Hối 胡亥, rồi cả hai cha con bị đưa đến Triệu-ngã dịch 兆俄驛 và bị giết tại đó ; người ta đắp hai ngôi mã đề khuyến-giới những ai muốn làm việc thí-nghịch. *Toàn Việt thi* chép lúc Quý-Ly bị giam trong ngục, con của y là Trùng dâng phép chế sủng lên vua Minh cho nên được dùng làm thượng-thư bộ Lễ ; Trùng xin vua Minh ân-xá cho Quý-Ly, do đó Quý-Ly được tha ra và sau chết vì tuổi già. Những việc đó đều chép vào đây để cho đủ tài-liệu tham-khảo.»

(9) Tháng 6 năm đinh-hợi (1407), nhà Minh lại đổi An-nam làm Giao-chỉ, đặt 17 phủ : Giao-châu 交州, Bắc-giang 北江, Lạng-giang 諒江, Lạng-son 諒山, Tân-an 新安, Kiến-xương 建昌, Phụng-hóa 奉化, Kiến-bình 建平, Trấn-man 鎮蠻, Tam-giang 三江, Tuyên-hóa 宣化, Thái-nguyên 太原, Thanh-hóa 清化, Nghệ-an 乂安, Tân-bình 新平, Thuận-hóa 順化, Thăng-hoa 升華 ; 5 châu : Quảng-oai 廣威, Tuyên-hóa 宣化, Quy-hóa 歸化, Gia-bình 嘉平, Diễn-châu 演州 ; những nơi yếu-hại thì thiết-lập 12 vệ đề không-chế ; lại đặt tam ty là Đô-chỉ-huy ty, Bô-

Năm 1418, Lê Lợi 黎利 khởi nghĩa, đánh nhau với quân Minh 10 năm trời (10). Đến năm 1427, quân Minh hoàn-

chính ty và Án-sát ty ; thượng-thư Hoàng Phúc 黃福 kiêm coi cả hai ty Bô-chính và Án-sát, còn Lữ Nghị 呂毅 coi Đô-chi-huy ty. (*Cương-mục*, chính-biên, XII, 20ab. Đối-chiếu với *Đại Việt sử-ký tiền-biên*, bản-ký X, 2b ; *Minh-sử*, quyển VI, tờ 3b).

(10) Xem *Khâm-dịnh Việt-sử thông-giám cương-mục*, chính-biên, tron 2 quyển XIII và XIV ; *Đại Việt sử-ký bản-ký*, quyển X, tờ 33b-56a ; *Đại Việt sử-ký bản-ký thực-lục*, quyển X, tờ la-52a.

(11) *Cương-mục*, (chính-biên, quyển XIV, tờ 24b-25ab), *Đại Việt sử-ký bản-ký* (quyển X, tờ 52ab) và *Đại Việt sử-ký bản-ký thực-lục* (quyển X, tờ 46b-47a) đều chép rằng : «Ngày 12 tháng chạp năm đinh-vị (1427), tổng-binh của nhà Minh là Vương Thông 王通 dẫn binh về ; bộ-quân đi trước sang Nhị-hà, thủy-quân theo sau. Người nước ta vốn oán ghét quân Minh tàn-bạo, nên khuyên Bình-dịnh-vương Lê Lợi thừa dịp ấy đề giết sạch kẻ thù. Nhưng vương giải-thích cho dân-chúng biết rằng không nên giết kẻ bại trận đã đầu hàng, vì làm như thế sẽ để tiếng xấu trong sử sách. Rồi vương ra lệnh cấp 500 chiến-thuyền cho thủy-quân của Minh, giao cho Phương Chính 方政 và Mã Kỳ 馬琪 quản-linh, cấp lương-thảo cho lục-quân, giao cho Sơn Thọ 山壽 và Hoàng Phúc 黃福 quản-linh ; còn hơn hai vạn người đã bị bắt hoặc ra hàng và hai vạn ngựa thì giao cho Mã Anh 馬瑛 quản-linh đem về. Các tướng Minh đều đến doanh Bồ-đề bái tạ Bình-dịnh-vương ; bọn Phương Chính vừa cảm-động vừa thẹn-thùng đến nỗi rơi nước mắt ; Vương Thông đi sau,

toàn thất-bại, phải xin hòa và rút về (11). Năm sau (1428) Lê Lợi lên ngôi Hoàng-đế ở Đông-đô, lại gọi tên nước là Đại Việt (12),

cùng Bình-định-vương trò chuyện suốt đêm mới từ biệt. Quân thủy và bộ ở ba thành Tây-đô 西都, Cồ-lộng 古弄 và Chí-linh 至靈 cũng lục-tục rút đi. Từ đó chiến-tranh chấm dứt, thiên-hạ thái-bình.» *Minh-sử*, quyển IX, tờ 2b, chép việc chiến-tranh giữa quân ta và quân Minh trong năm đĩnh-vị (1427) như sau :

“宣德二年二月乙丑黎利攻交趾城王通擊敗之[...]夏四月庚申黎利陷昌江都指揮李任指揮顧福劉順知府劉子輔中官馮智死之[...]己巳王通許黎利和[...]秋七月己亥黎利陷隘留閩鎮遠侯顧興祖擁兵不救逮治之[...]九月乙未柳升師次倒馬坡遇伏戰死是日保定伯梁銘病卒丙申尚書李慶病卒師大潰參將崔聚郎中史安主事陳鏞李宗昉死之冬十月戊寅王通棄交趾與黎利盟十二月乙酉赦黎利遣侍郎李琦羅汝敬立陳嵩為安南國王悉召文武吏士還 = Tuyên-đức nhị niên, nhị nguyệt, ất-sửu, Lê Lợi công Giao-chỉ thành, Vương Thông kích bại chi [...] Hạ tứ nguyệt, canh-thân, Lê Lợi hãm Xương-giang, đô-chỉ-huy Lý Nhậm, chỉ-huy Cổ Phúc, Lưu Thuận, tri-phủ Lưu Tử-Phụ, trung-quan Phùng Trí từ chi [...] Kỳ-tỵ, Vương Thông hứa Lê Lợi hòa [...] Thu thất nguyệt, kỷ-hợi, Lê Lợi hãm ải-lưu-quan, Trấn-viễn-hầu Cổ Hưng-Tồ ủng binh bắt cứu, dãi trị chi [...] Cửu nguyệt, ất-vị, Liễu Thăng sư thứ Đào-mã-pha, ngộ phục chiến tử ; thị nhật Bảo-định - bá Lương Minh bệnh tốt ; binh - thân, thượng-thư Lý Khánh bệnh tốt. Sư đại hội. Tham-tướng Thôi Tụ,

Nước ta bị Bắc-thuộc lần cuối cùng từ năm 1407 đến năm 1427. Sau khi dân-tộc đuổi quân thù ra khỏi bờ cõi, quốc-hiệu Đại Việt được dùng lại vào năm 1428. Nhà Minh đã bãi-bỏ

lang-trung Sử An, chủ-sự Trần Tú, Lý Tông-Phường (Phông) từ chi. Đông thập nguyệt, mậu-dần, Vương Thông khí Giao-chỉ, dữ Lê Lợi minh. Thập nhị nguyệt, ất-dậu, xá Lê Lợi, khiến thị-lang Lý Kỳ, La Nhữ-Kính lập Trần Cảo vi An-nam quốc-vương, tất triệu văn võ lại sĩ hoàn = Năm Tuyên-đức thứ 2 (1427), tháng 2, ngày ất-sửu, Lê Lợi đánh thành Giao-chỉ, nhưng bị Vương Thông đánh bại [...] Mùa hạ, tháng tư, ngày canh-thân, Lê Lợi công-hãm Xương-giang; đô-chỉ-huy Lý Nhậm, chỉ-huy Cổ Phúc, Lưu Thuận, tri-phủ Lưu Tử-Phụ và trung-quan Phùng Trí đều chết trong trận ấy [...] Ngày kỷ-tỵ, Vương Thông hứa cùng Lê Lợi giảng hòa [...] Mùa thu, tháng 7, ngày kỷ-hợi, Lê Lợi công hãm Ai-lưu-quan; Trấn-viễn-hầu Cổ Hưng-Tồ đóng binh không tới cứu, bị bắt đưa về trị tội [...] Tháng 9, ngày ất-vị, Liễu Thăng dẫn quân đến Đảo-mã-pha, gặp phục-kích mà tử-trận; ngày hôm ấy, Bảo-định-bá Lương Minh bị bệnh chết; ngày bính-thân, thượng-thư Lý Khánh cũng chết vì bệnh. Quân [Minh] tan vỡ. Tham-tướng Thôi Tụ, lang-trung Sử An, chủ-sự Trần Tú và Lý Tông-Phường mệnh vong. Mùa đông, tháng 10, ngày mậu-dần, Vương Thông bỏ Giao-chỉ, cùng Lê Lợi thề. Tháng 12, ngày ất-dậu, [vua Minh] tha Lê Lợi, sai thị-lang Lý Kỳ, La Nhữ-Kính lập Trần Cảo làm An-nam quốc-vương, triệu tất cả các quan văn võ và lại sĩ về.»

(12) Lê Lợi từ doanh Bồ-đề vào thành Đông-quan, rồi định đô ở đó. Quân thần dâng biểu xin xưng Hoàng-đế, nhưng Lê

tam ty ở Giao-chỉ từ năm 1427, gọi nước ta là An-nam quốc và phong cho nguyên-thủ nước ta làm An-nam quốc-vương.

Lợi ban sắc-dụ rằng : «Các vua Hạ Vũ, Thương Thang, Chu Văn-vương và Vũ-vương có công đức rất lớn, mà chỉ xưng vương, ta đâu dám xưng Hoàng-đế.» Ngày 15 tháng 4 năm mậu-thân (1428), Lê Lợi tức vị tại điện Kính-thiên, xưng là THUẬN THIÊN THỪA VẬN DUỆ VĂN ANH VŨ ĐẠI VƯƠNG 順天承運睿文英武大王, kỷ-niên Thuận-thiên, quốc-hiệu Đại Việt. (*Cương-mục, chính-biên, XV, 7b. Đối-chiếu với Đại Việt sử-ký bản-ký thực-lục, quyển X, tờ 57b*).

V. —VIỆT -NAM VÀ ĐẠI NAM

Gia-long nguyên niên (1802), sau khi đã thống-nhất đất nước, nhà vua phái Hộ-bộ thượng-thư Trịnh Hoài-Đức 鄭懷德 sung chức chánh-sứ, Binh-bộ tham-tri Ngô Nhân-Tĩnh 吳仁靜 và Hình-bộ tham-tri Hoàng Ngọc-Uần 黃玉蘊 sung chức giáp và ất phó-sứ, đem sắc ấn của Thanh-triều phong cho Tây-sơn trước kia và áp-giải bọn giặc bề người Trung-hoa mạo xưng Đông-hải-vương là bọn Mạc Quan-Phù 莫觀扶 sang Quảng-đông trao cho viên tổng-đốc ở đó tâu về đề Thanh-triều xử-trí. Ngoài ra, nhà vua còn phái một sứ-bộ thỉnh phong gồm có : Binh-bộ thượng-thư Lê Quang-Định 黎光定 làm chánh-sứ, Lại-bộ thiêm-sự Lê Chính-Lộ 黎正路 làm giáp phó-sứ, Đông-các học-sĩ Nguyễn Gia-Cát 阮嘉吉 làm ất phó-sứ. Nhà Thanh chuẩn cho hai sứ-bộ cùng đến kinh-đô một lần (1).

(1) *Đại Nam hội-diễn sự-lệ* 大南會典事例, phần *Bang-giao* 邦交, quyển 128, tờ 2 a ; *Đại Nam thực-lục chính-biên* 大南寔錄正編, nhất kỳ, quyển 19, tờ 10 a ; *Quốc-triều chính-biên toát-yếu* 國朝正編撮要, quyển 2, tờ 6 ab.

Quốc-thư của vua Gia-long gửi vua Thanh đại-lược nói rằng : « Đời trước, chúng tôi mở cõi đất ở Viêm-giao, mỗi ngày mỗi rộng, gồm cả các nước Việt-thường và Chân-lạp, đặt tên là Nam-Việt, truyền nối đã hơn 200 năm, nay vừa quét sạch cõi Nam, lại có cả toàn Việt, nên dùng lại quốc-hiệu cũ, để tên tốt được chính-đáng... »

Lúc đầu, vua nhà Thanh cho rằng tên « Việt » trong danh-xưng Nam-Việt cùng với Đông-Việt và Tây-Việt (tức Quảng-đông, Quảng-tây) trùng nhau, nên không chấp-thuận. Vua Gia-long hai ba lần gửi thư, biện-bạch khúc-chiết, và nói thêm rằng : « Nếu không cho đổi tên nước thì không thụ phong. » Vua nhà Thanh sợ mất lòng vua ta, mới lấy hai chữ Việt-nam đặt tên nước, rồi phái Tề Bố-Sâm 齊布森 mang cáo-sắc quốc-ấn sang phong cho vua Gia-long, lại còn đem biểu những gấm vóc và các thứ phẩm-vật (2).

Tờ dụ của vua nhà Thanh như sau (dịch nghĩa) :

Hoàng-đế Đại Thanh sắc-dụ cho quốc-vương Việt-nam Nguyễn...

Trước đây Trẫm coi tờ biểu của ông trình bày gốc ngọn về việc

(2) *Đại Nam thực-lục chính-biên*, nhất kỷ, quyển 23, tờ 2b ; *Quốc-triều chính-biên toát-yếu*, quyển 2, tờ 13a ; *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biêu*, quyển hạ, tr.193 ; *Hậu-Lê dã-sử* 後黎野史, bản chữ Hán chép tay của Viện Khảo-cổ, số VS- 38, tờ 76a-79a ; *Đại Thanh Nhân-tông Duệ-hoàng-đế thực-lục* 大清仁宗睿皇帝實錄, Đài-bắc, Hoa-liên xuất-bản-xã xuất-bản, Hoa-văn thư-cục phát-hành, 1964, quyển 115, tờ 14b- 15ab.

chiến-tranh ở An-nam là vì muốn phục thù cho đời trước, và đã kính-cần sai kẻ bồi-thêm (3) đệ giao sắc ấn của Nguyễn Quang-Toản bỏ sót lại, cùng là bắt trói bọn cướp bề đem hiến đề xin mệnh-lệnh. Trẫm thấy vượt bề sang dăng tấm lòng thành, nên đặc-biệt khen-ngợi thấu-nhận, và đã ban dụ nói rõ duyên-do về việc Nguyễn Quang-Toản ở An-nam mắc tội phúc-diệt, cùng việc ông một niềm cung-thuận gắng sức, đề trước tuyên-cáo cho trong ngoài đều biết.

Kể đó ông lại xin phong tước mới, trình bày rõ rằng : quốc-gia của ông nguyên trước đã có đất Việt-thường, nay lại gồm cả nước An-nam, nhưng vẫn không muốn quên cái danh-hiệu mấy đời còn giữ lại đó, nên mới khàn-khoản xin vẫn giữ tên là nước Nam-Việt. Việc này đã do phủ-thần (tuần-phủ) Quảng-tây Tôn mỗ (4) cứ thực-tình báo-cáo về, nhưng các bộ-thần hội-nghị bác bỏ, viện cứ danh-hiệu Nam-Việt trùng với tên đất ngoài biên, như vậy chưa được thoả-hiệp. Nhưng Trẫm nghĩ rằng đã tới cửa dãi tấm lòng thành, nên mới cho dùng hai chữ Việt-nam. Đặt chữ Việt lên trên, tỏ ý vẫn theo cương-thờ đời trước ; đặt chữ Nam ở dưới, đề biều-dương phiên-quốc mới được sắc-phong. Danh-hiệu tốt đẹp định xong, ân-huệ thừa-hưởng mãi mãi. Và lại dụ cho Tôn ủy-viên phái người hộ-tống sứ-giả tiến kinh, nhưng đi rất thông-thả đề tỏ ý Thiên-triều an-ủi kẻ phương xa.

Nay cứ như sứ-thần của ông kính đệ tờ biều và tiến-cống phương-vật, từ và ý tỏ niềm kính mến bởi chỗ chí-thành, nên Trẫm đã sai

(3) Bồi-thêm 陪 金 : cũng như bồi-thần, bày tội của chư-hầu.

(4) Tôn Ngọc-Đình 孫 玉 庭.

án-sát-sứ Quảng-tây là Tề mỗ (5) đem sắc ấn sang phong cho ông làm Việt-nam quốc-vương đề ban thêm sắc-dụ và cho các thứ tơ lụa...

Vậy ông nên siêng-năng đức-dộ, thận-trọng mưu-mô, võ-về nhân-dân, sửa-sang huấn-điền.

Ruộng chi (6) nhuần ân-trạch, an miền Xích-kiểu (7) đề hoà phương Nam.

Bề Quế (8) đốc lòng thành, mển chốn đan-trì (9) mà trông hướng Bắc.

(5) Tề Bó-Sâm.

(6) Ruộng chi : ruộng trồng cỏ chi 芝, một thứ cỏ thơm. Sách Thập châu ký 十洲記 chép : «Núi Chung-sơn ở Bắc-hải, có hàng vạn nhà người tiên cày ruộng trồng cỏ chi, gọi là chi-điền.»

(7) Xích-kiểu 赤嶽 : biên-cương đỏ, chỉ nước ta, cũng như Viêm-bang (xứ nóng), vì nước ta ở phương Nam là phương thuộc quẻ Ly (lửa).

(8) Bề Quế : miền Nam-hải sản-xuất quế nên gọi là Quế-hải.

(9) Đan-trì 丹墀 : thềm rồng sơn son.

Nơi sơn-trang đến triều-kiến, đã ban yến cho các bồi-thần.

Hồ Lãng-bạc hiển lòng thành, biết giữ lễ-nghi của thuộc-quốc.

Đường tuy xa cách, dạ trung tin ở nước ông.

Mưu có thủy chung, hiển-pháp dành cho con cháu,

Càng tỏ tấm lòng cung-thuận,

Ắt được khen thưởng lâu dài.

Kính thay ! lời dụ đặc-biệt này.

Và dưới đây là sắc - phong của vua nhà Thanh (dịch nghĩa) :

Phụng thiên thừa vận, Hoàng-đế chế viết :

Ban phạm-tước, chia đất-đai, đức hoài-nhu (10) suy ơn rộng khắp.

(10) *Hoài-nhu* 懷柔 : chính-sách hay đề dân gần mến, dân xa thuận-tùng. *Hoài* là làm cho họ tới với mình, *nhu* là làm cho họ được yên-ôn.

Nối nghiệp nhà, mở vận nước, cách tuyển-dụng nhằm bậc trung trình.

Tôi xa được dự hàng nhận (11), bốn bề chung cùng.

Phép lớn noi khắp cõi hồng (12), chư hầu bắt chước.

Nước thần-phục vào cống, đều theo quy-củ, tỏ dạ chân-thành.

Số dân-công ngày tăng, việc nước chăm lo, giữ gìn pháp-độ.

Đức cùng vũ-trụ, ơn thấm lê-dân.

Giữ đặng bình-an, chính nên trọng thưởng.

Họ Nguyễn ông :

Tên thông tượng-dịch (13), cõi tiếp Long-biên (14).

(11) *Hàng nhận* : triều-thần theo thứ-tự xếp hàng như đàn nhận bay.

(12) *Cõi hồng* : cõi rộng lớn, vì lấy chữ hồng đề đối với chữ nhận.

(13) *Tượng-dịch* 象 譯 : tượng là kẻ thông hiểu được tiếng nước ngoài, dịch là phiên-dịch, ý nói các nước phương Nam khi gửi sứ-bộ sang triều-cống Trung-quốc, phải qua mấy lần thông-ngôn để phiên-dịch quốc-thư.

(14) *Long-biên* 龍 編 : Theo *Đại Nam nhất-thống chí*, quyển 38, chép về tỉnh Bắc-ninh, thì phủ Thuận-an thuộc tỉnh Bắc-ninh là đất huyện Long-biên đời Hán. Như vậy, Long-biên không phải là Thăng-long tức Hà-nội bây giờ.

Dấy binh trước bởi phục-thù, diệt địch tự nơi sào-huyệt.

Oai trời lẫm-liệt, dẹp tắt sóng kình.

Bề rộng vượt qua, kính dâng chim trĩ (15).

Chăm bề hương-hoá, khen tấm trung-thành.

Chương số coi qua, chiếu thư ban xuống.

Đất Việt nằm ngay bên cạnh, cho giữ cơ-nghiệp tiền-nhân.

Cõi Nam đã mở rộng thêm, đáng hưởng ơn sâu phiện-quốc.

Danh không theo cũ, khu-vực đã chia rõ biên-cương.

Mệnh mới dựng nên, thần-vệ dốc một niềm cung-thuận.

Xe liêm-phủng vâng mệnh, cõi ngựa sứ đem ấn-tiết sang phong.

Cõi xa thăm đội ơn, ngoài nhật-biêu (16) nâng chiếu-thư lạy tạ.

Huyện Chu-diên (17) ghi dấu đồng-trụ, giữ bền-phận vào châu.

Sông Bạch-hạc (18) khơi dải tràng-giang, hợp lòng thành chống giữ.

(15) *Dâng chim trĩ* : Đời Chu Thành-vương năm thứ 6 (tân-mão, 1110 trước TL), người Việt-thường đến cống chim trĩ trắng cho nhà Chu. Sứ-giả quên đường về, Chu-công chế ra xe chỉ-nam cho sứ-giả về nước.

(16) *Ngoài nhật-biêu* 日表 : ngoài bóng mặt trời, chỉ miền rất xa.

(17) *Chu-diên* 朱 鷲 : thuộc tỉnh Sơn-tây ngày nay.

(18) *Bạch-hạc* 白 鶴 : thuộc tỉnh Vĩnh-yên.

Trung đồ - kinh ở niên-hiệu Cảnh - đức (19), xưa đóng Loa-thành (20).

Tra tước-hiệu từ niên-hiệu Thuần-hy (21), nay ban ấn-tín.

Hiển dụ phương-vật, kê cả của sáu nơi phiên-bang.

(19) *Cảnh-đức* 景德 (1004-1007) : một niên-hiệu của Tống Chân-tông. Năm Cảnh-đức thứ 4 (1007), Lê Long-Đĩnh sai em là Minh-Sửng sang nhà Tống dâng con tê trắng và dâng biểu xin cửu kinh cùng *Đại-tạng* kinh-văn.

(20) *Loa-thành* 螺城 : do Thục An-dương-vương xây xong vào khoảng năm 255 trước TL ; hiện còn di-tích ở làng Cờ-loa, thuộc huyện Đông-anh, tỉnh Vinh-phúc bây giờ.

(21) *Thuần-hy* 淳熙 (1174-1189) : một niên-hiệu của Tống Hiếu-tông. *Tống-sử* (quyển 34, tờ 10a) và *Việt-kiệu thư* (quyển 4, tờ 5a) chép việc nhà Tống thừa-nhận nước ta là An-nam quốc và phong cho Lý Anh-tông làm An-nam quốc-vương vào năm Thuần-hy thứ nhất (1174). *Đại Việt sử-ký tiền-biên* (bản-ký, quyển 4, tờ 20b-21a) và *Văn-hiến thông-khảo* (quyển 330, mục Giao-chi) lại chép vào năm Thuần-hy thứ 2 (1175). *Đại Việt sử-ký toàn-thư* (bản-ký, quyển 4, tờ 14a), *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục* (chính-biên, quyển 5, tờ 12a), *An-nam chí-lược* (hiệu-bản của Viện Đại-học Huế, phần chữ Hán, tr. 126), *An-nam chí-nguyên* (hiệu-bản của PQVĐHV, quyển 3, tr. 197) và *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biểu* (quyển hạ, tr. 44) đều chép việc này vào năm 1164 (Tống Hiếu-tông, Long-hưng thứ 2).

Kính thuận nhân thời, nhìn chốn minh-giai (22) theo chính-sóc (23).

Nay phong ông làm Việt-nam quốc-vương, ban cho ân mới.

Ôi ! luân-thường đó, giáo-huấn đó, một mình ta cố gắng đề nước an-ninh.

Đã có phể ất có hưng, các chư-hầu nên biết rằng mệnh kia chẳng đời.

Vậy nhà vua nên :

Kính trọng điền-hình, thêm lòng thuần-cần.

Vỗ-về một nước tân-tạo, an-hưởng trong cảnh đại-đồng.

Sẵn có đất-đại, cần-thận hiến-pháp, mọi việc đều thành.

Noi theo phép-tắc, giáo-hóa sửa-sang, chẳng đời phong tục.

Chuyên-nhất tấm lòng, thận-trọng mọi việc, cuộc sinh sinh tự có công-lao.

(22) *Minh-giai* 冥階 : thêm cỏ minh. Ngày xưa, ở thêm vua Nghiêu có thứ cỏ quý gọi là minh-giáp, từ ngày mồng 1 đến ngày 15 cứ mỗi ngày sinh một cộng, từ ngày 16 trở về sau đến cuối tháng cứ mỗi ngày héo đi một cộng. Người ta nhờ đó mà biết ngày tháng.

(23) *Chính-sóc* 正朔 : ngày mồng 1 tháng giêng. Nhà Hạ lấy ngày mồng 1 tháng Dần làm chính-sóc. Nhà Ân lấy ngày mồng 1 tháng Sửu làm chính-sóc. Nhà Chu lấy ngày mồng 1 tháng Tý làm chính-sóc. Từ Hán Vũ-đế về sau theo lịch nhà Hạ.

Việc quân chăm-sóc, gốc nước giữ yên, thì đời đời được hưởng phúc-đức.

Kính thay !

Ngày 21 tháng tám năm thứ tám hiệu Gia - khánh nước Đại Thanh.

Đến triều Minh-mệnh (1820—1840) quốc-hiệu nước ta được đổi làm Đại Nam. Tuy vậy, sử sách phần nhiều không chép rõ việc đổi tên nước làm Đại Nam vào năm nào. Thành thử các sử-gia như Nguyễn Văn-Tổ (24) và M. Durand

(24) NGUYỄN VĂN-TỔ, *Sử ta so với sử Tàu*, trong tuần-báo *Thanh-nghị*, năm thứ 4, số 79, ngày 19-8-1944, tr. 20, có đoạn như sau :

« Đến đời Minh-mạng đổi là Đại Nam. Xem *Đại Nam quốc-sử* « *diễn ca*, ngay trang đầu có chép rằng : « Trong đời Minh-mạng (1820—1840) triều vua ta, đổi làm Đại Nam = Hoàng triều Minh-mạng niên gian, cải vi Đại Nam. » Không thấy chép rõ về năm nào « nhưng cứ xem những giáy má về đời Minh-mạng, thì năm Minh-mạng thứ 14 (1833) đã thấy dùng chữ Đại Nam...

« Những sách chữ nho đề tên chữ Đại Nam, cũng bắt đầu « có từ năm ấy, như quyển *Đại Nam hội-diễn toát-yếu* (bản sao của « Trường Bác-cò số A-1446 và A-2254), trên có tờ tâu của Lục « Bộ đề ngày 2 tháng 12 năm 14 hiệu Minh-mạng, tức 1833, và « câu « Minh-mạng thập tứ niên khâm-định » (vua định năm thứ 14 « hiệu Minh-mạng).

(25) cũng chỉ viết một cách mơ-hồ rằng quốc-hiệu Đại Nam bắt đầu có từ triều Minh-mệnh.

Nay chúng tôi xem sách *Định-tập quốc-sử di-biên* 鼎輯國史遺編 (chép sử nhà Nguyễn từ 1802 đến 1847) của Dương-hạo-hiên PHAN THỨC-TRỰC 養浩軒潘叔直 (26), thì thấy chép như sau : « Năm mậu-tuất [Minh-mệnh] thứ 19 (1838), tháng 3, ngày mồng 2, đổi tên nước là Đại Nam. Lời chiếu đại-lược nói rằng : Đức Triệu-tổ dựng nên cơ-nghiệp ở cõi Nam, đức Thế-tổ lấy được cả đất Việt-thường, nhân-dân thêm đông, lãnh-thổ thêm rộng ; nay đổi tên nước là Đại Nam, kể từ năm [Minh-mệnh] thứ 20, hoặc gọi là nước Đại Việt-nam cũng được. » (27).

« Nếu thế, có thể nói rằng : tên nước ta đổi làm Đại Nam « vào khoảng 1820 — 1833. »

(25) PIERRE HUARD et MAURICE DURAND, *Connaissance du Việt-nam*, Paris, Imprimerie nationale, 1954, p. 37 : «Le royaume s' appelle Việt-nam de 1802 à 1820, Đại Nam à partir de 1820. »

(26) Phan Thúc-Trực : người ở An-thành, thuộc tỉnh Nghệ-an ; đỗ thám-hoa (đệ-nhất giáp tiến-sĩ cập đệ đệ-tam danh) năm Thiệu-trị thứ 7 (1847), bổ Hàn-lâm-viện trước-tác. Năm Tự-đức thứ 1 (1848), ông được khâm-tứ vào làm việc tại Nội-các, rồi thiên chức thị-giảng tại Viện Tập-hiền, sung Kinh-diên khởi-cư-chú. Năm Tự-

Như vậy là danh-xưng Đại Nam bắt đầu có từ năm 1838, nhưng đến năm 1839 mới được chính-thức dùng trong các công-văn.

đức thứ 4 (1851), ông phụng chiếu đi Bắc-kỳ tìm những sách cũ còn sót lại ; qua năm sau (1852), về đến Thanh-hoá thì mắc bệnh mà mất, được truy thụ thị-giảng học-sĩ. Ngoài bộ *Đình-tập quốc-sử di-biên*, ông còn có soạn những sách : *Diễn-châu phủ chí* 濱州府志, *Cầm-đình hiệu tần thi tập* 錦亭效顰詩集, *Bắc hành nhật lan phở thi tập* 北行日蘭譜詩集. (Xem *Đại Nam chính-biên liệt-truyện* 大南正編列傳, nhị tập, quyền 36, tờ 6a-7a).

(27) 戊戌十九年 [...] 三月二日 初改國號大南 詔畧曰 肇祖肇基 南服暨世 祖奄有越裳 戴髮含齒 共入版圖 海澨山陬 皆歸率土 其改國號曰大南 以二十年為始 或稱大越南國亦宜 (*Đình-tập quốc-sử di-biên*, bản vi-ảnh của PQVĐHV, số A.1045, tập trung, tờ 166-167).



Đại Nam thời Minh-mệnh

SÁCH-DẪN

Bảng liệt-kê những tên đất, tên người, tên tác-phẩm (sách và bài nghiên-cứu đăng trong báo chí) có nhắc tới trong sách này. Tên đất và tên người in chữ đứng, tên tác-phẩm in chữ nghiêng.

A

Ái-châu : 11, 12, 13, 51, 52,
55, 56, 81.

Ái-lưu-quan : 105, 106.

An-bang : 11.

An-hưng : 57.

An-nam : 7, 8, 9, 10, 11,
12, 13, 14, 15, 16, 17,
18, 19, 20, 21, 22, 23, 25,
26, 29, 30, 31, 35, 36, 39,
41, 45, 62, 63, 73, 74, 75,
76, 86, 98, 99, 101, 103,
106, 107, 111, 116.

An-nam chí : 86.

An-nam chí-lược : 8, 18, 22,
29, 31, 35, 36, 39, 41, 52,
53, 56, 57, 61, 69, 70,
73, 75, 77, 80, 81, 82, 84,
86, 87, 89, 91, 92, 93, 99,
116.

An-nam chí-nguyên : 8, 18, 22,
31, 35, 36, 38, 40, 41,
42, 45, 47, 48, 53, 56,
57, 61, 68, 70, 73, 75,
78, 80, 81, 82, 84, 86,
87, 90, 91, 92, 93, 99,
116.

An-nam ký-yếu : 51.

An-nam quốc : 95, 99, 107,
116.

An-thành : 119.

An-thuận : 11.

Art vietnamien (L') : 37.

À

Ân-long : 12.

B

Bác-bạch : 30.

Bạch-châu : 61.

Bạch-đăng : 54, 57, 83, 84,
85.

Bạch-hạc : 12, 67, 115.

Bảo-đột : 101.

Bảo-ninh đại-vương : 101.

Bảo-thái : 80.

Bắc-hải : 111.

Bắc hành nhật lan phở thi tập :
120.

Bắc-ninh : 13, 57, 67, 91,
114.

Bắc-Tống : 100.

Bắc-thuộc thời-kỳ dịch Việt-nam :
13, 17, 62.

Bezacier (L.) : 37.

Bi-la-các : 24, 25.

Biện-kinh : 100.

Bình-đạo : 11.

Bình-định-vương : 104.

Bình-giang : 50.

Bình-kiều : 68.

Bình-tây : 11.

Bình-vương : 65, 66.

Bồ-dương : 11.

Bổ-hải-khẩu : 67, 68, 69.

Bộ Chất : 16.

Bộ-Lĩnh : 69, 70, 71, 74, 75.

Bùi Uyên : 28.

C

Các-la-phượng : 25.

Cadière (L.) : 93.

Cam-lâm : 67.

Cảnh-đức : 116.

Cảnh-nguyên : 20.

Cảnh-phúc : 42.

Cao Bảo-Tự : 74.

Cao Biền : 30, 31, 35, 36,
 37, 38.
 Cao Hùng-Trung : 86.
 Cao-lương : 16.
 Cao-sơn : 11.
 Cao Tầm : 37, 38.
 Cao Thăng-Thái : 26.
 Cao-vọng : 102.
Cầm-định hiệu tần thi tập : 120.
 Cầm-kê : 67.
Connaissance du Việt-nam :
 117.
 Cổ Hưng-Tồ : 105, 106.
 Cổ Phúc : 105, 106.
 Cồ-loa : 58, 116.
 Cồ-lộng : 105.
 Cồ-pháp : 91.
 Cung-tông : 18.
Cương-mục : xem *Khâm-định Việt-*
sử thông-giám cương-mục (Cm).
Cương-mục tục-biên : 76.
 Cửu-chân : 10, 11, 12, 13, 14,
 15, 27, 28.
 Cửu-đức : 11,

Cửu Đường-thư : 9, 10, 12, 21,
 26, 29, 30, 35, 45, 46.
Cửu Ngũ-dại sử : 43, 45, 48, 50.

CH

Chân-lạp : 110.
 Chi-châu : 11, 13.
 Chi-lãng : 83.
 Chi-đạo : 87, 88.
 Chi-đức : 18.
 Chiết-giang : 100, 101.
China Review : 27.
 Chính-long-bảo-ứng : 62, 98,
 99.
 Chính-minh : 48, 49.
Chính tự thông : 81.
 Chính-thủy : 19.
 Chu-cốc sơn : 57.
 Chu-công : 115.
Chu Dịch : 48.
 Chu-diên : 11, 115.
 Chu Khứ-Phi : 28.
 Chu Toàn-Dục : 41, 42, 43,
 44, 46.
 Chu Toàn-Trung : 42, 43, 45,
 46.

Chu Thành-vương : 115.
 Chu Thế-tông : 60.
Chu thư : 81.
 Chu Văn-vương : 107.
 Chu Vũ-vương : 101.
 Chung-sơn : 112.
 Chư-cát Lượng : 24.
 Chương Dĩnh : 93.

D

Deux itinéraires de Chine en Inde : 27.

Đị-mâu-tâm : 25.
 Diên-hy : 19.
 Diên-khang : 16.
 Diễn-châu : 12, 13, 101.
Diễn-châu phủ chí : 120.
 Doãn Tử-Tur : 99.
 Duệ-tông : 101.
 Durand (Maurice) : 8, 118, 119.
 Dương Can-Chân : 26.
 Dương Cát-Lợi : 65, 66.

Dương Diên-Nghệ : 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 69.
 Dương Đĩnh-Nghệ : 49, 51, 52.
 Dương-hậu : 65.
 Dương Huy : 69.
 Dương Tam-Kha : 65, 66, 68.
 Dương-tà-mị : 25.
 Dương-tuyền : 11.
 Dương Thái-hậu : 78, 79.
 Dương-xá : 65.
 Dưỡng-hạo-hiền : 119.

Đ

Đa-la-trĩ : 85.
 Đa-vân : 12.
 Đài-lĩnh : 27.
 Đại Cờ-Việt : 65, 70, 78, 84.
 Đại-dũ : 27, 28.
 Đại-hành : 81.
 Đại-hoàng : 69.
Đại-học (tạp-chí) : 62.
 Đại-la : 36, 37.
 Đại-lễ : 25.
 Đại-lý : 26.

Đại-lịch : 22, 23, 36.
 Đại Nam : 8, 109, 118, 119,
 120, 121.
 Đại Nam chính-biên liệt-
 truyện : 120.
 Đại Nam hội-diễn sự-lệ : 109.
 Đại Nam hội-diễn toát-yếu : 118.
 Đại Nam nhất-thống chí :
 11, 12, 114.
 Đại Nam quốc-sử diễn-ca : 118.
 Đại Nam thực-lục chính-biên :
 109, 110.
 Đại Ngu : 97, 101, 102.
 Đại-nghĩa-ninh : 26.
 Đại-tạng : 116.
 Đại Thanh : 110, 118.
 Đại Thanh Nhân-tông Duệ-hoàng-
 đế thực-lục : 110.
 Đại-thiên-hưng : 26.
 Đại-thuận : 40, 41.
 Đại-trung-quốc : 26.
 Đại-trung-tường-phù : 92.
 Đại-trường-hòa : 26.
 Đại Việt : 97, 98, 101, 105.
 Đại Việt-nam : 119.
 Đại Việt sử-ký bản-ký : 104.

Đại Việt sử-ký bản-ký thực-lục :
 104, 107.

Đại Việt sử-ký tiền-biên : 7, 8,
 9, 15, 16, 20, 21, 22, 23,
 27, 28, 30, 31, 35, 36, 38,
 39, 41, 43, 45, 47, 48,
 50, 52, 53, 54, 56, 57, 59,
 60, 62, 65, 66, 68, 70, 72,
 73, 75, 78, 80, 81, 83, 86,
 87, 88, 89, 90, 91, 92, 93,
 97, 98, 101, 102, 104.

Đại Việt sử-ký toàn-thư : 8, 9,
 12, 15, 16, 20, 21, 22, 23,
 27, 30, 31, 35, 36, 37, 39,
 41, 45, 46, 47, 48, 51, 53,
 54, 56, 57, 58, 59, 60, 62,
 65, 66, 68, 70, 72, 73,
 75, 78, 80, 81, 83, 86, 87,
 89, 90, 91, 92, 93, 97, 98,
 99, 101, 102, 103, 104, 116.

Đào Cam-Mộc : 91.

Đảo-mã-pha : 105.

Đạo-châu : 28.

Đằng-châu : 68, 69.

Đặng Chất : 74.

Đặng Đức-Minh : 27.

- Đặng Tuân : 21.
Địa-dư chí : 10.
Địa-lý chí : 9.
 Điều-lộ : 9, 10.
 Đinh Bộ-Lĩnh : 69, 70, 71, 75.
 Đinh Công-Trứ : 69.
 Đinh Điền : 77, 78.
 Đinh Liễn : 72, 73, 74, 75, 76,
 77, 78, 81.
 Đinh Tiên-hoàng : 70, 71, 72,
 73, 74, 76, 77, 78.
 Đinh Tuyên (Duệ) : 77, 78, 79,
 80, 82.
 Đinh Thừa-Chính : 88.
Đình-tập quốc-sử di-biên : 8, 119,
 120.
 Doan-củng : 86, 87.
 Doan-lễ : 57.
 Đoàn Bồng : 102.
 Đoàn Chính-Thuần : 26.
 Đoàn Minh : 26.
 Đoàn Tư-Bình : 26.
 Đô-bàng (lung) : 27.
 Đỗ Cảnh-công : 68,
 Đỗ Cảnh-Thạc : 65, 66, 68, 69.
 Đỗ-động-giang : 68, 70.
 Đỗ Thích : 77, 78.
 Độc-cô Tồn : 45.
 Đông-anh : 58, 116.
 Đông-đạo : 27.
 Đông-đô : 105.
Đông-đô sự lược : 76.
 Đông-ngạn : 91.
 Đông-quan : 106.
 Đông-sơn : 65.
 Đông-giang : 68, 69.
 Đông-quang : 45.
 Đông-thái : 11.
 Đông Nguyên : 14.
 Đường Ai-đế : 46.
 Đường Cao-tông : 9, 24.
 Đường Chiêu-tông : 41, 43.
 Đường Chiêu-tuyên-đế : 40, 46.
 Đường Đại-tông : 12, 22, 36.
 Đường Đức-tông : 37.
 Đường Hy-tông : 37, 38, 39,
 40, 41.
 Đường Hiến-tông : 37.
Đường-hội yếu : 10.
 Đường Huyền-tông : 24, 25.

Đường-lâm : 11, 55, 67, 68, 69.
 Đường Mục-tông : 37.
 Đường-nguyễn : 66.
 Đường Túc-tông : 19.
 Đường Văn-tông : 25.
 Đường Ý-tông : 23, 37.

GI

Gia-bình : 103.
 Gia-độc-bàng : 24.
 Gia-long : 109, 110.
 Gia-ninh : 11.
 Gia-viễn : 70.
 Giả Thục : 79, 85.
 Giang Cự-Vọng : 82.
 Giang-tây : 28.
 Giang-tô : 102.
 Giao-châu : 9, 10, 11, 12, 13, 14,
 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21,
 22, 27, 29, 31, 35, 37, 42,
 43, 45, 47, 49, 51, 52, 58,
 59, 61, 74, 79, 81, 84, 85,
 89, 103.
 Giao-châu ký : 41.

Giao-chỉ : 10, 11, 12, 14, 15, 17,
 18, 20, 21, 29, 37, 49, 52,
 53, 62, 72, 75, 76, 80, 84,
 87, 88, 89, 90, 92, 93, 98,
 103, 105, 106, 107, 116.

Giao-nam : 14, 16, 17.

*Giáo-sư Naojiro Sugimoto và học
 thuyết trong cuốn sách mới của
 tiên-sinh : Nghiên-cứu về lịch-
 sử Đông-Nam Á : 62.*

H

Hà-bắc : 100.
 Hà-đông : 67.
 Hà-nam : 43.
 Hà-nội : 13, 37.
 Hà-tĩnh : 13, 102.
 Hạ-hầu Tư : 30.
 Hạ Vũ : 107.
 Hải-dương : 30, 50, 57, 65.
 Hải-môn : 29, 30, 31, 53,
 55, 58.
 Hàm-hy : 14.
 Hàm-hoan : 11.
 Hàm-thông : 23, 26, 28, 29, 35.
 Hán Hiến-đế : 23.

Hán-Thương : 102, 103.

Hán Thương-đế : 74.

Hán Vũ-đế : 117.

Hàng-châu : 100.

Hạng-Lang : 73.

Hân-thành : 11.

Hầu Nhân-Bảo : 79, 82, 83,
85.

Hầu Nhân-Quý : 84, 85.

Hậu-Đường Trang-tông : 45.

Hậu-Lê dã-sử : 110.

Hiền-đức : 60.

Histoire des princes du Yan-
nan : 27.

Hoa-lư : 69, 70, 72, 83.

Hoa-thanh : 10, 11.

Hoài-hoan : 11, 12.

Hoan-châu : 10, 11, 12, 13,
69.

Hoàng Ngọc-Uần : 109.

Hoàng Phúc : 104.

Hoàng Thành-Nhã : 89.

Hoàng-Việt giáp-tý niên-biểu :
10, 20, 22, 23, 27, 31, 38,

39, 41, 42, 45, 47, 48,
52, 57, 59, 73, 86, 87,
91, 93, 99, 110, 116.

Hoàng-vũ : 19.

Hoắc Dực : 14, 15.

Hoàng-giản lục : 10.

Hoàng-Tháo : 53, 54, 56, 57,
59, 60.

Hồ-công : 101.

Hồ Đổ : 102, 103.

Hồ Hại : 103.

Hồ Hưng-Dật : 101.

Hồ Liêm : 101.

Hồ-nam : 28.

Hồ Nguyên-Trùng : 102.

Hồ Nhất-Nguyên : 103.

Hồ Quý-Ly : 101, 102, 103.

Hồi-hồ : 67, 68, 69.

Hồng-châu : 50.

Hồng-Tháo : 58, 61.

Hợp-phố : 14, 15.

Huard (Pierre) : 119.

Hứa Trọng-Tuyên : 83, 84, 85.

Hưng-hóa : 13.

Hưng-yên : 68.

I, Y

Invasion thaie en Indochine (L') :
27.

Yết-dương : 28.

K

Kỳ-anh : 102.

Kỳ-bố : 67.

Kỳ-thường : 11.

Kỳ-lục vị-biên : 26, 102.

Kỳ-diền : 27.

Kiên-đức : 63.

Kiên-hanh : 46, 47, 98.

Kiên-Hưng : 65.

Kiên-phù : 37, 38, 40, 41.

Kiên-phù-hữu-đạo : 93.

Kiến-an : 23.

Kiến-tân : 100.

Kiến-xương : 103.

Kiều-bình : 69.

Kiều Tri-Tá : 69.

Kiều Công-Hãn : 67.

Kiều Công-Tiện : 51, 52, 53,
54, 55, 56, 58, 59.

Kiều Lĩnh-công : 67.

Kiều Tam-chế : 67.

Kiều Thuận : 67.

Kim-động : 68.

Kim-lăng : 26, 102, 103.

Kim-thành : 65.

KH

Khai-bảo : 72, 74, 75.

Khai-bình : 42.

Khai-diệu : 10.

Khai-nguyên : 24.

Khai-phong : 100.

Khang-hy tự-diền : 25, 43.

Khang Thừa-Huấn : 27, 28.

Khâm-châu : 10.

*Khâm - định Việt - sử thông - giám
cương-mục* hoặc *Việt-sử thông-
giám cương-mục* (viết tắt

Cương-mục hoặc *Cm*) : 7,
8, 9, 10, 11, 12, 13, 14,
16, 18, 20, 21, 22, 23,
27, 28, 29, 30, 31, 35,
36, 38, 41, 42, 44,
46, 47, 48, 51, 53, 54,
55, 56, 57, 58, 60, 62,
65, 66, 67, 68, 70, 72,
73, 75, 76, 78, 80,

81, 82, 83, 86, 87, 88,
89, 90, 91, 92, 93, 97,
98, 101, 102, 104, 107,
116.

Khúc Hạo : 42, 43, 44, 45,
47, 48, 52, 54.

Khúc Thừa-Dụ : 38, 39, 40,
41, 42, 44, 45, 46.

Khúc Thừa-Mỹ : 43, 44, 46,
47, 48, 49, 50, 51, 52, 53.

L

La Nhữ-Kính : 106.

La-thành : 36, 37.

La-thiều : 11.

La-thịnh : 24.

Lạc-diễm : 12.

Lạc-quang : 11,

Lãng-bạc : 113.

Lãng-bạc sơn : 83.

Lạng-giang : 103.

Lạng-sơn : 13, 82, 103.

Lâm-an : 100.

Lâm-giang : 12.

Lâm-hạ : 28.

Lâm-thao : 12.

Lefèvre-Pontalis (Pierre) :
27.

Lê-bình : 70.

Lê Chính-Lộ : 109.

Lê Đại-hành : 80, 81, 83, 84,
85, 86, 87, 88, 89,
90.

Lê Hoàn : 77, 78, 79, 80, 81,
82, 85, 89, 90.

Lê Huấn : 101.

Lê Lợi : 104, 105, 106, 107.

Lê Ngoạ-triều : 90.

Lê Quang-Định : 109.

Lê Quý-Ly : 100.

Lê Trung-tông : 91.

Lê Văn-Hưu : 59.

Lý Anh-tông : 62, 98, 99,
116.

Lý Bang-Chính : 99.

Lý Bôn (Bí) : 60.

Lý Công-Uân : 91, 92.

Lý Cư-Giản : 87.

Lý Dư : 61.

Lý Đào : 63.

Lý Độ : 86.

- Lý Hòa-Thuận : 49.
 Lý Kỳ : 106.
 Lý Kiến-Trung : 88.
 Lý Khánh : 105, 106.
 Lý Khánh-Văn : 91.
 Lý Khắc-Chính : 46, 47, 48,
 51, 52, 53, 54.
 Lý Khuê : 67.
 Lý Lãng-công : 67.
 Lý Nguyên-Gia : 37.
 Lý Nhậm : 105, 106.
 Lý Nhân-tông : 61, 98.
 Lý Nhược-Chuyết : 88, 89.
 Lý Phật-Mã : 92.
 Lý Tiến : 47, 50, 51.
 Lý Tông-Phưởng : 106.
 Lý Thái-tổ : 91, 92, 93, 97,
 98.
 Lý Thái-tông : 61, 97,
 98.
 Lý Thánh-tông : 61, 97,
 98, 101.
 Lý Thần-tông : 61, 98.
 Lý Thủ-Dụng : 49, 52.
 Lý Tri-Thuận : 50.
Lịch - triều hiên - chương loại-
chí : 10.
 Liễu Thăng : 102, 105, 106.
 Lĩnh-biêu : 49.
 Lĩnh-nam : 24, 27, 29, 74,
 76.
Lĩnh-ngoại đại đáp : 28.
 Loa-thành : 116.
 Long-biên : 11, 14, 114.
 Long-Đĩnh : 90, 91, 116.
 Long-đức : 45.
 Long-hưng : 99, 116.
 Long-Kính : 90.
 Long-Thâu : 90.
 Long-thụy-thái-bình : 97.
 Long-Tri : 12.
 Long-Việt : 90.
 Lỗ Lân : 102.
 Lục-châu : 10, 11, 13.
 Lục Dận : 12, 13, 14, 15,
 16, 17, 18, 19.
 Lục Duyệt : 12, 18.

- Lục-dầu : 57.
 Lư Đa-Tổn : 79, 82.
 Lư Tập : 80.
 Lữ Đại : 7, 12, 13, 14, 15,
 16, 17, 19, 22.
 Lữ Đường : 67.
 Lữ Hưng : 7, 11, 12, 13,
 14, 15, 16, 17, 20, 21.
 Lữ Nghị : 104.
 Lữ Sĩ-Bảng : 13, 17, 62.
 Lữ Tá-công : 67, 68.
 Lương Khắc-Chân : 52.
 Lương Khắc-Chinh : 48.
 Lương Khắc-Trình : 49.
 Lương Mạt-đế : 43, 45, 47,
 98.
 Lương Minh : 105, 106.
 Lương-sơn : 12.
 Lương Thái-tổ : 42, 45.
 Lương Vũ-đế : 13.
 Lưu Ân : 44, 45, 46.
 Lưu Cung : 45, 48, 53, 54,
 56, 57.
 Lưu Hoảng-Tháo : 53, 54,
 56, 57, 60.
 Lưu Nghiễm : 47, 48, 49, 50,
 52, 58, 59, 61, 98.
 Lưu Nham : 46.
 Lưu Sưởng : 60.
 Lưu Tử-Phụ : 105, 106.
 Lưu Thịnh : 59, 60, 61.
 Lưu Thuận : 105, 106.
 Lưu Trắc : 48.
 Lưu Trùng : 79, 82, 83, 84, 85.
- M**
- Mã Anh : 104.
 Mã Kỳ : 104.
 Mạc Quan-Phù : 109.
 Manh-chử : 28.
 Maspéro (H.) : 10.
 Mân-châu : 89.
 Mỹ-giang : 57.
 Minh-đạo : 93.
 Minh-đức môn : 88.
 Minh-mệnh : 118, 119, 121.
Minh-sử : 104, 105.
Minh-sử ký-sự : 102.

Minh-Sương : 116.
 Mông-cổ : 48.
 Mông-xá Long : 24.

N

Nam-an : 28.
 Nam-chiếu : 23, 24, 25, 26,
 28, 29, 30, 31, 35, 39,
 40, 41.
 Nam-định : 11, 13.
 Nam-giao : 10.
 Nam-hải : 12, 14, 15, 16.
 Nam-Hán : 43, 45, 46, 47, 48,
 50, 52, 53, 54, 56, 57, 59,
 60, 72, 98.
 Nam-hùng : 28.
 Nam-Hung : 65.
 Nam-kinh : 102.
Nam-khang ký : 27.
 Nam-sách : 65.
 Nam-tấn-vương : 59, 67, 68, 71.
 Nam-Tống : 100.
 Nam-triệu : 57.
 Nam-Việt : 110, 111.
 Nam-Việt-vương : 71, 72, 74,
 76, 77, 81.
Nan-tchao ye-che : 27.

Naojiro Sugimoto : 8, 62.
 Ninh-bình : 13, 70.
 Ninh-giang : 50, 83.
 Ninh-hải : 10, 11.

NG

Ngân-Tịch : 90.
 Nghệ-an : 13, 101, 119.
 Nghệ-tông : 101.
Ngô-chí : 7, 15, 17, 21, 22.
 Ngô Lãm-công : 67.
 Ngô Mân : 55.
 Ngô Nhân-Tĩnh : 109.
 Ngô Nhật-Khánh : 67.
 Ngô Quyền : 8, 52, 53, 54, 55,
 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62,
 65, 66, 69.
 Ngô Sĩ-Liên : 60.
 Ngô Thi-Sĩ : 59, 99.
 Ngô Xử-Bình : 69.
 Ngô Xương-Ngập : 8, 59, 61,
 62, 65, 66.
 Ngô Xương-Tuấn : 8, 61, 62.
 Ngô Xương-Văn : 59, 60, 62,
 63, 66, 67.

Ngô Xương-Xí : 67, 68.
 Ngu Yên : 101.
 Ngu Thuấn : 101.
Ngũ-dại sử : 63.
 Ngũ-linh : 27, 28.
Nguy-chí : 20.
 Nguy Trường : 86.
 Nguyễn-hòa : 37.
Nguyễn-hòa quận huyện chí : 21,
 23.
 Nguyễn-hưng : 14.
 Nguyễn-phù : 26.
Nguyễn-sử : 26.
 Nguyễn-Trùng : 102.
 Nguyễn Bặc : 77, 78.
 Nguyễn Công-Khoan : 68, 69.
 Nguyễn Du-Dịch : 68, 69.
 Nguyễn Gia-Cát : 109.
 Nguyễn-gia-loan : 68, 69.
 Nguyễn Hy-công : 68, 69.
 Nguyễn Hữu-công : 67.
 Nguyễn Khoan : 67.

Nguyễn Lang-công : 68, 69.
 Nguyễn Ngạn-Quang : 102.
 Nguyễn Quang-Toản : 111.
 Nguyễn Siêu : 67.
 Nguyễn Tử-Du : 73.
 Nguyễn Thái-bình : 67.
 Nguyễn Thủ-Tiếp : 67.
 Nguyễn Văn-Tố : 7, 8, 11, 17,
 50, 118.

NH

Nhạc Sử : 10.
 Nhật-nam : 11, 12, 14, 15,
 Nhật-Tôn : 97.
 Nhị-hà : 104.
Nhu-viễn : 13.
 Như-hồng : 89.
 Như-mã : 12.
 Như-tích : 89.

Ô

Ô-lôi : 10, 11.

P

Parker : 26.
 Pelliot (P.) : 27.

PH

Phạm Bạch-Hồ : 67.
 Phạm Cự-Lượng : 79.
 Phạm Lĩnh-công : 65.
 Phạm Lục-Tài : 102.
 Phạm Phòng-át : 67, 68, 69.
 Phan Huy-Chú : 10.
 Phan Mỹ : 72, 74.
 Phan Thúc-Trực : 8, 119.
 Phan Cốc : 14.
 Phật-Mã : 93.
 Phiên-ngung : 14, 15, 44, 45.
 Phong-châu : 10, 11, 12, 13,
 67, 68, 69.
 Phổ-dương : 11.
 Phổ-thông : 13.
 Phú-xuyên : 11.
 Phúc-yên : 58.
 Phúc-kiến : 28.
 Phúc-lộc : 55.
 Phúc-lộc châu : 10, 11, 13.

Phúc-thọ : 55; 67.

Phùng Tri : 105.

Phương Chính : 104.

Phương Dĩ-Tri : 28.

*Protectorat général d'Annam sous
 les T'ang (Le) : 10.*

Q

Quách Quân-Biên : 83, 86.

*Quan ư Ngũ-đại Tổng sơ An-nam
 chi thổ-hào Ngô-thị : 8, 62.*

Quảng-châu : 14, 44, 45, 47,
 49, 89, 98.

Quảng-châu ký : 28.

Quảng-đông : 27, 28, 89, 109,
 110.

Quảng-đức : 12.

Quảng-yên : 11, 13, 57, 89.

Quảng-minh : 38, 39, 40.

Quảng-oai : 103.

Quảng-tây : 27, 28, 30, 89,
 99, 110, 111, 112.

Quân-ninh : 11.

Quế-dương : 16, 27, 28.
 Quy-đức : 43.
 Quy-hóa : 103.
 Quy-Mãn : 101.
 Quy-Nghĩa : 25.
 Quý-châu : 100.
 Quý-Tỳ : 102.
 Quỳnh-lưu : 101.
Quốc-triều chính-biên toát-yếu :
 109, 110.

R

Rocher (E.) : 27.

S

Sainson (Camille) : 27.
 Sam-bản Trục-trị-lang : 62.
 Sĩ Nhiếp : 22, 23.
 Siêu-loại : 67, 68, 69.
 Sơn-dông : 27.
 Sơn-tây : 12, 13, 55, 66, 67,
 115.
 Sơn Thọ : 104.
 Sugimoto : 62 (Xem Naojiro
 Sugimoto).

Sùng-bình : 11.

Sùng-hưng-đại-bảo : 97.

Sùng-văn-sử : 53.

Sử An : 106.

Sử-ký : xem *Đại Việt sử-ký
tiền-biên (Sk)*.

Sử ta so với sử Tàu : 21, 50,
118.

T

*Tableau chronologique des dynasties
annamites* : 93.

Tam-đái : 67.

Tam-giang : 103.

Tam-Kha : 66.

Tam-quốc chí : 7, 15, 17, 20,
21, 22.

Tam-thanh : 48.

Tăng Cồn : 38, 39, 40, 41,
42, 43, 44, 50.

Tây-đạo : 25.

Tây-đồ : 105.

Tây-kết : 83.

Tây-phù-liệt : 67.

- Tây-tạng : 25.
 Tây-Việt : 110.
 Tây-xuyên : 37, 38.
 Tân-an : 104.
 Tân-bình : 104.
 Tân Đường-thư : 9, 10, 12,
 21, 23, 26, 31, 35, 36,
 38, 45, 46.
 Tân-hung : 13.
 Tân Ngũ-đại sử : 8, 43, 47, 48,
 49, 52, 57, 60, 98.
 Tân Nguyên-sử : 26.
 Tân-xương : 11.
 Tề Bổ-Sâm : 110, 112.
 Tế-giang : 67, 68, 69.
 Tế-nô-la : 24.
 Tiên-du : 67, 68, 69.
 Tiền Bác : 16.
 Tiêu Ích : 53.
 Tĩnh-giang : 28.
 Tĩnh-hải : 35, 36, 37, 39, 41,
 42, 44, 45, 46, 52, 56, 59,
 60, 61, 63, 73, 76, 86, 90,
 92, 93.
 Toàn-châu : 28.
 Toàn-thư : xem Đại Việt sử-ký
 toàn-thư (Tth).
 Toàn Việt thi : 103.
 T'oung pao : 27.
 Tô-lich : 37.
 Tôn Ngọc-Đình : 111.
 Tôn Quyền : 16.
 Tôn Toàn-Hung : 82, 84, 85.
 Tôn Tư : 14, 15, 20, 21.
 Tống-bình : 11.
 Tống Cao-tông : 100.
 Tống Chân-tông : 92, 116.
 Tống-châu : 43.
 Tống Hạo : 87.
 Tống Hiếu-tông : 99, 116.
 Tống Huy-tông : 100.
 Tống Khâm-tông : 100.
 Tống Nhân-tông : 93.
 Tống Nhung : 26, 27.
 Tống-sử : 74, 75, 82, 84, 86,
 87, 91, 92, 93, 99, 100,
 116.
 Tống Thái-tổ : 72, 74, 100.
 Tống Thái-tông : 77, 81, 85,
 86, 87, 88.

Tống Triết-tông : 26.
 Tù-Long : 39.
 Tù-Pháp : 39.
 Tuần-mai : 28.
Tục Tư-trị thông-giám trường-
biên : 63.
 Tuyên-đức : 105, 106.
 Tuyên-hóa : 103.
 Tuyên-quang : 11, 13.
 Tư-long : 12.
 Tư-nông : 12.
Tư - trị thông - giám : 39, 41,
 98.
Từ-hải : 27, 28, 36, 37, 74,
 81.
 Từ-liêm : 66.
Từ-nguyên : 27, 28, 36, 37,
 81.
 Từ-xuyên : 24, 37.
 Tự-đức : 60, 119.

TH

Thái-bình : 11, 66, 67, 72, 74,
 77.
Thái-bình hoàn-vũ ký : 9, 10,
 21, 23.
 Thái-bình-hưng-quốc : 77,

80, 81, 84.
 Thái-hòa : 25.
 Thái Kinh : 24, 25, 29.
 Thái-nguyên : 11, 13, 103.
 Thái Tập : 23, 26, 29, 30.
 Thang-châu : 10, 11, 12.
 Thang-tuyền : 11.
 Thanh-hóa : 10, 13, 28, 65,
 101, 103, 120.
 Thanh-liêm : 80.
Thanh-nghị : 11, 21, 50, 118.
Thanh nhất-thống chí : 10, 30,
 37.
 Thanh-oi : 68.
 Thanh-trì : 67.
 Thành-tổ : 102.
 Thánh-nguyên : 101.
 Thăng-hoa : 103.
Thập châu ký : 112.
The old Thai or Shan empire of
Western Yunnan : 27.
 Thế-tổ : 119.
 Thiên-cảm-thành-võ : 98.

Thiên-chương-bảo-tự : 98.
 Thiên-hựu : 39, 42, 43, 46.
 Thiên-phúc : 81, 82, 83, 85.
 Thiên-sách-vương : 66, 67, 71.
 Thiên-thành : 93.
 Thiên-thánh : 93.
 Thiệu Hồng : 49.
 Thiệu-trị : 119.
 Thịnh-la-bì : 24.
 Thoán Cốc : 14, 15.
 Thổ-phiên : 25.
 Thời Tá-Thi : 25.
 Thời Tự : 105, 106.
 Thông-thuy : 93.
 Thuần-hy : 99, 100, 116.
 Thuần-hóa : 87.
 Thuận-an : 114.
 Thuận-hóa : 103.
 Thuận - thiên : 60, 91, 92,
 97.
 Thục An-dương-vương : 116.
 Thục-Hán : 24.
 Thủy-an : 28.
 Thủy-đường : 57.
 Thừa-Dụ : 50.
 Thừa-hóa : 11,

Thừa-Mỹ : 44, 46, 47, 48, 49,
 50, 51.
 Thương-ngò : 12, 14, 15.
 Thương Thang : 107.

TR

Trà-hương : 65.
 Trần Bá-Tiên : 60.
 Trần Bảo : 50, 51.
 Trần Cảo : 106.
 Trần Kiến : 103.
 Trần Kinh-Hòa : 62.
 Trần Khâm-Tộ : 79, 82, 83.
 Trần Lãm : 67.
 Trần Minh-công : 67, 68, 69.
 Trần Minh-tông : 101.
 Trần Nghiêu-Tàu : 88.
 Trần Quốc-Tuấn : 57.
 Trần Sĩ-Long : 88.
 Trần Tú : 106.
 Trần Thiếu-đế : 100.
 Trấn-nam : 9, 19, 20, 21, 22, 23.
 Trấn-viễn-hầu : 105, 106.
 Triều-dương : 89.
 Triệu Ân : 19.
 Triệu Khuông-Dận : 100.

Triệu-nga dịch : 104.
 Triệu Phụng-Huân : 83, 86.
 Triệu Quang-Phục : 60.
 Triệu-tổ : 119.
 Triệu Thiện-Chính : 26.
 Triệu Xương : 37.
 Trinh-dương : 16.
 Trinh-minh : 47, 48, 49, 98.
 Trinh-nguyên : 37.
 Trinh-quán : 12, 27.
 Trịnh Hoài-Đức : 109.
 Trịnh Mãi : 26.
 Trịnh Tú : 74.
 Trung-nghĩa : 12.
*Trung-quốc nhân-danh đại từ-
 điển* : 43.
 Trương Bá-Nghi : 36.
 Trương Chu : 37.
 Trương Nhân : 29, 30.
 Trương Phụ : 102.
 Trương Quan : 88.
 Trương-châu : 10, 11, 13.
 Trương-hưng : 50, 52.
 Trương-khánh : 37.

Trường-lâm : 11.
 Trường-son : 11.
 Trường-thành : 100.

U

Uất-lâm : 12, 14, 15, 16, 30.
 Uy-tế : 70.
 Uy-viễn : 70.
 Ung-châu : 25, 28, 39, 40,
 41, 79, 84, 85.
 Ung-hy : 85.

Ư

Ưng-thiên : 90.

V

Vạn-hạnh : 91.
 Vạn-thắng-vương : 70.
 Văn-Dũng : 89.
 Văn-dương : 11.
 Văn-giang : 67.
Văn-hiến thông-khảo : 48, 86,
 87, 88, 89, 91, 92, 100,
 116.
 Văn-nam : 24, 100.

- Vệ-vương : 73, 77, 79, 80.
 Vi Chiếu : 81.
 Vi Tru : 24, 28.
 Viêm-giao : 110.
 Viêm-hưng : 20.
Việt-khieu thư : 52, 54, 99, 116.
 Việt-nam : 109, 110, 111, 112, 117, 119.
 Việt-quốc-công : 24.
Việt-sử lược : 22, 56, 57, 60, 63, 70, 73, 78, 80, 83, 86, 90, 92, 98.
 Việt-thành : 28.
 Việt-thường : 11, 13, 110, 111, 114, 119.
 Vĩnh-an : 20, 21.
 Vĩnh-yên : 13, 67, 115.
 Vĩnh-phúc : 116.
 Vĩnh-tường : 12, 67.
 Vô-Cửu : 102.
 Vũ-an : 10, 11, 12, 13.
 Vũ-bình : 11.
 Vũ-di : 12.
 Vũ-duyên : 12.
 Vũ-dung : 12.
 Vũ-đức : 10.
 Vũ-kim : 12.
 Vũ-lang : 12.
 Vũ-lao : 12.
 Vũ-nga : 10, 11, 12, 13.
 Vũ-nghĩa : 12.
 Vũ-vương : 107.
 Vương Kim : 16.
 Vương Ngạn-Phù : 74.
 Vương Tổ : 14, 15.
 Vương Thế-Tắc : 87, 88.
 Vương Thiệu-Tộ : 82.
 Vương Thông : 104, 105, 106.
- X
- Xích-ô : 17, 18, 19, 22.
 Xương-giang : 105, 106.
 Xương-Ngập : 61, 62, 65, 66.
 Xương-Tuấn : 61, 62.
 Xương-Văn : 59, 62, 63, 65, 66, 69.

142

Triệ

Triệ

Tri

Tr

T,

T

J

,

MỤC - LỤC

Tựa	7
I.— An-nam và Trấn-nam	9
II.— Tĩnh-hải	35
III.— Đại Cồ-Việt	65
IV.— Đại Việt và Đại Ngu	97
V.— Việt-nam và Đại Nam	109
Sách - dẫn	123

Đính - chính

TRANG	DÒNG	IN SAI	SỬA LAI
12	7 (chú)	<i>Vũ an-châu</i>	<i>Vũ-an châu</i>
13	4 (chú)	<i>Phúc lộc-châu</i>	<i>Phúc-lộc châu</i>
14	6 (chú)	霍戈... 戈	霍戈... 戈
21	13 (chú)	bề xin lĩnh chức thái-thú	đề xin lĩnh chức thái-thú
24	20 (chú)	Đường Huyện tông	Đường Huyền-tông
25	4 (chú)	Thiên-thảo	Thiên-bảo
26	17 (chú)	Nhà Minh binh - định Đại-ly, bắt. Tổng - quản	Nhà Minh binh-định Đại- ly, bắt Tổng-quản
27	6 (chú)	<i>Nan-tchao ye tche</i>	<i>Nan-tchao ye che</i>
31	3 (chú)	<i>Đại Việt sử toàn-thư</i>	<i>Đại Việt sử-ký toàn-thư</i>
37	6 (chú)	cái lành nhỏ	cái thành nhỏ
40	21 (chú)	Quân phủ - đồ - hộ làm loạn ;	Quảng - minh năm đầu, quân phủ đồ-hộ làm loạn ;
46	1	Lý Khắc.Chính	Lý Khắc-Chính
48	12 (chú)	<i>Đại Việt sử-ký toàn-thư</i> , ngoại kỹ, quyển 5, tờ 18 ;	<i>Đại Việt sử - ký toàn - thư</i> , ngoại-ký, quyển 5, tờ 18a ;
65	2 — 3	Dương Tam-Kha cướp. ngôi ;	Dương Tam - Kha cướp ngôi ;
69	16 (chú)	sau về vờ	sau về vờ
74	20 (chú)	tam-iy	tam-ty
75	19 (chú)	<i>Tống sử.</i>	<i>Tống-sử,</i>
77	5 (chú)	bỗng thấy ngôi sao	bỗng thấy ngôi sao
93	6	uước	nước
102	6 (chú)	<i>Cương, mục</i>	<i>Cương-mục</i>
113	4	con cháu,	con cháu.

